

BÁCH KHOA

SỐ 75 - NGÀY 15.2.1960

Trong số này :

L.M. BÍCH-QUANG	Văn-hóa và Văn-minh.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Dân-chủ đa nguyên nhưng nhất thể.
PHẠM-HOÀNG	« Dịch địa » đề « nhận chân ».
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Một chương-trình dịch sách ngoại-quốc.
TIÊU-DÂN	Cuộc tiếp xúc Ít-Dân- Hao — Cơ-Rút-Sép.
NGUYỄN-VĂN-THẾ	Thú chơi tem.
NGUYỄN-VĂN-HÀU	Việc thất thủ An-giang năm Đinh-mão.
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	Chiếc đàn Mã- đầu-đề cầm.
NGHIÊM-PHÚ-LƯU	Hội-ngập tối-cao Đông này.
CÔ-LIÊU	Hà : thuốc trường-sinh.
ĐOÀN-THÊM	Ông Tư ăn Tết.
UNG-TRÌNH	Về bài thơ Đường-luật 33 chữ của Tùng- Thiện-Vương.
NGUYỄN-NGU-Í	Những cơn đê của cuộc Phòng-vấn.
TRẦN-HÙNG	Nhân-danh và địa-danh.
TRẦN-THI-KHANH	Nghiêng hồ thư sóng (thơ).
PHAN-VĂN-TẠO	Lá thư cho vợ.
HUY-TRÂM	Mây trưa (thơ).
LIÊN-VÂN	Chiếc áo vóc hồng.
XUÂN-HIẾN	Đường về chiều (thơ).
MẶC-THU	Người đẹp thôn Bích-Câu.
T.V. — KIM-THU	Về — Đôi lòng (thơ).
PHẠM-PHẠM	Đời người thiếu mùa Xuân.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Tửu*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tửu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

— Si-rô Cam, Quýt, Chanh Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM "D.I.C." :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHÂN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHÂN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, B-n Bạch-Đẳng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



SAIGON PHAM CUA HANG THUC

NHUNG GIAM GIA DAI DIEN
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XÚC



VIỆT NAM HÀNG-KHÔNG

1) Giảm giá giảm 15 % trên vé bay cho hành-khách
trong một gia đình đi chung nhau và giới có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em
từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em
từ 3 đến 12 tuổi

2) Giảm-già cho các đoàn nghệ-sĩ và thể thao :

- 10 % trên giá vé khứ-hối cho những đoàn ít lắm
là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hối cho những đoàn ít lắm
là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hối cho những đoàn ít lắm
là 15 người

AIRLINE



XIN HỎI CHI TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siege Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital 1.000.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition



MAI-TÊI V-T-CHONG

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :
Bé Chuong Duong (Ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence de Hanoi :
448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Agence de Phnom-Penh :
20. Boulevard Nbrodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Agence de Hanoi :
448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

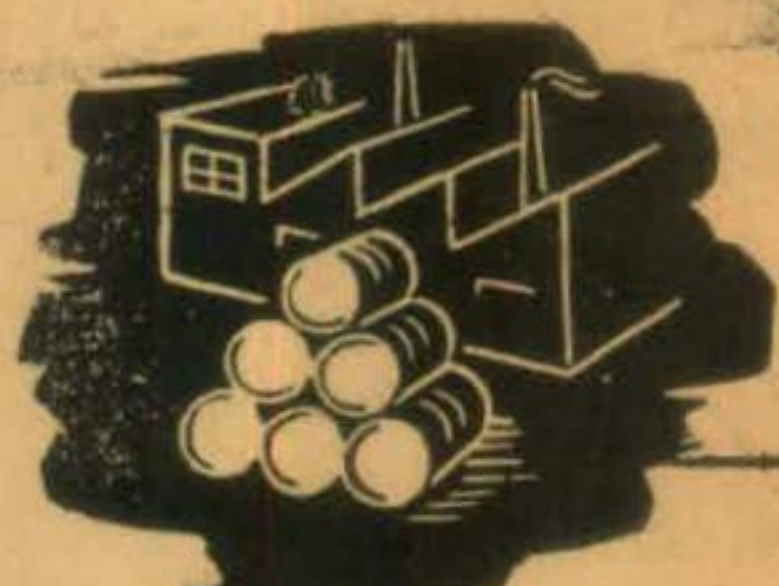




Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - A - NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẻm Eden, Saigon

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

A.T.A.I. DENIS FRÈRES
Ngân-Hàng thừa nhận do Kiện Hối-Đoái

Quốc - Gia Việt Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng Nhập-cảng

QUINQUINA
 (Perronelle — Echinacine — Quinine — Vitamine C)
 Le Remède par excellence contre la GRIPPE,
 et les affections fébriles par refroidissements

ERAVERM

(Hydrate de Piperazine)
 Contre les oxyures et les ascaris (vers intestinaux)
 Efficacité certaine — Bien toléré —
 Goût agréable.

LABORATOIRES ASTA — WERKE A. G.
Chemische Fabrik
 BRACWED — (Westf) ALLEMAGNE

Distributeur Exclusif pour le Viet-Nam **PHARMACIE MY-CHAU**

120 - 121, Bèn Churong Dưòng
 20.067 — 20.068 — SAIGON

SAIGON-MARCHÉ : 178, Dưòng Lê-thành-Tôn
 Tél. : 22.142

BUREAUX

CHOLON : 386, Bđ-Lê Bông-Khánh.

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement **AGENCES** Crédit Foncier de l'Indochine

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON, KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, SAIGON
 (ex. Paul Blanchy)



Toutes Opérations de Banque et de Change.
 TOUTES OPERATIONS IMMOBILIERES
 Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tin LATHANH — SAIGON

TONG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
 - GLAXO (Anh-Quốc)
 - LILLY (Huê-Kỳ)
 - SQUIBB (Huê-Kỳ)
 - PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)
 - SCHERING (Huê-Kỳ)
 - AMBRINE (Pháp-Quốc)
 - DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
 - DON BAXTER (Huê-Kỳ)
 - ỐNG CHÍCH
 - và
 - KIM CHÍCH
- } « IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mửa kiết lý, kiết đàm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bào chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐỦ : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIỄN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN



6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUẢN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON



PHÒNG

UỐN

TÓC



SỬA

SẮC

ĐẸP



BẢO AN

**213^D Tự Do
SAIGON**



BÁCH - KHOA

Số 75 — Ngày 15 - 2 - 1960

	Trang
L.M. BÍCH-QUANG	<i>Văn-hóa và Văn-minh</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Dân-chủ đa nguyên nhưng nhất thể</i> 8
PHẠM-HOÀNG	<i>« Dịch địa » để « nhận chân »</i> 14
NGUYỄN-HIỆN-LÊ	<i>Một chương - trình dịch sách ngoại-quốc</i> 15
TIỂU DÂN	<i>Cuộc tiếp xúc Êt - Dân - Hao — Cơ-Rút-Sếp</i> 20
NGUYỄN-VĂN-THẾ	<i>Thú chơi tem</i> 29
NGUYỄN-VĂN-HẦU	<i>Việc thất thủ An-giang năm Đinh-mão</i> 35
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	<i>Chiếc đàn Mã-dầu-để cầm của người Mông-Cổ</i> 39
NGHIÊM-PHÚ-LƯU	<i>Hội-nghị lối-cao Đông Tây</i> 42
CÔ-LIÊU	<i>H3 : thuốc trường-sinh</i> 47
ĐOÀN-THÊM	<i>Ông Tư ăn Tết</i> 52
UNG-TRÌNH	<i>Về bài thơ Đường-luật 33 chữ của Tùng-Thiện-Vương</i> 61
NGUYỄN-NGU-Í	<i>Những con đề của cuộc Phỏng-vấn về truyện ngắn</i> 67
TRẦN-HÙNG	<i>Nhôn-danh và địa-danh</i> 76
TRẦN-THI-KHANH	<i>Nghiêng hồ thu sóng</i> 79
PHAN-VĂN-TẠO	<i>Lá thư cho vợ</i> 80
HUY-TRÂM	<i>Mây trưa (thơ)</i> 85
LIÊN-VĂN	<i>Chiếc áo vóc hồng</i> 86
XUÂN-HIỆN	<i>Đường về chiều (thơ)</i> 90
MẶC-THU	<i>Người đẹp thôn Bích - Cầu (truyện ngắn)</i> 91
T.V. KIM-THU	<i>Về — Đôi lòng (thơ)</i> 94
PHẠM-PHẠM	<i>Đời người thiếu mùa Xuân (truyện ngắn)</i> 95

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH

: Dân-chủ đa-nguyên nhưng nhất thể.

NGUYỄN-VĂN-HẦU

: Nguyễn-Công-Minh, một nhà thơ miền Nam có danh hồi đầu thế-kỷ.

NGUYỄN-QUANG-LỤC

: Cao-Biên

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

: Thành tích 50 năm khoa-học.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

: Champollion người làm cho đá biết nói.

CÔ-LIÊU

: Albert Camus và triết-lý chống đối.

PHAN-KHOANG

: Các cuộc vận-động ngoại-giao với các cường-quốc của triều Tự-Đức.

H. Đ.

: Nghề xuất-bản với loại sách Tế cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

: Tâm-sự một cây đàn thương-cổ.

TRẦN-VĂN-KHÊ

: Nhân đọc bài « Trống cơm » của ông Nguyễn-Tiến-Chiêu.

ĐOÀN-THÊM

: Khói và lửa.

NGUYỄN

: Kẻ bắt khuấy (truyện dịch).

VŨ-HẠNH

: Gổ quý. (truyện ngắn).

PHAN-DU

: Một món nợ (truyện ngắn).

MINH-HỮU

: Truyện kể cho người vợ chưa cưới (truyện ngắn).

KIỀU-YIÊU

: Cô Tiêm (dịch Liêu-trat).

VĂN - HÓA VÀ VĂN-MINH

L. M. BÍCH-QUANG

NGUỜI ta thường dùng lẫn hai tiếng Văn-hóa Văn-minh và nhiều khi coi như là hai tiếng đồng nghĩa. Nhưng thực ra, đó là hai ý-niệm khác nhau, mà chúng ta cần phân biệt cho rõ để tránh nhiều cuộc tranh luận vô ích.

Ông Đào-Duy-Anh, trong cuốn Pháp-Việt Từ-Điền, đã dịch chữ *civilisation* bằng cả hai tiếng Văn-minh và Văn-hóa; còn dịch chữ *culture* nguyên bằng tiếng Văn-hóa. Trong cuốn Hán-Việt Từ-Điền, ông đã giải nghĩa: Văn-minh là cái tia đạo đức phát hiện ra ở nơi chính-trị, pháp-luật, học-thuật, điền-chương v. v... Văn-minh phản đối với dã-man. Còn tiếng Văn-hóa thì giải-thích là văn-vật và giáo-hóa, tức là dùng văn-tự mà giáo-hóa cho người.

Trong đoạn Tự-luận cuốn « Việt-Nam văn-hóa sử-cương », nhà học-giả họ Đào lại nêu lên vấn-đề: Văn-hóa là gì? Và ông đã trả lời như sau:

« Người ta thường cho rằng văn-hóa là chỉ những học-thuật tư tưởng của loài người, nhân thể mà xem văn-hóa vốn có

tính chất cao-thượng đặc-biệt. Thực ra không phải như vậy. Học thuật tư tưởng cố nhiên là ở trong phạm-vi của văn-hóa, nhưng phạm sự sinh-hoạt về kinh-tế, về chính-trị, về xã-hội cùng hết* thấy các phong-tục tập-quán tầm thường lại không phải là ở trong phạm-vi văn-hóa hay sao? Hai tiếng văn-hóa chẳng qua là chỉ chung tất cả các phương-diện sinh-hoạt của loài người, cho nên ta có thể nói rằng: văn-hóa tức là sinh-hoạt. Văn-hóa đã tức là sinh-hoạt thì không kể là dân-tộc văn-minh hay dã man đều có văn-hóa riêng của mình, chỉ khác nhau về trình-độ cao thấp mà thôi. Ví dụ văn-hóa của dân tộc Âu Mỹ thì cao, mà văn-hóa của các dân tộc mọi rợ ở Phi-Châu, Úc-Châu cùng các giống người Mường, Mán, Mọi ở nước ta thì thấp ». (1)

Trên đây là quan niệm của ông Đào-Duy-Anh. Ông Đào-Đặng-Vỹ, trong bộ Pháp-Việt Từ-Điền lớn, đã dịch tiếng

(1) Đào-Duy-Anh: Việt-Nam văn-hóa sử-cương, Bốn Phương tái bản, tr. 13.

civilisation là văn-minh, văn-hóa và *culture* cũng dịch là văn-hóa, văn-minh. Như vậy tức là ông coi văn-minh và văn-hóa như những tiếng đồng nghĩa.

Ông Thanh-Nghị trong cuốn Từ-Điền Việt-Nam dùng tiếng văn-minh để dịch chữ *civilisation* và đã giải thích như sau : « Văn, trong nghĩa văn vẻ ; minh, trong nghĩa sáng sủa ; cái văn vẻ sáng sủa, các phương-cách sinh-hoạt của loài người khi đã ra khỏi thời-kỳ dã-man, khi đã được khai-hóa tới chỗ sáng sủa. Văn-minh là gồm chung những tư-tưởng và những phong-tục tập-quán của nhân-loại sống trong xã-hội đã được tổ-chức mà con người đã biết giao-thiệp với nhau thường thường. Tùy sự tổ-chức và sự giao-thiệp kia phát-triển nhiều ít mà biết một nước văn-minh nhiều hay còn kém. Ta nhìn biết một nước văn-minh ở chỗ nước ấy một chế-độ chính-trị hành-chính, tiền tệ, một nền văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, một sự độc-lập của xã-hội đối với thiên-nhiên, cũng như sự tự-do giữa những người này với người kia, một sự phát-triển thường thường và sức đi tới không ngừng về phương-diện kinh-tế, tinh-thần và đạo-lý ».

Còn tiếng Văn-hóa ông dùng để dịch chữ *culture* và ông giải thích : « Văn, trong nghĩa văn-minh ; hóa, trong nghĩa giáo-hóa : sự giáo-hóa theo cái văn-minh của một nước trong một thời-kỳ nào đó, có nghĩa là những lẽ lối trong sự phát-triển về tinh-thần, đạo-lý, nghệ-thuật, phong-tục v.v..., phản-ảnh ra trong đời sống loài người, của một dân-tộc đã biết tổ-chức, trong một thời-kỳ nhất định do những điều kiện xã-hội trong thời-kỳ ấy gây ra. Mỗi

nước, ở về một thời-kỳ, tùy theo điều kiện, chế-độ xã-hội của nước ấy vào thời-kỳ ấy mà văn-hóa được tốt đẹp hay không. Nước Ấn-độ, Hy-lạp, có văn-hóa riêng của nước ấy hay theo văn-hóa của một nước nào khác, cũng như nước Việt-Nam từ trước kia, một phần đã theo văn-hóa Tàu hay ngày nay, một phần theo văn-hóa Tây-phương. Xã-hội phong-kiến có một văn-hóa riêng của xã-hội ấy, cũng như xã-hội phú-hào ngày nay có một văn hóa mà ta có thể gọi là văn-hóa phú-hào. Văn-hóa cũng sẽ tùy sự phát-triển hay suy đồi của một xã-hội mà phát-triển hay suy đồi theo ».

Tuy ông đã giải thích dài dòng, mà chúng ta vẫn thấy quan-niệm văn-hóa, văn-minh còn mờ tối lẫn lộn với nhau. Trái lại trong cuốn Việt-Nam Tự-Điền của Hội Khai-trí Tiến-đức, chỉ giải-thích văn tắt như sau : Văn-hóa là sự giáo-dục do văn-học đã thấm thía vào trí não người ta ; còn văn-minh là văn vẻ sáng sủa, nói về xã-hội hay thời đại đã khai hóa tới một trình-độ cao.

Ông Đào-Văn-Tập, trong cuốn Tự-Điền Việt-Nam Phồn-thông, cũng đã cắt nghĩa một cách gọn gàng hai tiếng văn-hóa và văn-minh như sau. Văn-hóa tức là giáo-dục bằng văn học (văn : văn học, hóa : giáo-dục, giáo-hóa). Toàn thể những sản-phẩm tinh-thần của người ta về pháp luật, triết-học, văn-chương, tôn-giáo, mỹ thuật v.v : văn-hóa Tây-phương văn-hóa Đông-phương ; dân-tộc nào cũng có một nền văn-hóa riêng. Còn văn-minh là ánh sáng văn-hóa (văn : văn-hóa, minh : sáng sủa) chỉ người hay dân tộc đã hấp thụ một nền văn-hóa khá cao.

Theo như ông Hoàng-Thúc-Trâm, trong bộ Hán-Việt Tân Từ-Điền, thì có mấy thuyết giải thích văn-hóa khác nhau. Thuyết thứ nhất cho rằng văn-hóa là những thành tích của xã-hội loài người từ dã-man bước đến văn-minh do cố gắng đã lược được mà biểu hiện ở mọi phương diện như khoa-học, kinh-tế, nghệ-thuật, tôn-giáo, đạo-đức, pháp-luật, phong tục, tập quán... Tóm lại là những sản vật tinh thần của loài người. Thuyết thứ hai quan niệm văn-hóa là món tinh thần, là tư tưởng, là hình thái ý-thức, là hình thái quan-niệm. Nội-dung cụ-thể nó gồm cả triết-học, khoa-học, tôn-giáo và nghệ-thuật... Còn theo thuyết thứ ba, thì văn hóa là cuộc sinh hoạt có ý thức của nhân loại hoặc của một dân tộc về phương diện kinh-tế, phương diện xã-hội và phương diện tinh thần.

Đem so sánh những câu định nghĩa hay giải thích trên đây, ta nhận thấy giữa các tác-giả có nhiều điểm tương-đồng dị biệt. Tương-đồng ở chỗ ai cũng coi văn-minh là một nền văn-hóa đã đạt tới một trình độ khá cao : hoặc ở thời cổ như văn minh Hy-La, văn minh Ấn-Độ, văn minh Trung-Hoa ; hoặc thời nay như nền văn-minh Tây-phương hiện giờ, Nhưng về quan niệm văn-hóa thì chưa được rõ rệt. Nhà học giả Đào-Duy-Anh thì hiểu văn-hóa chỉ là sinh hoạt, tức là cách thức sinh sống của bất cứ một dân tộc nào, cho dầu là văn-minh hay dã-man mọi-rợ : hiểu như vậy thì dân-tộc nào cũng có nền văn-hóa riêng, có khác là khác ở trình-độ cao thấp mà thôi. Theo như ông Thanh-Nghị thì văn-hóa tức là sự giáo-hóa theo cái văn-minh của một nước trong một thời kỳ nào đó : như vậy thì phải có văn-

minh mới có văn-hóa, nên những dân-tộc dã-man mọi-rợ chưa văn-minh thì cũng chưa văn-hóa. Riêng ông Hoàng-Thúc-Trâm đã trình-bày ba quan-niệm về văn-hóa, từ chỗ coi văn-hóa chỉ là cuộc sinh-hoạt có ý-thức của nhân-loại, cho đến quan-niệm hiểu văn-hóa là những thành tích của xã-hội loài người từ dã-man bước đến văn-minh.

Trước khi khảo-sát riêng từng quan-niệm, ta nên làm cái việc chính-danh đã, vì danh có chính thì ngôn mới thuận. Thiết tưởng ta nên dùng tiếng « Văn-minh » để dịch chữ *Civilisation*, và dành riêng tiếng « Văn-hóa » để dịch chữ *Culture*. Văn-minh là đối với dã-man, cũng như *civilisé* trong tiếng Pháp là đối với tiếng *barbare*. Còn chữ *culture* mà dịch là văn-hóa thì rất đúng, vì tiếng *culture* là do bởi tiếng La-tinh *cultura* có nghĩa đen là trồng cấy, ở đây người ta dùng với nghĩa bóng là giáo-hóa con người để cho trở nên văn-minh.

Công việc chính-danh đã làm, nay ta thử minh-định cái quan-niệm thế nào là văn-hóa, thế nào là văn-minh. Hai quan-niệm này cùng chỉ một thực-thể là cái vẻ đẹp của xã-hội loài người (văn tức là vẻ đẹp), nhưng mỗi bên nhấn mạnh về một quan-diểm khác nhau. Một bên văn-hóa chú-trọng đến những yếu-tố có tác-dụng làm cho xã-hội loài người trở nên tốt đẹp (hóa tức là giáo-hóa biến đổi) : như những nguyên-tắc đạo-đức luân-lý, những phong-tục tập-quán tốt, những tổ-chức giáo-dục bác-ái với mục-dịch cải-thiện sinh-hoạt xã-hội, những chế-độ chính-trị biết tôn-trọng nhân-phẩm con người v.v... Nói chung là cái công cố-gắng để đưa một xã-hội từ chỗ dã-man mọi-rợ cho lên tới chỗ

văn-minh. Còn văn-minh chính là những thành-quả tốt đẹp đã thu lượm được do cái công giáo-hóa kia : một xã-hội đã đạt được trình-độ văn-minh, khi mà người ta đã biết lễ-độ đạo-đức, khi mà trong xã-hội đã có những thuần-phong mỹ-tục, khi mà những tổ-chức kinh-tế, chính-trị, pháp-luật, kỹ-giới đã tinh-vi. Nói cách khác, văn-hóa đứng trên quan-diểm « động » nhấn mạnh vào việc cải-tiến xã-hội để cho trở nên tốt đẹp, văn-minh trái lại đứng trên quan-diểm « tĩnh » để xác-định giá-trị của một xã-hội, căn-cứ vào những kết-quả tốt đẹp để thực-hiện được về mọi phương-diện kinh-tế, chính-trị, học-thuật, tư-tưởng, đạo-đức v. v. ...

Hiểu như vậy thì không phải bất cứ dân-tộc nào cũng có văn-hóa : văn-hóa không phải chỉ là sinh-hoạt, vì nếu cách thức sinh-hoạt kia là của hạng người dã-man mọi rợ thì đâu có vẻ đẹp gì đáng gọi là văn-hóa. Chỉ khi nào một dân-tộc đã ý-thức được, ít là một cách lý-tưởng, phải tổ-chức xã-hội thế nào cho tốt đẹp, và cố gắng để thực-hiện được phần nào cái lý-tưởng kia, dân-tộc đó mới có văn-hóa. Và dần dần văn-hóa đó sẽ đưa xã-hội tới trình-độ văn-minh.

Không cần là đã phải đạt tới một trình-độ văn-minh khá cao thì một dân-tộc mới có văn-hóa, nhưng văn-hóa chính là cái công cố gắng để cải-tiến xã-hội cho trở nên văn-minh. Văn-minh là như mục-dịch, mà văn-hóa là phương-tiện để thực-hiện cho được mục-dịch đó. Văn-hóa và văn-minh vì thế có liên-hệ với nhau : văn-hóa đưa đến văn-minh, văn-minh lại thúc đẩy văn-hóa tiến-triển thêm

nữa. Dân-tộc nào càng văn-minh thì những tổ-chức văn-hóa càng phát-triển : sẽ có đầy đủ những cơ-quan giáo-dục, y-tế, kinh-tế, hành-chánh, quân-sự, kỹ-thuật... Còn trái lại ở xã-hội nào mà những cơ-quan văn-hóa hoặc tổ-chức thô-sơ, hoặc thiếu sót, thì tỏ ra văn-minh của xã-hội đó còn thấp kém.

Chúng ta đã phân biệt văn-hóa với văn-minh trên hai quan-diểm động và tĩnh : văn-hóa là những yếu-tố có tác-dụng cải-tiến xã-hội cho trở nên văn-minh, văn-minh là cái kết quả tốt đẹp do văn-hóa đã thực-hiện được. Văn-hóa và văn-minh còn khác nhau, vì một bên nặng về phần tinh-thần bên trong, một bên biểu hiện bằng những thành tích bên ngoài. Thuộc về văn-hóa những tư-tưởng lý-thuyết kiến-văn suy-luận nó cấu-tạo nên những tôn-giáo, khoa-học, nghệ-thuật, kỹ-thuật..., còn thuộc về văn-minh những công-trình thực-hiệu được do những kiến-thức kia. Tỷ-dụ những luật về điện-cơ học là thuộc về văn-hóa, vì đó là do trí óc con người suy-luận khám phá ra ; còn một chiếc xe chạy bằng điện là sản-phẩm của văn-minh, đã thực hiện do việc áp-dụng những luật điện-cơ học kia.

Người ta có thể căn-cứ vào những công-trình đã thực hiện được bên ngoài để biết một xã-hội đã có một nền văn minh cao hay thấp. Những Kim-tự-tháp của Ai-cập, những tác-phẩm điêu khắc của Hy-lạp, ngôi đền Đế-Thiên Đế-Thích của người Khmers... đủ chứng tỏ họ đã đạt tới một trình-độ văn-minh khá cao. Còn như muốn biết giá trị của một nền văn hóa, người ta phải đi sâu vào những phong tục lễ nghi, những hệ-thống triết-lý tư tưởng,

những cách tổ chức các ngành hoạt động trong xã-hội v.v....

Vì văn-hóa trọng về phần tinh-thần, mà văn-minh lại căn cứ vào những thành tích bên ngoài : nên có thể là dưới cái vẻ mặt rực rỡ bên ngoài của một xã-hội văn-minh mà bên trong chỉ có một nền văn-hóa thấp kém ; hay trái lại có khi một xã-hội có văn-hóa cao nhưng không có những công-trình thực hiện bên ngoài. Những Kim-tự-tháp chứng tỏ dân Ai-cập đã có một trình-độ văn-minh khá cao, nhưng việc các vua Pharaô đã bắt dân Ai-cập làm việc như nô-lệ để xây-dựng những Kim-tự-tháp đó là một hành-động dã-man của hạng người văn-hóa thấp kém. Còn như Đức Khổng-Tử, tuy chẳng gây dựng được một công-trình vĩ-đại nào, thế mà chúng ta ai cũng đều tôn trọng ngài như bậc Thầy, vì ngài đã là một người có trình-độ văn-hóa cao tới mức tuyệt vời.

Người ta cũng còn phân biệt văn-hóa với văn-minh về phương-diện cá-nhân và xã-hội nữa. Khi nói văn-hóa, ta hiểu về từng cá nhân hơn là chung cả xã-hội : một người có văn-hóa tức là một người có học-thức, có kiến văn rộng rãi, có lễ độ biết ăn ở phải đạo làm người. Một xã-hội văn-minh là một xã-hội mà trong đó những ngành kinh-tế hành-chánh quân-sự học-thuật đã phát-triển và thực hiện được những công trình tốt đẹp. Một người văn-hóa cao có thể sống trong một xã-hội kém văn-minh lạc hậu : như Đức Khổng-

Tử ở thời Xuân-thu Chiến-quốc bên Tàu, hay như Nguyễn-Trường-Tộ dưới thời nhà Nguyễn ở nước ta. Nhưng trong một xã-hội văn-minh có thể gặp thấy những người văn-hóa thấp kém : như dân lao-động trong những xã-hội tư-bản Âu-châu hiện nay.

Xem như vậy ta nhận thấy vấn-đề văn-hóa mới thực là vấn-đề quan-trọng. Nhưng ngày nay người ta chỉ thích nói đến văn-minh, nước nào cũng thi đua cố gắng thực-hiện những công-trình kỹ-thuật để phô-trưng cái vẻ văn-minh ra bên ngoài ; ít người quan-tâm đến vấn-đề văn-hóa, đến công việc giáo-hóa để cải-tiến xã-hội cho trở nên tốt đẹp xứng đáng với cái tiếng văn-minh.

Là vì người ta dễ thực-hiện những cái bên ngoài, hơn là cải-thiện chính bản-thân tự bên trong ; người ta dễ đua đòi bắt chước những cái vỏ hào nhoáng văn-minh hơn là cố gắng để nâng cao trình-độ văn-hóa của mình lên.

Nhưng ta không nên quên rằng : một xã-hội cho dầu có cái vẻ bên ngoài rực rỡ văn-minh đến đâu chẳng nữa, mà bên trong văn-hóa không được xúc tiến, thì chỉ là một xã-hội suy-đổi sắp đến ngày diệt vong. Lịch-sử xã-hội La-Mã còn đó để cảnh-cáo chúng ta.

Muốn cho xã-hội trở nên văn-minh cường-thịnh, người ta không thể không quan-tâm đến công việc phát huy văn-hóa.

L. m. BÍCH-QUANG

Danh ngôn, danh lý

ĐÀO LUYỆN VÀ GIÁO HÓA

- ★ Một người càng cảm thấy mình có khả-năng để làm một công việc và càng thấy mình có dịp được đem tài-năng trí óc ra mà sử-dụng thì càng tận tâm, thích thú với công việc.

DÂN-CHỦ ĐA NGUYÊN NHƯNG NHẤT THỂ

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên-khảo)

(Tiếp theo Bách-Khoa số 72-73)

Dân-chủ một khi bị thu rút lại trong nhiệm-vụ đăng-ký và hộ-vệ tinh-chất đa nguyên, đa chủ của nó mà thôi thì liệu có còn là một chế-độ chính-trị đầy đủ hiệu năng nữa không?... , nhất là hiện nay chủ-quyền trong phạm-vi quốc-gia hiện đã đi tới chỗ suy vi khiến cho dân-chủ đang đi tới bước hiểm nghèo và đang phải tìm phương thể giải-quyết mỗi mâu-thuẫn căn-bản của thời-dại chúng ta :

Đó là một bên thì các lực-lượng sản-xuất đang được tổ-chức và diễn tiến trên tỷ-độ siêu quốc-gia, còn một bên thì các chủ-quyền vẫn còn nằm trong phạm-vi của những quốc-gia nhỏ hẹp.

Nếu chỉ một tổ-chức kinh-tế kết-tập khắp cả hoàn-vũ lại mới có thể giải-quyết được các vấn-đề trong cả hoàn-vũ, thì liệu đơn-vị chính-trị trong cả hoàn-vũ phải được tổ-chức ra sao để thích-ứng được với những cơ-sở mới trên tỷ-độ toàn-cầu ?

Một « nhân-dân toàn-cầu » hiện đã hình thành trong tiềm-thể và chắc sẽ lại có một khế-ước xã-hội mới, song khế ước lần này sẽ kết thúc giữa hết mọi người trong hoàn-vũ, và do đấy, một nền dân-chủ mới, trẻ và có tinh chất đại-đồng sẽ có cơ xuất-hiện.

Dân-chủ bị phân-biệt

TỰ trong lịch-sử Tây-phương, dân chủ căn-cứ trên hai nguyên-tắc : nguyên-tắc tín-thác vào con người đại-đồng, có ý-thức, có lương-tri và nguyên-tắc công-nhận

có một « ý-chí chung » là ý-chí của một đoàn-thể nhân-loại cùng có chung một vận-mệnh. Quốc-gia liên-kết hai nguyên-tắc ấy lại và đặt thành luật-lệ buộc các người công-dân phải tôn-trọng. Tuy nhiên sự liên-

kết đó vừa kiến-tạo nên được những đám dân thuần nhất, đồng tình, thì lại khiến cho nó tan rã ra ngay. Tính-chất công-dân phát-nguyên từ thời thương-cổ cồ-diền bên Tây-phương bị ngọn triều phát-dục của chủ-nghĩa tư-bản công-nghiệp tới khuynh đảo tự cỗi nguồn. Đám dân kết hợp lại được trong thế-kỷ thứ XIX, ngày một trở nên khác biệt nhau, tùy theo địa-vị của mỗi giai-cấp chiếm được trong uá trình sản-xuất công-nghiệp. Người công-dân lý-tưởng của triết-lý cách-mệnh trở nên một công-nhân sống bằng sức lao-dộng ; họ kết tụ lại thành thành-phần riêng của họ là thành-phần lao-dộng ; đám người này nổi lên tranh-dấu quyết-liệt đòi hỏi thật hiện cho được những điều-kiện sinh-hoạt tối thiểu trước mọi tham-gia chính-trị.

Bởi không còn giữ được nhân-dân để làm nền tảng cổ kết, dân-chủ trở nên trừu tượng, từ-chương, bảo-thủ và những phần tử nghèo cực nhất, ý-thức nhất quay bỏ đi tìm trong chủ-nghĩa xã-hội một cuộc tham-gia mới, một nền công - bình mới, một nguồn hạnh phúc mới. Do đấy, phát sinh ra sự phân biệt trong dân-chủ thành hai ngành khác nhau : ngành dân-chủ tự-do và ngành dân-chủ xã-hội, kéo dài qua các biến thiên của thế-kỷ XX. Nhà pháp-học G. Burdeau đã phân-tích minh bạch hậu quả của sự phân-biệt ấy, và ông kết-luận rằng : « Dân - chủ căn - cứ trên sự chấp thuận của toàn dân, đã nổ tan dưới sức ép của các tập-đoàn xã-hội ; đối với các tập đoàn này chính - quyền là mục-tiêu cần phải chiếm để đoạt lấy : dân-chủ không còn phải là khí-dụ g đưa người ta đến một thứ tự-do tổng-quát hảo-huynh nữa mà trở thành một hy-vọng đưa người ta đến chỗ được giải phóng thật sự.

« Dân-chủ, các người sáng lập ra nó quan-niệm nó là một chế-độ của lý-trí, đã biến trở thành một cuộc tranh-thủ bằng bạo lực ». (Burdeau). Chính-quyền dân-chủ, do đấy không còn phát-xuất tự trong nhân-dân, nó do tự ngoài nhân-dân mà đến và liền hóa ra mối xâm-chiếm của chủ-nghĩa Mác-xít và chủ-nghĩa Phát-xít. Cái khế-ước xã-hội thế là bị khai-thác kinh-tế phá-hủy : thay vào đó phát-sinh ra nào đấu tranh xã-hội, nào chủng-tộc chủ-nghĩa... Đó là mệnh hệ bi-thảm của dân-chủ tại Âu-Châu : dân-chủ có nơi thì bị các cuộc cách-mệnh thế-kỷ XX rung chuyển tận cỗi rễ, có nơi thì bị các cuộc cách-mệnh ấy tràn ngập rồi lôi đi tuốt.

Tình-trạng thế-giới hiện nay chia rẽ ra làm hai phe cùng tự nhận mình là dân-chủ thật, đã biểu-lộ rõ rệt cái thế phân-biệt trên : một bên là dân-chủ tự-do, mà phe đối-thủ mệnh-danh là tư-sản, tư-bản chủ-nghĩa, hay hình-thức ; một bên là dân-chủ nhân-dân, xã-hội chủ-nghĩa hay Mác-xít, hiện đang diễn-hành trong các nước thuộc ảnh-hưởng của chủ-nghĩa cộng-sản.

Mỗi phe đều tự nhận mình nắm được cái tinh-túy nguyên-thủy của dân-chủ : phe tự-do thì viện dẫn một thứ tư-cách là công-dân trừu-tượng, nhấn mạnh vào những bảo-đảm pháp-lý và vào những định-chế thiết-lập để bảo-vệ quyền bình-dẳng của mọi công-dân trên lý-thuyết ; phe xã-hội chủ-nghĩa thì viện dẫn ý-chí chân xác của nhân-dân đã có từ trước khi có sự phân chia quyền-lợi và chính-kiến biền-hữu — họ h ề u nhân-dân đây là quần-chúng lao-dộng — và tự-do thiết-thật là nắm giữ chính-quyền, cần phải ý-thức điều trên và thật-hiện điều dưới rồi để mặc cho dân-chủ kinh-tế

thao túng dẫn đưa dân-chủ chính-trị tới chỗ hóa trở thành vô-nghĩa..., là mọi sự sẽ giải quyết được.

Dân-chủ có phải là một kỹ-thuật hòa-giải, thỏa-hiệp không?

Hiện nay, bên Tây - Phương, trước hiềm-tượng xâm-nhập của những lý-thuyết nhất nguyên dẫn đưa tới những chính-thề độc-tài, những chế-độ cuồng-tín đang nổi lên một phong-trào phản-ứng đối lại, song phản-ứng này chỉ mới là phản-ứng của những người hiện-đại muốn phân chia hai lãnh-vực công và tư, hai sinh-hoạt cá-thể và tập-thể chính-trị — kinh-tế, để lãnh-vực trên không xâm hại được lãnh-vực dưới, sinh-hoạt này tránh được sự áp bức của sinh-hoạt nọ. Phản-ứng đó có thể làm cho chủ-nghĩa Mác-xít phải thất bại, nhưng đồng thời cũng làm cho dân-chủ bị tổn thương nặng nề. Như chúng tôi đã trình bày trước đây, dân-chủ là một chế-độ căn cứ vào một quan-niệm đạo-lý, lấy bình quyền, bình-dẳng và tính-chất bất-khả xâm-phạm của nhân-bản-vị làm nền tảng và bởi vậy mà chế-độ dân-chủ là chế-độ đối-lập tuyệt-đối với mọi hình-thức áp chế về chính-trị. Song trước sự suy vi của dân-chủ, cũng như trước sự phân tranh, ly tán của nó, người ta đi tới chỗ chịu để cho dân-chủ trở nên một cách thể biện-minh cho hành-vi, hành-động của mình ở trong phe dân-chủ mà thôi, như bà Jeanne Hersch đã gọi đó là một cách « *biện-minh bị-quan* », rất đáng chán chường. Hoặc có khi người ta chỉ còn coi dân-chủ, như là một kỹ-thuật kiểm-sát chính-trị, có mục-dịch làm cho sự hành sử chính-quyền ít phải tổn hao và bảo vệ được những

quyền-lợi căn bản cho người công-dân. Dân-chủ nếu có đáng giá thì không phải tự chân-giá của nó nữa, mà chỉ bởi tại nó là một chế-độ khiến người ta có thể lợi-dụng để biểu-hiện được các giá-trị. Nếu chỉ có vậy mà thôi, tưởng cũng chưa có gì là quá đáng lắm, nhưng người ta còn đi tới chỗ làm trái ngược hẳn với chủ-trương căn-bản của dân-chủ, đến nỗi coi dân-chủ là chế-độ cạnh tranh của các quyền-lợi, là chế-độ chia rẽ giữa các đảng phái, như ông André Philip nói : « Dân-chủ xác nhận bao giờ giữa một xã-hội cũng có đấu-tranh, đấu-tranh ấy là một điều hay ; mâu-thuẫn của đấu-tranh không nên khắc phục, mà chỉ nên kết hợp lại bằng những thủ-đoạn điều-giải, để giữ thế quân-bình ». — Các nhà xã-hội học Mỹ-quốc cũng có khuynh-hướng diễn-tả dân-chủ hiện-đại như một « chế-độ đa chủ », trong đó quyền-lợi xung đột lẫn nhau và điều hợp với nhau ; nếu có dung hòa, thì dung hòa ấy thể hiện do sự tái-định từ bên ngoài vào chứ không phải do ý muốn nội-tại của nhân-dân phát xuất ; nhân-dân, ngay cả khi đấu phiêu, chẳng phát-biểu một ý-chí nào, mà cũng chẳng phát-biểu một ý-kiến nào cho đứng-đắn, họ chỉ phát-biểu những ý nguyện cục bộ, có khi mâu-thuẫn nhau.

Các nhà lý-thuyết dân-chủ mới hiện nay muốn dùng phương-pháp ngoắt nghéo, gián tiếp trên, để cứu vớt dân-chủ ra khỏi chỗ suy vi do sự phân-biệt trong xã-hội và sự phân cách về công, tư trong con người gây nên ; họ xác nhận thấy rằng quần-chúng lao-động hiện-đại không còn hợp thành « nhân-dân » theo nghĩa cách-mệnh trước, nghĩa là một đơn-vị cố kết và ý-thức làm linh-hồn cho dân-chủ nữa. Trong khi các người Mác-xít đáp lại bằng cách cầu

thành một toàn-thề mới — lấy giai-cấp công-nhân thay thế cho nhân-dân — thì các nhà lý-thuyết dân-chủ mới « chụp » luôn lấy sự suy vi, bại hoại của dân-chủ trên và coi đó là yếu tố cụ thể làm nền tảng cho xã-hội dân-chủ.

Những khiếm-khuyết của một chế-độ dân-chủ đa-nguyên.

Có thể căn-cứ vào những nền tảng trên để biện-minh và bảo-toàn cho dân-chủ hiện - đại không ? Chúng ta cần phải tự hỏi dân-chủ một khi bị thu rút lại trong cái nhiệm-vụ đăng-ký và hộ-vệ tính-chất đa-nguyên, đa chủ của nó mà thôi, thì liệu có còn là một chế-độ chính-trị đầy đủ hiệu-năng nữa không ? Trên thật-tế, tổ-chức kinh-tế và xã-hội của một quốc-gia hiện-đại nào cũng đòi hỏi phải có một chính quyền cứng mạnh. Nếu người ta gác nhân-dân ra ngoài chính-quyền và để cho nhân-dân ở xa chính-quyền, chỉ hỏi họ một vài định - hướng sơ sơ rồi giao cho một số các nhà chuyên-môn tài-định thì chóng chầy, một chế-độ độc-tài sẽ phát sinh, hay tái sinh, trừ khi chính-quyền ấy chuyển dịch luôn luôn từ tay phái này sang tay phái khác để rồi bị phân biệt và trở nên bất lực, không thể gì theo đuổi một chính-sách dài hạn nào hầu thật - hiện được điều gì bền vững cho quốc-dân. Đó là trường-hợp tiến - thoái lưỡng - nan của nước Pháp hiện nay : chính-thề do một số nhân-vật chuyên-môn cầm đầu dưới quyền chỉ-huy tối-cao của một vị « quốc phụ » không hẳn là chính-thề tương phản với chính-thề đại-ngị bị mang tiếng là bất lực đã thất bại trước nó. Cả hai chính-thề cùng đều phát sinh do sự chia rẽ

quá độ của người dân Pháp về chính-trị và về xã-hội, do sự xa lìa của họ về cả hai phương-diện đó và cũng do sự cừu thị của họ đối với chính-quyền ; chủ-nghĩa De Gaulle làm giảm giá chính-trị để gây uy-tín cho một người có một số chuyên-viên thừa hành bồ vây xung quanh để phụ-tá, chỉ làm cho căn bệnh trở nên trầm trọng thêm, chứ không làm thuyên giảm căn bệnh được ở khía cạnh nào.

Đứng nguyên về phương-diện chính sách đối nội mà xét, (về phương-diện chính sách đối ngoại của các nước dân-chủ Tây-Phương, còn phức-tạp hơn nhiều) ta thấy khó lòng có thể thu rút dân-chủ lại thành một thề-chế tài-định và bảo-đảm quyền-lợi của quốc-dân không mà thôi, nhất là hiện nay đã có nhiều người công-bố « *chủ-quyền quốc-gia* » xưa rầy vốn được coi như thần tượng bất khả xâm-phạm, đã đi tới chỗ suy vi, không còn được người ta coi trọng như trước đây nữa. Ô. G. Burdeau đã phụ-diễn sự-kiện ấy một cách rất rõ rệt như sau : « Cái chúng ta gọi là gọi là dân-chủ cổ-diễn căn-cứ trên kiến-trúc triết-lý và pháp-lý *chủ-quyền quốc-gia*, và mục-tiêu của *chủ-quyền quốc-gia* đó, rút cuộc chỉ là chẳng lo làm sao bảo toàn được mối thống - nhất cho chính - quyền. Nếu, từ phía đối-lập với dân-chủ cổ-diễn, ta xét tới dân-chủ Xô-viết, ta cũng sẽ thấy dân-chủ này có một mối chăm lo in hệt : họ chủ-trương muốn đạt tới một xã-hội không giai-cấp, điều cần là phải thiết-lập một quyền-uy nhà nước không đối-lập. Hai tỷ-dụ trên khiến ta phải suy nghĩ rất nhiều. Thì ra hai chế-độ, khác biệt nhau về căn-bản tinh-thần là như thế, cũng biến-đổi mặt địa-cầu sâu xa là như thế, mà muốn nghe thấu tiếng dân, vẫn phải buộc lòng

làm theo một thể-thức giống nhau là dùng kỷ-luật thiết-lập một cơ-quan duy nhất thay thế cho tiếng dân ồn ào, vừa không điều-hòa vừa không nhất-trí, nghĩa là mất cả trật-tự : chính-quyền nhà nước sở dĩ có hiệu năng nhờ bởi có một thống-nhất ; chính-quyền nhà nước sở dĩ đáng tôn-trọng nhờ bởi là chính-quyền của toàn-thể nhân-dân ».

Đã tự nhận mình theo dân-chủ, người chủ trương dân-chủ không thể một mặt vừa theo dân-chủ, vừa theo độc-tài, hoặc vừa ưa sự thuận lợi của dân-chủ vừa ưa sự thuận-lợi của độc-tài. Thà họ nhìn nhận ngay rằng chủ-quyền trong phạm-vi quốc-gia hiện đã tới chỗ suy vi khiến cho dân-chủ cò-truyền tang đi tới bước hiềm nghèo và đang phải cố-gắng tìm phươ g thể giải quyết mỗi mâu-thuẫn căn-bản của thời-đại chúng ta mà ông François Perroux đã có công đem ra đặt trước mắt mọi người đó là một bên thì các lực-lượng sản-xuất đang được tổ-chức và diễn-tiến trên tỷ-độ siêu quốc-gia, còn một bên thì các chủ quyền vẫn còn nằm trong phạm-vi của những quốc-gia nhỏ hẹp. Nếu chỉ một tổ-chức kinh-tế kết tập khắp cả hoàn-vũ lại mới có thể giải-quyết được các vấn đề của cả hoàn-vũ, thì liệu đơn-vị chính-trị trong cả hoàn-vũ phải được tổ-chức và diễn-tiến ra sao để thích-ứng được với cơ sở mới và kích-động cùng kiểm-sát mọi quyết-định cho tương-hợp với tình-trạng mới với một khởi - nguyên dân-chủ trên tỷ-độ toàn-cầu ?

Cái lý-tưởng hay cái không-tưởng ấy, hiện nay đã có nhiều dân-tộc cảm thấy là cần-thiết, không có không được, mặc dù người ta vẫn khò tâm vì thấy nhiều vấn-đề trọng-đại đã lọt qua tay người công-

dân quốc-gia mà vượt lên trên tỷ-độ toàn-cầu. Một « Nhân-dân toàn cầu » hiện đã hình thành trong tiềm-thể, và chắc sẽ lại có một khế-ước xã-hội mới, song khế-ước lần này sẽ kết thúc giữa hết mọi người trong hoàn-vũ và do đấy một nền dân-chủ mới, trẻ và có tính-chất đại-dồng chắc sẽ có cơ xuất-hiện.

Dân-chủ cũng là một cuộc đấu-tranh trường-kỳ

Song, để trở lại vấn-đề điều-hành nền dân-chủ đa-nguyên, ta thấy rằng khó lòng thu rút dân-chủ lại trong phạm-vi của một thể-thức chuyên bảo-vệ và dung-hòa quyền-lợi của các cá-nhân trong tập đoàn quốc-gia. Ta có thể thu rút dân-chủ trong phạm-vi đó, là khi nào giữa các phần-tử trong quần-dân quả có bình-quyền, bình-dẳng thật sự. Đảng này, ta thấy rõ cái người ta gọi là cuộc « đối-thoại » để hòa giải giữa các cá-nhân đã bị bạo-lực tới làm cho hư liệt ngay tự căn-bản : bạo-lực của kẻ giàu đối với kẻ nghèo, bạo-lực của kẻ đạt-thành đối với kẻ thất-bại, bạo-lực của thời-đại mới, càng tinh-vi tế-nhị hơn và càng gây ra nguy-hại sâu sắc và mãnh liệt hơn. Chế-độ dân-chủ không phải chỉ là một chế-độ đứng quan-sát, nhận định suông các cuộc đấu-tranh xảy ra trong xã-hội và chỉ tìm cách hòa-giải các cuộc đấu-tranh ấy : chính chế-độ dân-chủ còn phải là một chế-độ đấu-tranh trường-kỳ để đem lại cho kẻ thất thế bị loài trừ, kẻ hèn yếu bị áp chế, được bình - quyền bình - đẳng về ngôn - luận và quyền - uy. Muốn cho người dân có thể « đối thoại » với nhau một cách công-bình và chân-chính không phải chỉ việc đứng nhìn họ « đối thoại » với nhau rồi kiểm thế

hòa-giải, mà còn phải dứt khoát tán đồng hay bài xích và nếu cần, phải sẵn sàng dùng bạo lực để chống lại bạo lực nữa,

Dân-chủ phải có hướng đi lên

Dân-chủ là một chế-độ chấp nhận sự tranh-luận, sự bàn cãi, và đó chính là điểm cao cả nhất của dân-chủ, mặc dù tranh luận, bàn cãi làm mất thì giờ và hao năng xuất. Việc quản-trị quốc-dân chỉ có hai cách hoặc dùng ngôn-luận mà thuyết-phục hoặc dùng bạo-lực mà uy-hiệp; người dân-chủ là kẻ tin rằng có thể dùng ngôn-luận mà thuyết-phục quốc-dân được. Tuy-nhiên, ngôn-luận không có hướng đi lên chỉ là ngôn-luận vô-nghĩa; người dân-chủ không thể thừa nhận một tình-trạng cố-định, người dân-chủ phải cố công cùng sức làm cho nhân-loại tiến tới không ngừng, tiến tới vượt mức và ngày càng thông-cảm với nhau. Nếu không, chính bản chất dân-chủ sẽ bị dồn ép biến thành một chủ-nghĩa giáo điều, chỉ còn biết tự-vệ một cách ích-kỷ, chối bỏ cái chí-vọng phồn-biến, đại-dồng và tự dẫn mình tới chỗ bại-vong.

Dân-chủ phải thi-hành cho hết mọi người

Sau hết, dân-chủ không thể quan-niệm như là một chế-độ đặc-biệt dành riêng cho một số dân-tộc hay quốc-gia tân-tiến. Ngày xưa, hồi thế-kỷ XIX, một giai-cấp đã từng dùng chủ-nghĩa tự-do làm lợi khí

để chiếm đoạt dân-chủ, ngày nay hình như lại có một số quốc-gia muốn giữ độc-quyền dân-chủ.

Như ông Jean Lacroix đã nói rất đúng rằng: dân-chủ là sự thâm nhập của hạ tầng cơ sở vào thượng tầng kiến-trúc. Kẻ biến quyền lợi của mình thành một lực lượng chống lại quyền lợi của nhân-dân không phải là một kẻ dân-chủ thật; kẻ ấy lợi dụng dân-chủ cũng như hồi thế kỷ XIX những phần-tử chủ-trương tự-do đã lợi dụng tự-do để tiêu-diệt những phần-tử lao-động nổi lên chống đối lại họ — Ngày nay, nhân-dân các nước kém mở mang đang yêu-sách quyền được bình-dẳng và quyền được tôn-trọng. Một chế-độ dân-chủ từ khước yêu-sách ấy của họ thật đã tự lên án mình từ trong nguyên-tắc và ngay trên thật-tế nữa. Dân-chủ có giá-trị đối với người Tây-Phương thì cũng có giá trị đối với người Đông-Phương, và người Đông-Phương cũng đáng được hưởng dân-chủ như người Tây-Phương. Đó là điều hình như người Tây-Phương hay quên, nhưng có chỗ đáng buồn hơn, là chính nhiều người Đông-Phương cũng cho nhân-dân nước mình còn ngu dốt, tối tăm chưa có khả-năng trí-thức xứng đáng hưởng một chế-độ chính-trị mà họ coi là nguy hiểm.

(Còn tiếp)

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

★ Phân công là điều rất hay, nhưng phải phân công cách nào để không vì sự phân-công mà mất liên-lạc, mất điều-hòa, mất phối-hợp, mất đoàn-kết.

dòng tư tưởng...

« DỊCH ĐỊA » để « NHẬN CHÂN »

Trước sự bất công, chúng ta tức tối.

Trước việc phi lý, chúng ta dả đảo.

Thật là chính đáng, và chúng ta thường sẵn sàng tin mãi là chính đáng.

Nhưng sau khi tức tối đến cực điểm, dả đảo đến quá đáng, chúng ta có thường truy xét đến nguyên-nhân sâu xa của thái-độ hay hành-vi chúng ta chẳng? Chúng ta có năng tự hỏi hoặc chúng ta dả đảo quá hăng hái, vì chúng ta chủ-quan, không đề mình trong hoàn-cảnh của người có thể lợi dụng được việc phi lý? Hoặc chúng ta tức tối kịch-liệt bởi chúng ta vị-ngã, không đặt mình trong địa-vị của kẻ đã gắng gỏi thật nhiều mà vẫn không thắng nổi những cám dỗ của sự bất công?

Nhiều khi phương-pháp « dịch địa » có thể giúp chúng ta « tự chế » mà nhận chân được sự việc một cách công-bình và nhân-đạo hơn.

PHẠM-HOÀNG

MỘT CHƯƠNG TRÌNH DỊCH SÁCH NGOẠI QUỐC

TRONG bài phê-bình bộ *Đường Thi* trích-dịch của Đỗ-Bằng-Đoàn và Bùi-Khánh-Đản, tôi đã nói dịch là một việc rất bạc bẽo vì công việc đã khó khăn mà lại ít người thưởng-thức. Riêng ở nước ta nó lại càng bạc bẽo vì rất hiếm người chịu đọc sách dịch. Mấy chục năm trước, ngay những tiểu-thuyết rất hấp dẫn, cảm-dộng của Pháp như *Manon Lescaut*, *La Dame aux Camélias*, do học-giả Nguyễn-Văn-Vĩnh dịch, rồi in thành sách khổ nhỏ trong loại *Âu-tây tư-tưởng*, bán rất rẻ tiền, mà cũng chỉ có học-sinh mua chớ người lớn ít ai coi, chính tôi cũng không đọc nữa. Đọc mà làm gì kia chứ ? Mình đã biết bản tiếng Pháp rồi kia mà ! Nếu chưa biết thì kiếm bản tiếng Pháp đọc, có thú hơn không ? Còn hạng bình-dân, không biết tiếng Pháp, không quen với phong-tục, văn-chương của Pháp, thì dù bản dịch của cụ Nguyễn có thoát, có hay đến bậc nào, họ cũng không ưa bằng những truyện Tàu hợp với tâm-hồn họ

hơn. Thành thử công của cụ trong việc phổ-biến văn-hóa Âu-Tây rất đáng kể mà ít người để ý tới, trừ một hai nhà phê-bình như Vũ-Ngọc-Phan. Cái tai-hại của sự học nhờ người nó như vậy đó.

Nhưng ngày nay tình-trạng đã khác. Chỉ những sinh-viên ở Đại-học hoặc các trường Cao-dẳng ra mới có thể đọc được một hay hai ngoại-ngữ ; còn những học-sinh có bằng cấp Tú-tài mở một cuốn sách Pháp hay Anh ra vẫn còn ngại lắm. Cứ theo sự nhận xét của các bạn tôi làm giáo-sư sinh-ngữ thì các cậu Tú cô Tú của ta hiện nay chỉ hiểu tiếng Pháp bằng học-sinh có bằng tiểu-học thời 1930. Tôi không chê họ : họ không được học chuyên như chúng ta hồi xưa ; lại thêm lối dạy cùng chương - trình ngày nay cũng còn nhiều chỗ phải xét lại. Mà số học-sinh Trung-học thì rất đông : thí-sinh Trung-học đệ-nhất-cấp ba bốn vạn mỗi năm, thí-sinh Tú-tài II hàng ngàn mỗi năm. Còn tăng nữa, tăng đều đều và tăng rất mạnh nếu chính-phủ mở đủ trường cho dân

MỘT CHƯƠNG TRÌNH DỊCH SÁCH NGOẠI QUỐC

học. Có thể hy-vọng chỉ trong ba chục năm nữa, hầu hết thanh-niên của ta có sức học phổ-thông ngang với bằng Trung-học đệ-nhất-cấp bây giờ.

Ai cũng biết sự học ở nhà trường thiếu sót nhiều, không thể nào đủ được. Trường chỉ dạy cách học thôi, và người dân một nước văn-minh phải tiếp tục học hoài suốt đời bằng cách đọc sách, báo, nhất là sách. Nhưng hồi xưa học-sinh có bằng cấp cao-đẳng tiểu-học, hoặc học một hai năm ban đó có thể đọc sách Pháp được, rồi nhờ biết tiếng Pháp đọc những bản dịch của sách Anh, sách Đức, Ý, Nga, Nhật... còn học-sinh có tú-tài ngày nay, không thông được lấy một ngoại-ngữ thì làm cách nào tự học? Trong khi đi học, họ biết đọc sách gì để mở rộng trí-thức hoặc tiêu-khiển? Người ta chê học-sinh thời này làm biếng không chịu đọc sách nên trình-độ rất kém. Nhưng thưa bạn, ta hãy tự hỏi có sách cho họ đọc không đã chứ? Có ít truyện dài truyện ngắn của Tự-lực văn-đoàn, của Hồ - Biền - Chánh, bà Tùng-Long... rồi gì nữa?

Ngay những tác - phẩm triết - học ghi trong chương-trình Trung-học 12/8/1958 (trang 56) :

- Phédon, Gorgias, La République của Platon
- Discours de la Méthode của Descartes
- Le contrat social của J.J. Rousseau
- Introduction à l'étude de la médecine expérimentale của Cl. Bernard

Đại - học, Trung - dung, Luận - ngữ, Mạnh-tử, Đạo-dức-kinh

Dharma Pada — Khóa hư lục

tất cả 15, 16 cuốn, mà trong một năm nay mới chỉ có một tác-phẩm rưỡi được dịch, tức trọn cuốn Discours de la Méthode của Descartes (viện Đại-học Huế dịch) và nửa cuốn Đạo Đức Kinh (Nghiem-Toàn dịch).

Cứ theo cái đà như thế thì có lẽ mười năm nữa, học-sinh Trung-học cũng chưa có đủ sách để học, đừng nói là đọc nữa.

Hồi xưa ta có đủ sách để học và vô số sách để đọc; mới lên cao-đẳng tiểu-học vài năm ta đã đọc: Le crime de Silvestre Bonnard của A. France, Mémoires d'Outre tombe của Chateaubriand, Guerre et Paix của Tolstoi, Werther của Goethe, Vie des hommes illustres của Plutarque, Quo Vadis của Henri Sienkiewicz..., trong nguyên văn hay trong bản dịch ra tiếng Pháp. Cho nên sức học của ta già giặn hơn học-sinh ngày nay là lẽ dĩ nhiên. Vậy ta đừng chê họ nữa mà hãy tìm cách giúp họ.

Một mặt ta phải sửa đổi chương-trình, cải-thiện lối dạy ngoại ngữ sao cho khi thi tú-tài, họ thấy được một ngoại ngữ — thông một còn hơn biết lóm bóm hai ba — thông, nghĩa là đọc sách một cách dễ-dàng, nói và viết một cách khá xuôi, đại loại như học-sinh năm thứ tư ban cao-đẳng tiểu-học hồi trước chiến-tranh. Một mặt nữa, ta phải dịch nhiều sách ngoại-quốc cho họ đọc,

Tôi không bàn đến văn - đề giáo - dục trong bài này, chỉ xin xét riêng văn - đề dịch sách.



BÁCH KHOA LXXV

Công việc tuy bạc bẽo đối với nhà cầm bút nhưng bổ ích vô cùng đối với quốc dân, nhất là trong một nước mới thoát được cái nạn học nhờ như nước ta. Nếu không dịch sách mà đòi cho đa số quốc-dân có một trình-độ ngoại ngữ đủ để đọc sách ngoại-quốc thì có lẽ phải mất một thế-kỷ. Chúng ta đã đi sau người quá xa rồi, không thể phung phí thời giờ như vậy được. Còn như nếu chịu dịch thì chỉ trong năm năm đa số quốc-dân có thể tìm hiểu được văn-hóa thế-giới. Chỉ cần có bằng cấp tiểu-học, lớn tuổi một chút, biết suy nghĩ ít nhiều là có thể xem những danh tác của phương Đông, phương Tây, hiểu sử-ký phong-tục chính-trị ít nhiều tư-tưởng của mỗi dân-tộc. Từ trước quốc-dân chỉ có mỗi một cửa sổ để nhìn ra cái khu vườn nho nhỏ của mình, thì lúc đó sẽ có hàng chục cửa sổ để nhìn ra khắp các khu vườn xa, gần của thế - giới. Đó là cái lợi thứ nhất.

Cái lợi thứ nhì là Việt-ngữ sẽ phong-phú một cách rất mau. Theo Lương-Khai-Siêu thì nội công việc dịch kinh Phật của Cưu-Ma-La-Thập đời Tấn và nhất là của Huyền-Trang đời Đường, đã làm cho vựng ngữ của Trung-hoa giàu thêm được trên ba vạn rưỡi tiếng, mà thêm được 35 ngàn tiếng tức là thêm được 35 ngàn quan-niệm. Nếu bây giờ ta cũng dịch hàng vạn cuốn của Đông Tây, thì chắc chắn Việt-ngữ của ta cũng giàu thêm được hàng muôn tiếng.

Còn cái lợi thứ ba nữa. Trong quần chúng không thiếu gì người rất thông-minh chỉ vì không được học nhiều, hoặc không có sách đọc nên sự hiểu biết nông cạn. Nếu họ có nhiều sách để đọc thì họ sẽ

sáng suốt hơn, và có thể phát huy được nhiều cái mới trong khu-vực văn học, triết học, chính-trị... Jean Jacques Rousseau ở đâu mà ra ? Có phải là ở trong một gia-dình quý phái đâu ? Có được đi học nhiều đâu, mới 13 tuổi phải lang thang kiếm ăn rồi, nếu không đọc sách thì làm sao thành một văn-hào, một triết-gia làm vẻ vang cho dân-tộc Pháp ? Lincoln còn nghèo khổ hơn nữa, cũng nhờ đọc sách mà thành một chính-trị gia bậc nhất của Mỹ. Thí dụ còn nhiều, nhiều lắm. Cho nên cái việc giáo-hóa dân không phải chỉ có mở trường cho nhiều, mà còn phải dịch sách nữa.



Sức học của tôi còn nông và hẹp, không dám lập một bảng kê tên những sách cần phải dịch cho quốc dân đọc. Mà tôi nghĩ cũng chẳng có học-giả nào đủ tư cách để lãnh việc đó ; ai có giỏi là biết kỹ được vài môn thôi. Nhưng tôi đã thấy ở ngoại-quốc, hai nhóm người làm công việc đó rồi ; nói thực ra thì không phải họ kê tên những sách nên dịch, mà kê tên những sách nên đọc.

Nhóm thứ nhất gồm bốn chục nhà bác-học ở Bỉ có danh tiếng khắp thế-giới họp nhau lựa chọn những tác-phẩm căn-bản về văn-hóa vạn-quốc rồi sắp theo từng loại (có đủ các loại : tác-phẩm tổng-quát, Sử-ký, Văn-minh, Ngữ-học, Mỹ-thuật, Văn-học, Khoa-học luân lý. Khoa học tự-nhiên và đích xác), từng xứ, từng thời đại, rồi giới-thiệu mỗi tác-giả hoặc tác-phẩm quan-trọng trong ít hàng, hết thấy được khoảng ba ngàn bộ. Công-trình giới-thiệu của các vị đó in thành

một cuốn khổ lớn, nhan đề là *La Bibliothèque de l'Honnête homme*, do nhà Ad. Gœmaère ở Bruxelles xuất-bản. Tôi chỉ được biết bản in lần thứ nhì năm 1949, gồm 674 trang; chắc hiện nay có một bản mới hơn, vì nhà xuất-bản có nói sách sẽ được bổ túc hoài cho hợp thời.

Nhóm thứ nhì cũng gồm trên bốn chục giáo-sư, học-giả, ở Mỹ, do ông Atwood H. Townsend điều khiển, và đã lựa non một ngàn rưỡi bộ đề giới-thiệu với dân-chúng trong cuốn *Good Reading*, loại Mentor book, do nhà New American Library xuất-bản. Cuốn đó xuất-bản lần đầu năm 1947 trung-bình mỗi năm tái bản một lần, đã giúp cho non triệu người Mỹ chọn sách đọc. Sách nhằm giới bình-dân, (không như cuốn *La Bibliothèque de l'Honnête homme* nhằm giới trí-thức), cho nên nặng về Sử-ký, Triết-học, Văn-học, Mỹ-thuật hơn những môn khác. Tuy nhiên hạng trí-thức nước mình dùng nó vẫn thấy bổ-ích.

Tôi đoán ở Anh, ở Đức, có lẽ cả ở Nhật, cũng có những cuốn sách hướng-dẫn độc-giả như hai cuốn *La Bibliothèque de l'Honnête homme* và *Good Reading* đó.

Ta đã đi sau người thì sao không dùng ngay kinh-nghiệm của người?

Ta không thể theo hẳn một cuốn nào được vì cuốn của Bỉ viết cho những người biết tiếng Pháp và tiếng Hòa-lan, chú-trọng đến văn-hóa của Tây-Âu hơn; cuốn của Hoa-kỳ lại chú-trọng đến văn-hóa của Anh-Mỹ hơn. Cho nên ta phải tìm thêm những sách trong loại đó của các nước văn-minh khác rồi tra-cứu chiêm-chước. Ta có thể theo tiêu-chuẩn này:

Về văn-hóa phương Tây hễ tác-phẩm nào được mọi cuốn đó đều giới-thiệu thì ta có thể lựa đề dịch. Chẳng hạn tác-phẩm của Tolstoi, cuốn *Good Reading* xuất-bản lần thứ 12, năm 1957 giới-thiệu ba bộ chính *Guerre et Paix*, *Anna Karénine*, *Résurrection* và hai bộ phụ: *Les Cosaques*, *La Sonate à Kreutzer*. *La Bibliothèque de l'Honnête homme* giới-thiệu ba bộ chính: *Guerre de Paix*, *Anna Karéninine*, *Resurrection*, và bốn bộ phụ: *Les Cosaques*, *Récits de Sébastopol*, *La Mort d'Ivan Ilitch*, *Hadjî Mourad*. Nếu Đức, Anh, Nhật... cũng giới-thiệu *Guerre et Paix*, *Anna Karéninine*, *Résurrection* và *Les Cosaques* thì ta dịch ngay bốn bộ đó, khỏi phải do dự nữa.

Văn-hóa phương Đông, người phương Tây chưa hiểu mấy nên giới-thiệu thiếu sót. Ta phải chú trọng về phương Đông hơn, nhất là Trung-Hoa, Ấn-Độ, Nhật-Bồn. Về Trung-Hoa thì các nhà cựu học hợp tác với một số nhà tân học của ta có thể lựa được những tác-phẩm cần phải dịch. Còn về Ấn-Độ và Nhật-Bồn, nếu ta chưa có nhà chuyên-môn, thì có thể nhờ các học-giả của hai dân-tộc đó giúp ý kiến cho ta được.

Tất nhiên, nếu dịch ngay nguyên-tắc thì quí nhất, nếu không ta hãy dịch tạm theo một bản dịch đứng đắn, của ngoại-quốc. Rồi chú thích kỹ lưỡng. Cuốn *La Bibliothèque de l'Honnête homme* có giới-thiệu những bản dịch giá-trị.

Tôi đã tính sơ sơ, nếu lựa sách theo tiêu chuẩn trên thì sẽ được từ một ngàn đến hai ngàn bộ. Bước đầu, ta hãy dịch một ngàn bộ, và định một thời hạn là năm năm sẽ dịch hết. Tôi vẫn biết lập chương-trình

thì dễ mà thực hành mới khó : còn tùy nhiều điều kiện mà điều kiện thứ nhất là tiền. Nhưng tôi nghĩ thời hạn đó không phải là quá ngắn vì một ông bạn tôi mấy năm trước đi hội nghị ở Miến-Điện về, có nói rằng chính-phủ Miến dịch mỗi năm được ngàn cuốn sách phân phát cho nhân-dân. Đành rằng hoàn cảnh của Miến thuận tiện hơn của ta : họ không bị chiến-tranh xâm lược trong 8 năm như ta, nước họ lại không bị cắt đôi như ta ; nhưng nếu ta gắng sức thì họ làm được năm, ta cũng được một, hai chứ ? Huống hồ, các cường-quốc thấy chương-trình văn-hóa của ta, nếu lại biết rằng ta làm nên chuyện, thì chắc chắn vui vẻ tiếp sức ta liền. Vì lợi cho ta, mà cũng lợi cho họ rất nhiều nữa.

Nhưng chương - trình tôi phác ở trên gồm những tác-phẩm hơi cao, lợi trực tiếp cho hạng có sức học trung-học đệ-nhất-cấp trở lên. Ta phải nghĩ đến quần-chúng nữa, tức hạng người chỉ có tiểu-học, hoặc chỉ mới biết đọc biết viết.

Vậy đồng thời với công việc trên, ta cũng nên khởi sự ngay công việc phổ-thông trí-thức. Ta sẽ soạn độ vài ba trăm cuốn nhỏ nhỏ, dày khoảng 50 tới 100 trang, mỗi cuốn về một vấn - đề thiết thực cho người dân : vệ-sinh, cách đề phòng mỗi thứ bệnh, canh nông, cách trồng cây, các nghề thủ công, các máy thường dùng (máy nò, máy khâu thành...) - ột chút sử ký vạn quốc, tất nhiên có sử ký nước nhà, một chút chính-trị, một chút khoa-học thường thức, một chút luật học, gia-đình thường thức... Mỗi vấn - đề

giao cho một nhà chuyên môn, chẳng hạn các giáo-sư đại-học, các học-giả. Điều cần nhất là các vị đó, phải quen viết tiếng Việt, viết một cách dễ dàng, sáng sủa và vui vui thì quốc dân mới chịu đọc. Tất nhiên trong 5, 6 chục trang không cần đào sâu vấn-đề, mà cần biết nhìn tổng quát, có óc thực-tế, tùy trình-độ và nhu-cầu của quốc-dân mà nhấn vào điểm này, bỏ qua điểm khác... Công việc đó có thể làm gấp trong hai năm được.

Sách loại thứ nhì này (loại phổ-thông) phát không cho dân chúng ; còn sách loại trên thì phân phát cho các sở (một bộ phận của công chức là trau-giỏi trí-thức đề phục-vụ quốc dân) nhất là các thư-viện, phòng thông-tin, làm sao cho mỗi quận lỵ có ít nhất là hai, năm cuốn, mỗi tỉnh lỵ có ít nhất là hai chục cuốn, mỗi thứ kỳ dư sẽ đem bán rẻ cho quốc-dân. Phòng thông-tin hoặc ty giáo-huấn, ty ngân khố, ty hành-chánh, mỗi nơi sẽ lãnh nhiệm-vụ bán sách này để tránh cho độc-giả khỏi phải trả một số huê-hồng hiện nay lên tới 45% giá chính-thức.

Tôi thành tâm mong các cơ-quan văn-hóa lưu-tâm đến vấn-đề dịch và soạn sách đó. Tôi xin nhắc lại nó quan-trọng không kém vấn-đề mở trường : ích lợi rất nhiều mà phí tổn không mấy ; nhưng chỉ có chính-phủ mới đảm-nhiệm nổi trong lúc này, chứ không một nhà xuất-bản nào dám nghĩ tới hết. Đọc bảng thống-kê các sách xuất-bản do Văn-hóa vụ trình-bày ở phòng triển-lãm sách vừa rồi, chắc độc-giả đã nhận thấy : trong năm 1959 chỉ có năm (5) cuốn sách dịch !

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Biến-cổ chính-trị trọng-đại nhất trong năm qua :

CUỘC TIẾP-XÚC ÉT-DÂN-HAO — CƠ-RÚT-SẾP

TIỂU-DẪN



CẢ N nửa đêm hôm chúa-nhật 13 tháng 9 năm 1959 các đài phát-thanh ở khắp¹ nơi trên thế-giới loan tin vệ-tinh nguyệt-cầu của Liên-Xô đã rơi xuống mặt trăng.

Hai ngày sau, vào ngày thứ ba 15 tháng 9, ông Cơ-rút-sếp, chủ-tịch hội-đồng bộ-trưởng Liên-Xô, đặt chân lên đất Hoa-Kỳ với mục-dích viếng thăm thiện-chí.

**Tiến lên mặt trăng và đi vào
lòng người**

Tấm danh-thiếp trình-diện của ông

Cơ-rút-sếp không làm cho chính-giới Hoa-Kỳ ngạc-nhiên. Từ những ngày sửa soạn chương-trình đón tiếp lãnh-tụ điện Cầm-linh, người ta đã đợi chờ một biến-cổ mới về kỹ-thuật, khoa-học mở đường cho nhà ngoại-giao chính-trị. Tháng giêng năm nay, phó thủ-tướng Liên-Xô Mi-coi-an đến Hoa-Kỳ với tấm danh-thiếp « vệ tinh thái-dương ». Mấy tháng sau, đến khai-mạc cuộc triển-lãm văn-hóa, kỹ-thuật Liên-Xô tại Hoa-Kỳ, đệ-nhị phó thủ-tướng Cốt-lốp từ chiếc phản-lực cơ nguyên-tử Tu-pô-lép bước xuống, đã tươi cười tuyên-bố một kỷ-lục bay nhanh mới lập

TIÊU-DÂN

được. Giờ đây trên một sân-khấu rộng rãi hơn, tấn kịch diễn lại với đào kép mới.

Hoa-Kỳ không ngạc-nhiên mà bình-tĩnh, tự tin. « Vấn-đề không phải là bước một bước cao lên không-trung mà là bước một bước dài về hòa-bình. » Nhà

hữu-trách và nhân-dân Hoa-Kỳ đã ý-thức được rõ ràng chỗ mạnh, chỗ yếu của ta và của địch. Họ hiểu rằng Liên-Xô đưa vệ-tinh được lên cung trăng nhưng không nâng cao được mức sống của dân-chúng hiện thua xa mức sống dân-chúng Hoa-Kỳ. Họ lại hiểu rằng cuộc tranh-chiến giữa hai phe đang chuyển qua một lãnh-vực trong đó họ có ưu-thế với một tiềm-lực kinh-tế, kỹ-nghệ dồi-dào, với một nền văn-minh trẻ, đầy sinh-lực.

Cho nên, nếu phải kể những phản-ứng nào của Hoa-Kỳ đối với các sự-kIỆN vệ-tinh nguyệt-cầu và cuộc viếng thăm của ông Cơ-rút-sép sắp tới, người ta sẽ ghi-nhận một sự tăng-cường cảnh-giác đối với cuộc tiếp-xúc đối-phương và về một phương-diện khác, sự tò-mò tìm hiểu con người tiêu-biểu có thẩm-quyền nhất cho lực-lượng và chủ-nghĩa Cộng-sản quốc-tế hiện-đại.

Nhưng không phải ai cũng đợi chờ để tìm hiểu lãnh-tụ Liên-Xô hoặc đề đối-phó

với ông ta. Nếu tâm-lý trên có những sắc màu phổ-biến, thì người ta cũng còn thấy có những con người những xu-hướng chống ngay trên nguyên-tắc sự tiếp-xúc giữa hai nhân-vật lãnh-đạo hai hệ-thống ý-thức nghịch-thù mâu-thuẩn nội-tại này làm cho nhà hữu-trách và nhân-dân Hoa-Kỳ bận tâm

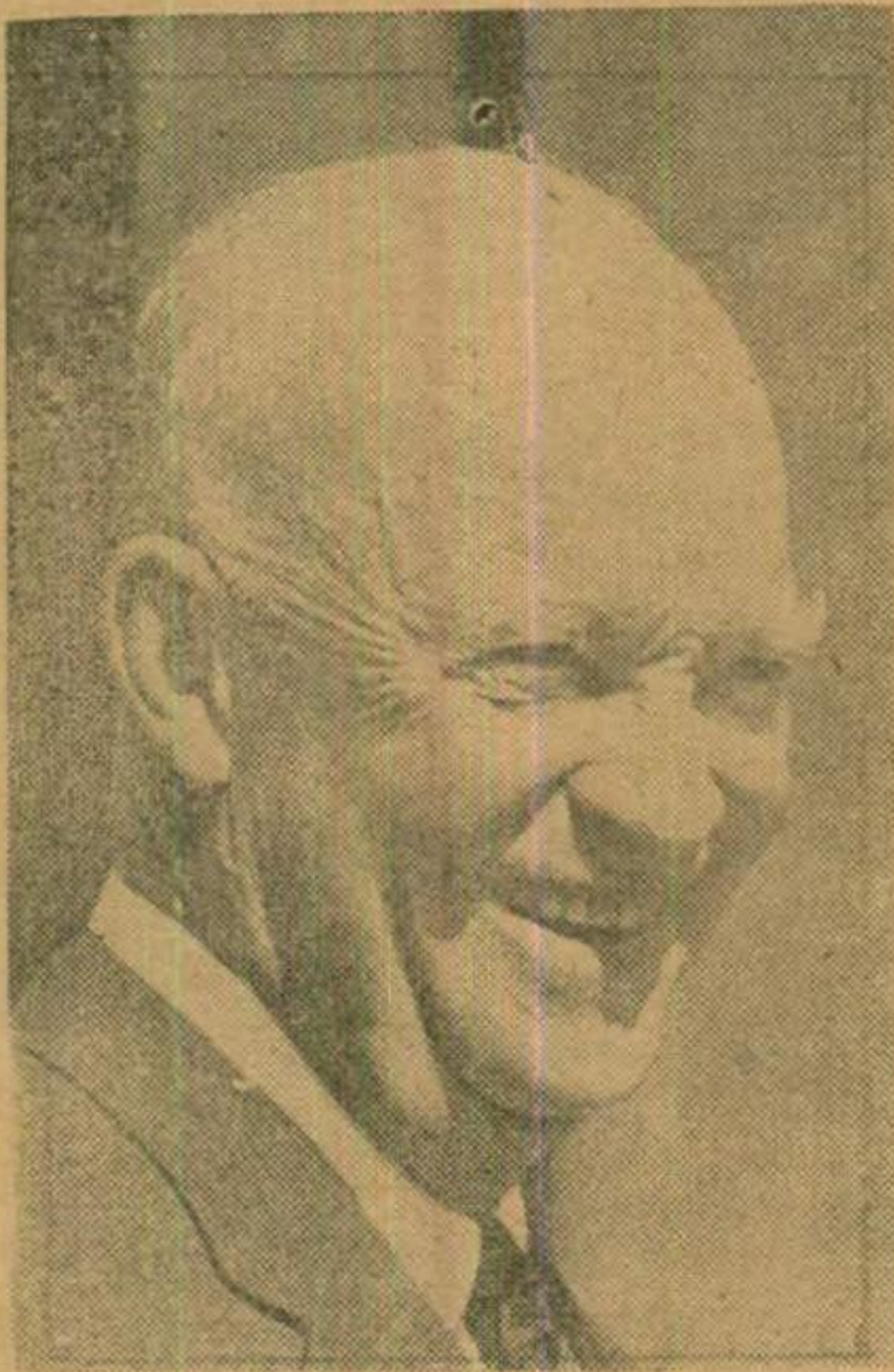
không ít trong những ngày sửa soạn đón tiếp ông Cơ-rút-sép.

Thuận và nghịch

Ngày Hoa-Thịnh-Đốn chính-thức mời thủ-tướng Liên-Xô sang viếng Hoa-Kỳ, báo chí Hoa-Kỳ đã phản-ảnh các luồng dư-luận xung-đột nhau ở chính-trường. Điều đặc-biệt là các chính-khách đã phản-ứng trên lập-trường dân-tộc, với tư cách người công-dân Hiệp-chúng-quốc, chứ không phải trên lập-trường đảng-phái, với tư cách đảng-viên Cộng-hòa hay Dân-chủ. Cho

nên nhiều nghị-sĩ, thuộc đảng Dân-chủ đối-lập, nhiệt-thành ủng-hộ chính-sách của chính-phủ trong khi một số nghị-sĩ đảng-viên của đảng Cộng-hòa cầm quyền lại ra mặt phản-đối.

Nhìn chung, dư-luận ở chính-trường cũng như trong dân-chúng phần lớn đều tán-thành chánh-sách của tổng-thống Et-dân-hao. Mười ba năm chiến-tranh lạnh đã làm cho não cân con người mệt mỏi. Viễn-



Tổng-thống Mỹ : ÉT-DÂN-HAO.

ượng ghê-gớm của một cuộc đụng độ giữa hai gã khổng-lồ ám-ảnh mọi người. Cho nên nhân-dân Hoa-Kỳ tán-thành sự cố-gắng làm hòa-dịu tình-hình thế-giới của tổng-thống Et-dân-hao và đảng Cộng-hòa mà khẩu-hiệu vận-dộng tuyên-cử là Hòa-bình và Thịnh-vượng.

Tuy nhiên dù Dân-chủ hay Cộng-hòa, dù thuận hay nghịch với cuộc tiếp-xúc Et-dân-hao — Cơ-rút-sếp, nhân-dân Hoa-kỳ đều dứt khoát chống ý-thức hệ Cộng-sản, theo sự quan-sát và nhận-dịnh của báo giới quốc-tế.

Cho nên không những các chính-khách mà cả nhân-dân Hoa-kỳ đều lo lắng, muốn cho cuộc tiếp-xúc có lợi cho dân-tộc và hòa-bình thế-giới. Bạch Cung đã tiếp được vô số thư từ giúp ý-kiến chính-phủ của đủ hạng người, tư-bản có, vô-sản có.

Đáng lưu ý nhất là những điều khuyến-cáo của những ký-giả đã ở Liên-Xô về và đã chứng-kiến trận giặc miệng giữa phó Tổng-thống Hoa-kỳ Nít-xông và ông Cơ - rút - sếp. Họ khuyên Tổng - thống Et-dân-hao hết sức thận-trọng trong việc đương đầu với lãnh-tụ Đỏ. Phải có thái-độ mình bạch đối với một vấn-đề và kiên-quyết giữ lập-trường của mình. « Nếu Cơ-rút-sếp tuyên-bố rằng ông ta chỉ cần bốn hỏa-tiến để hủy-diệt Luân-đôn, sáu hỏa-tiến để hủy-diệt Nữu-ước, Tổng - thống không nên lộ vẻ không tin hay lo sợ. Tổng-thống hãy mỉm cười, trả lời rằng chẳng ai nghi-ngờ điều đó nhưng Hoa-Kỳ cũng mạnh, như vậy và Mạc-Tư-Khoa hay Lê-nin-gơ-rát cũng chẳng vững chắc hơn Nữu-ước hay Luân-Đôn. Nhất là không nên tin-tưởng rằng Tổng-thống sẽ thuyết-phục được cho Cơ-rút-sếp chịu rằng ông

ấy nhận-dịnh sai-lạc về ta và về chế-độ tư-bản. Đối với Xít-ta-lin, chủ-nghĩa Cộng-sản là một công cụ tạo nên uy-quyền chính-trị, đối với Cơ-rút-sếp, chủ-nghĩa Cộng-sản trở thành một tôn-giáo... »

Trong khi giúp ý-kiến cho Bạch cung, người ta không khỏi băn-khoăn ít nhiều khi hình-dung cuộc đối-thoại giữa vị nguyên-thủ cường quốc tự-do có trách-nhiệm lãnh-đạo khối dân-chủ với lãnh-tụ Cộng-sản quốc-tế.

Hai con người

Tổng-thống Et-dân-hao sẽ đương đầu thắng-lợi chăng với chủ-tịch Cơ-rút-sếp ? Một câu hỏi làm cho nhiều người suy-nghĩ.

Phó Tổng-thống Nít-xông đã đương đầu với Cơ-rút-sếp rồi và ông ta đã giữ được thể bất phân thắng phụ trong trận gạc miệng. Nhưng người ta lại thấy rằng ông Nít-xông có những điểm khác ông Et-dân-hao. Tuy còn trẻ, ông Nít-Xông đã có nhiều kinh-nghiệm đối phó thực-tiến, bởi từng lăn-lộn trong công-tác chính-trị quần chúng, qua những mùa hoạt-dộng tuyên cử cũng như qua những kỳ tiếp-xúc với cử-tri để giải-thích, phổ-biến chính-sách, chủ-trương.

Tổng-thống Et-dân-hao trái lại không phải xuất-thân từ những phong trào chính-trị ở hạ tầng cơ-sở. Ông đã bước từ địa-vị một đại-tướng bách thắng đem lại thắng-lợi vinh quang cho Đồng-minh và nhân-loại ở đệ-nhị thế-chiến vừa rồi, qua địa-vị Tổng-thống của một đại-cường quốc tự-do. Vinh-quang của dĩ-vãng, uy-tín của hiện-tại không giúp ông quen thuộc với sự chống nghịch về tư-tưởng và lập-luận. Tuy

sức khỏe đã bình-phục, ông đang cần phải tránh mọi hoạt-dộng căng-thẳng thần-kinh liên-tục.

Người ta lo ngại khi hiểu kẻ đối-thoại của ông là Cơ-rút-sếp, một con người về thể-hất mạnh mẽ và bền dẻo phi-thường, về tinh-thần rất thực-tiễn và nhiều thủ-đoạn đối-phó. Nhia về dĩ vãng của Cơ-rút-sết, nhà làm báo Tây-phương đã viết nhiều bài trong đó Cơ-rút-sếp được mô-tả bằng những đường nét độc-đáo. Dưới chế-độ độc tài của Xít-ta-lin, ông Cơ-rút-sết đã có đủ khôn - ngoan để khỏi bị thủ - tâu hoặc tù đày. Sau khi đã phá thần - tượng Xít - ta - lin, ông ta dựa vào quân - đội và đảng-bộ lần lượt thanh-trừ nững chính-địch nguy-hiểm và có tên tuổi như con người chuyên - môn nói « Không I » đối với Tây-phương, ông Mô lo-tốp. Và cuối-cùng ông thanh - toán luôn vị thống - chế, chủ - tịch chính - phủ, người cùng với ông làm cặp bài trùng đi đó, đi đây, từ Âu sang Á, ông Unganin, nhất là vị thống-chế, anh hùng dân tộc Liên-sô, người đã dùng tất cả uy tín và quyền - lực giúp ông quét ngã các chính-địch, ông Du-cốp.

Người ta đã so - sánh Cơ - rút - sếp với Xít-ta-lin và thấy rằng lãnh-tự hiện-thời của Cộng-sản quốc-tế nguy-hiểm hơn chúa Đồ độc - tài ngày xưa nhiều (1). « Một cái tù chưa dung những con số », « một khẩu đại-liên phun lập-luận », « một con người - đại - bác » bấy nhiêu nhận-định đã nói lên khá hùng-hồn những tính-chất nguy-hiểm độc-đáo của con người sắp tập tồng-thống Hoa-Kỳ.

(1) Une armoire à chiffres — Une mitrailleuse à arguments — Un homme-canon (Raymond Carrier. Bài « Le sort du monde se joue sans la vieille Europe »).

Tuy nhiên, theo những ý-kiến khác thì người ta không có gì đáng lo - ngại cho lắm. Những người theo dõi tồng - thống Et-dân-hao ở nhiệm-kỳ tồng-thống cuối-cùng này đều thừa-nhận một sự thật : thời-gian và kinh - nghiệm đã làm cho vị đại-tướng vinh-quang trở nên một chính-nhân bình-tĩnh, sáng suốt, cương nghị hay mềm dẻo tùy trường-hợp và luôn luôn đầy tự-tin ở mình cũng như ở chính - nghĩa của thế-giới tự-do.

Qua chính-sách...

Và lại người ta thường tìm hiểu và đánh giá nhà chánh-trị qua các chính-sách, chủ-tương bao giờ cũng phản-ảnh trình-độ lãnh - đạo và đấu - tranh của chính-nhân ấy.

Các nhà bình-luận tình-hình quốc-tế đã đặc - biệt chú - trọng đến chính - sách của tồng - thống Et-dân-hao đối với vấn - đề Li-Băng trước đây. Bấy giờ cách - mạng la-Rắc đang sôi trào với một yếu-tố làm cho thế-giới tự do lo ngại : sự dột-phát mạnh-mẽ của ảnh-hưởng Cộng-sản ở xứ có một kho tàng vô giá về dầu lửa. Tình - hình biên-giới giữa la-Rắc và Li-Băng đang căng thẳng. Bên kia trời, Mạc-Tư-Khoa vừa lên tiếng hứa sẵn sàng can-thiệp nếu có ngoại-bang nào xâm phạm đến nền độc-lập la-rắc. Tình-hình Trung-Đông như lửa cháy, dầu sôi. Chính-phủ Li-Băng kêu gọi Hoa-Kỳ cứu-trợ. Thủy-quân lực-chiến Hoa-kỳ sẽ gặp hồng-quân Xô-viết tại biên-giới Li-Băng — la-Rắc chẳng ? Cái gì sẽ xảy ra sau đó ? Người ta rùng mình, nhìn về Bạch-cung, chờ-đợi một quyết-định. Và tồng-thống Et-dân-hao đã cương-quyết cho quân đồ bộ lên Li-Băng, giải-dáp lời kêu cứu của chính-phủ xứ này. Liên-Xô lùi bước trước

giải-pháp vũ-lực và chỉ kháng-ngهی ở Liên-Hiệp-Quốc. Chủ-quyền độc-lập của Li-bân cũng như thể quân-bình ở Trung-Đông được bảo-dảm trong sự vui mừng của thế-giới tự-do.

Báo-chí quốc-tế đã cho rằng vụ Li-Băng trả lời vụ Xuy-Ê. Nếu trong vụ Xuy-Ê, Liên-Xô đặt Hoa-Kỳ vào một tình-trạng khó xử : không thể bỏ Đồng-Minh Anh-Pháp, cũng không thể bỏ lẽ phải và cảm-tình của khối Ả-Rập, thì trong vụ Li-Băng tổng-thống Ết-dân-hao cũng đã làm cho Liên-Xô tắc kỳ ngôn-lộ bởi tính-chất cương-quyết và ý-nghĩa hợp Công-pháp quốc-tế của hành-động can-thiệp vũ-trang.

Xét cho cùng, ông Ết-dân-hao đã gặp ông Cơ-rút-sếp rồi, trong một thế ngửa ngang, ở đó đây trên các vùng chiến-lực thế-giới.

... và qua hậu-thuần nhân-tâm

Và lại sự-kiện tổng-thống Ết-dân-hao tiếp-xúc với chủ-tịch Cơ-rút-sếp không có ý-nghĩa giản-đơn là sự tiếp-xúc giữa hai con người. Mỗi ông đều đại-diện cho một lực-lượng, đều có sau lưng mình một hậu-thuần. Nếu ông Cơ-rút-sếp có thể dựa vào hệ-thống Cộng-sản quốc-tế thì tổng-thống Ết-dân-hao nắm trong tay một yếu-tố làm cho đối-phương phải nể sợ : sự đồng-tình của nhân-dân thế-giới đối với chính-sách hòa-bình của ông.

Những cuộc du-hành của tổng-thống Hoa-kỳ sang Anh, Tây-Đức, Pháp đã nâng-cao vô chừng uy-tín của ông và của đại-cường-quốc tự-do. Đặc-biệt là sự đón tiếp của nhân-dân Tây-Đức. Thủ-tướng At-dờ-nôe đã vô cùng ngạc-nhiên khi được biết số người ở khắp nơi

về kinh-dô Bôn chào mừng tổng-thống Ết-dân-hao lên đến ba trăm nghìn, ngoài mọi dự-doán lạc-quan nhất. Theo báo Ết-pơ-rết, sự đón tiếp nồng-nhiệt đặc-biệt của nhân-dân châu Âu đối với tổng-thống Ết-dân-hao có giá-trị một sự tấn-phong : họ đã gửi nơi ông tất cả nguyện-vọng và tín-nhiệm, xem ông như một sứ-giả hòa-bình.

Chỉ với sức mạnh tất-thắng này, tổng-thống Hoa-Kỳ đủ làm cho ông Cơ-rút-sếp phải kính-nể và thận-trọng.

Sáng ngày 15, tháng 9 qua sự phản-ứng của nhân-dân Hoa-kỳ qua thái-độ đón chào của tổng-thống Ết-dân-hao, hẳn ông Cơ-rút-sếp phải thay tâm-trạng mình xúc-động theo chiều hướng nói trên. Ông Ết-dân-hao đã nhiệm-trang bước tới chào mà không mừng, bắt tay mà nụ cười trên môi không nở. Và dọc đường đi về lâu-dài được dành tiếp đón ông, Chủ-tịch Cơ-rút-sếp phải thấy rằng nhân-dân Hoa-Kỳ đã giữ một thái-độ lịch-sự nhưng thản-nhiên đến lạnh-lùng.

Ông phải hiểu rằng nói chuyện với ông không phải chỉ một lãnh-tự thế-giới tự-do mà là lãnh-tự ấy với cả một hậu-thuần nhân-tâm phía sau. Và họ tiếp ông là tiếp một kẻ đối-thoại để nói chuyện hòa-bình, không phải bạn.

Lãnh-tự Cộng-sản quốc-tế và nhân-dân Hoa-kỳ

Từ 15 tháng 9 đến 25 tháng 9, ông Cơ-rút-sếp được chính-phủ Hoa-Kỳ, do ông Ca-bô-lốt đại-diện, mời đi thăm một số địa điềm. Tuy nói là một số, người ta vẫn nhận thấy nhà cầm-quyền Hoa-

Thịnh-Đồn cố ý xếp đặt để cho ông Cơ-rút-sếp có cơ-hội chính mắt quan-sát sự sống của nhân-dân Hoa-Kỳ và thực-lực về mọi phương-diện của chế-độ tự-do Hiệp-chúng-quốc. Theo nhận-định của báo-chí Tây-phương thì không nói ra, nhà hữu-trách Hoa-Kỳ nhắm giúp cho lãnh-tự Cộng-sản quốc-tế mà luận-điệu quen thuộc là « Hoa-kỳ chủ-trương gây chiến, Hoa-Kỳ đang sa

lập-trường vô-sản. « Thọ thuyền Hoa-Kỳ nhất định phải bị áp-bức. Hoa-Kỳ nhất định đang có nạn thất-nghiệp lớn, người thọ thường ở Hoa-Kỳ nhất định không có điều-kiện mua loại nhà thọ thuyền mà kiểu-mẫu đã được trưng bày tại phòng triển-lãm văn-hóa, kỹ-thuật Hoa-Kỳ tại Mạc-tur-khoa. Tất cả những gì mà ông Cơ-rút-sếp muốn nhìn thấy ở Hoa-Kỳ sẽ xác-nhận những sự thật ấy ».

Tuy nhiên, trong thâm-tâm, thành-thực với mình, hẳn ông Cơ-rút-sếp có nhiều điều phải suy nghĩ.

Ngày 15 tháng 9, nghỉ-ngơi rồi thăm-viếng xã-giao. Tổng-thống Hoa-Kỳ chính-thức đón tiếp thủ-tướng Liên-Xô tại Bạch Cung. Ông này đến với một tặng phẩm : một kiểu mẫu của vệ-tinh nguyệt-cầu.

Ngày 16, ông Cơ-rút-sếp tiếp-xúc với các nhà viết báo Hoa-Kỳ tại Câu-lạc-bộ báo-chí quốc-gia. Ông sẽ trả lời những câu chất-vấn sau khi nói chuyện. Ông nói trong một giờ và trả lời những câu chất-vấn trong 40 phút. Luận-đề nói chuyện : Hoa-Kỳ và Liên-Xô cũng hùng mạnh nên không thể có chiến-tranh với nhau « Khi những quốc-gia yếu gây sự với nhau, họ chỉ làm cho nhau bất quá là trầy-trụa ; vài ngày họ nghỉ-ngơi và săn-sóc tại mỹ-viện sẽ làm cho những cốt trầy trụa ấy lành-lặn. Nhưng nếu chúng ta gây sự với nhau, thế-giới chỉ còn lại tro tàn và mồ mả... »

Những câu chất-vấn của các ký-giả kể đến hàng trăm. Người ta chỉ đưa cho



Thủ-tướng Nga : CƠ-RÚT-SEP

lầy trên đường kinh-tế khủng-hoảng, Hoa-Kỳ là con hồ giấy v...v... ». nhận hai điều:

a) Hoa-Kỳ rất hùng mạnh.

b) Hoa-Kỳ yêu chuộng hòa-bình nhưng sẵn-sàng và đủ sức trả bất cứ giá nào trong cuộc chiến-đấu bảo-vệ chế-độ sống dân-chủ tự-do.

Qua non mười ngày tiếp-xúc với sự thật ở Hoa-Kỳ, ông Cơ-rút-sếp đã có ý nghĩ gì?

Người ta không tin rằng lãnh-tự diện Cẩm-Linh thay đổi chút nào lập-trường và quan-điểm của mình, bởi lẽ, theo Cộng-sản, những sự-kiện thực-tế phải chứng-minh tính-chất chân-xác của quan-điểm,

ông Cơ-rút-sếp mười câu đề trả lời.

Đối với câu hỏi ông đã làm gì dưới thời Xít-ta-lin đề rồi sau này chính ông đứng ra tố-cáo tội ác Xít-ta-lin, Cơ-rút-sếp tuyên-bố không trả lời. Đáp câu hỏi về sự can-thiệp của hồng-quân Xô-viết vào nội-tình Hung-Gia-Lợi, ông bảo hai dân-tộc Hung và Liên-Xô đã đoàn-kết trở lại, mọi sự chống đối đã qua. Đáp câu hỏi về mối tương-quan, giao-thiệp giữa Liên-Xô và Trung-cộng, ông tỏ ra hơi lúng túng và cuối cùng chỉ nói sẽ qua Bắc-Kinh dự lễ kỷ-niệm đệ thập chu-niên ngày Trung-cộng thắng-lợi ở lục-dịa. Ngày 17, ông Cơ-rút-sếp đến Nữu-Uớc. Xơ-rơ-ny, một kiều-dân lưu vong Hung-Gia-Lợi leo lên treo một tấm mạng đen che đôi mắt của pho-tượng Nữ thần Tự-do « để thần khỏi nhìn thấy tên sát nhân ấy. » Không có tiếng vỗ tay hoan-hô. Vài tiếng la ó dả đảo. Vài tấm bảng nói lên ác-cảm của phố thành Nữu-ước : « ông có thể chinh-phục nguyệt-cầu, ông sẽ không chinh-phục được Nữu-ước... »

Ông Cơ-rút-sếp hội đàm với ba mươi bảy nhà tư-bản, hạng đại tư-bản có những tên mà thế-giới quen thuộc ; General Electric, General Dynamics, Ford... Hội-đàm lâu một giờ rưỡi. Nội dung cuộc hội đàm không được công-bố. Ông A-vơ-rên Hariman chỉ nói : « Tôi chân-thành mong ước rằng ông Cơ-rút-sếp đã nhận-thức được điều nào đó quan-trọng... Điều ấy tức là nguyện-vọng hòa-bình, chấm dứt chiến-tranh lạnh, của giới đại tư-bản Hoa-Kỳ.

Cũng ngày hôm nay, ông Cơ-rút-sếp đến thăm và đọc diễn-văn tại trụ-sở Đại-hội - đồng Liên-hiệp-quốc. Một sự kiện quan-trọng. Mọi người chờ đợi ông đưa

ra một chính sách mới, một đề nghị mới của Liên-sô để xây dựng hòa bình. Ông nói suốt một tiếng đồng hồ, chỉ ngưng lại để uống nước. Đề-mẫu : vấn-đề Trung-cộng. Ông tiếc Trung-cộng chưa có mặt ở đây. Trung-cộng phải có mặt tại Liên-hiệp-quốc. Đề-mẫu hai : chủ-nghĩa thực-dân. Nhiều quốc-gia đã độc-lập chính-trị nhưng chưa độc-lập kinh-tế. Họ phải thu hồi và sử-dụng những tài nguyên của họ. Ông đã ám-chỉ vấn-đề quốc hữu hóa dầu lửa. Những luận-điều này của Cộng-sản quen tai mọi người rồi. Người ta chờ đợi kế-hoạch tài-bình mới của Liên-Xô. Ông dành trình bày nó ở phần cuối diễn-văn. Một kế-hoạch tài-bình không tưởng « Quân đội sẽ không còn. Các bộ chiến-tranh sẽ bị đóng cửa, các bộ Tổng-tham-mưu giải-tán. Nghĩa-vụ, quân-sự bị hủy bỏ và mọi hình thức chuẩn bị quân sự sẽ bị cấm. Đại bác, xe tăng phi-cơ sẽ được cho vào lò đúc. Bom hạch-tâm các loại sẽ bị hủy-diệt và sự sản xuất bị cấm. Người ta sẽ chỉ được chế-tạo hỏa-tiến để phục-vụ lợi ích dân sự... »

Một kế-hoạch không-tưởng hay là một giấc mơ quá đẹp. Nhưng ông Cơ-rút-sếp không mơ. Ông qui định một thời-hạn để thực hiện : trong vòng bốn năm nữa. Bốn năm ! Gần như ngày mai.

Phải chăng lần nữa phát ngôn nhân của Liên-Xô đã dùng diễn-dàn Liên-hiệp-quốc để phát-động một chiến-dịch tuyên-truyền ?

Sau đó, ông đi đến những đề-nghị cụ-thể hơn : thiết lập ở Trung Âu một khu-vực giải giới nguyên-tử và ký hiệp-ước bất tương-xâm giữa Liên-Xô và khối Bắc-Đại-tây-dương...

Cũng là luận-diệu mà mọi người đã nghe. Ông Cơ-rút-sếp sẽ đem lại cái gì cho nhân-loại trong chuyến Mỹ-du này ? Người ta đành chờ cuộc hội-dàm sắp tới giữa ông với Tổng-thống Hoa-Kỳ.

Ngày 19, tại Lôi Ân-giơ lết, ông Cơ-rút-sếp gặp thị-trưởng thành phố Pun-Xông và nghìn tân-khách. Ông Pun-Xông nhắc lại lời tuyên-bố của Cơ-rút-sếp trước đây : « Chủ-nghĩa Cộng-sản sẽ chôn vùi chủ-nghĩa tư-bản » và trả lời : « Chúng tôi không muốn chôn ai cả nhưng nếu người ta bắt buộc chúng tôi phải chiến-đấu, chúng tôi chấp nhận chiến-đấu ». Tức thời, ông Cơ-rút-sếp nổi giận, nói một thời dài, hăm dọa dùng hỏa-tiến tấn công nếu có chiến-tranh.

Tất cả các báo ngày mai đều loan tin Cơ-rút-sếp hăm chấm dứt cuộc du-hành và dọa tấn công Hoa-kỳ bằng hỏa-tiến. Ngày 20, ông Cơ-rút-sếp hội-dàm với bảy lãnh-tụ nghiệp-đoàn thợ-thuyền. Phần đông các lãnh-tụ nghiệp-đoàn đều cương-quyết không muốn gặp Cơ-rút-sếp. Chỉ có bảy lãnh-tụ ấy cho rằng gặp nói chuyện có thể có lợi. Cuộc hội-dàm lâu và đầy sóng gió. Kề-cuộc lập-trường của đôi bên chẳng nhích lại gần nhau được lấy một đường tấc, kể tở.

Cho đến ngày 25, cuộc du-hành không có biến-cổ gì quan trọng. Ông Cơ-rút-sếp trở về Hoa-Thịnh-Đốn. Trong ngày này cuộc hội-dàm mà thế-giới đợi chờ bắt đầu tại trại Đa-Vít.

Một không khí hoàn-toàn bí-mật vây bọc cuộc hội-dàm lịch-sử. Trừ các nhà hữu-trá-h, có lẽ còn lâu về sau người ta mới hiểu trong thời-gian ấy hai lãnh-tụ hai hệ-thống chế-độ nghịch-thù đã nói gì với nhau để nhân-loại được sống hòa-bình.

Một câu hỏi nóng hổi : Chia đôi thiên-hạ ?

Nhưng nếu không ai biết rõ về cuộc hội-dàm giữa tổng-thống Hoa-Kỳ và thủ-tướng Liên-Xô, nhiều người đã và đang bàn luận về tầm quan-trọng cũng như ảnh-hưởng gần, xa của biến-cổ lịch-sử ấy.

Qua những đề-nghị, những lời tuyên-bố của ông Cơ-rút-sếp như hàng hai năm có sự tiếp xúc giữa tổng-thống Hoa-Kỳ và thủ-tướng Liên-Xô, thiết-lập khu-vực giải-giới nguyên-tử, thanh-toán những hậu-quả của Đại-chiến thứ hai chủ-yếu là sự chiếm đóng Bá-linh, tài-bình triệt để v.v..., người ta tưởng đoán được một cái gì. Kỷ-niệm Y-an-ta với những yêu sách về khu-vực ảnh-hưởng chưa hoàn-toàn phai nhòa trong ký-ức mọi người. Báo-chí Tây-phương đã đăng những bài mà nội-dung có thể được tóm tắt trong câu hỏi : « Phải chăng Liên-Xô muốn đánh với Hoa-Kỳ lá bài chia đôi thiên-hạ ? » Người ta đã đề-cập đến âm-mưu của Cộng-sản quốc-tế muốn thể-hiện một thứ lương dầu chỉ-huy chế.

Hòa-bình ? Vâng, Liên-Xô muốn hòa-bình nhưng đây là một thứ hòa-bình làm cho Hoa-Kỳ thu mình trở lại trong thế Mỹ-châu biệt-lập xa xưa, mất hẳn Đồng-minh Tây-phương, từ uận-tiện cho sự xâm-nập ảnh-hưởng Cộng-sản trước hết vào cá bạn Đồng-minh, cuối cùng vào chính thân Hoa-kỳ.

Không những đồng-minh Tây-phương đang phản-ứng mạnh mà chính ngay nhân-dân Hoa-Kỳ cũng ý-thức được sự nguy-hại mà âm-mưu ấy — nếu không bị đánh tan — sẽ gây ra. Nữ-ước thời-báo đã đăng tại

một bài về vấn-đề này trong có những câu :
«... Các bạn hãy tìm hiểu ẩn ý trong những lời của ông Cơ-rút-sep trong cuộc nói chuyện của ông ta. Các bạn sẽ tìm thấy một ý-kiến cũ-kỹ của Liên-Xô : sự qua phân thế-giới...»

Tuy nhiên, nếu trên tinh-thần cảnh-giác, người ta tìm hiểu và ngăn ngừa âm-mưu Cộng-sản là đúng, trên thực-tế không ai nghĩ rằng nhà hữu-trách Hoa-Thịnh-Đốn và trước hết, tổng-thống Ết-dân-hao không hiểu đối-phương muốn gì và nhắm đi đến đâu. Không-khí thậm trọng, bình-tĩnh trong chánh-giới Hoa - Kỳ, sau cuộc hội - đàm Ết-dân-hao—Cơ-rút-sep (khác với không-

khí lạc-quan mà Mạc-Tư-Khoa muốn phô-bầy), chủ-trương xúc-tiến hội-ng nghị tối-cao Đông-Minh Tây-phương, bấy nhiêu yếu-tố cho thấy rằng Hoa-Kỳ đang ra sức thắt chặt mối đoàn-kết giữa các quốc-gia tự-do để chiến-dấu chung, kiến-tạo hòa-bình. Cuộc du-hành của tổng-thống Ết-dân hao ở mười một nước Âu, Á, Phi lại tạo thêm khí-lực cho sự đoàn-kết của thế-giới tự-do theo chiều hướng ấy.

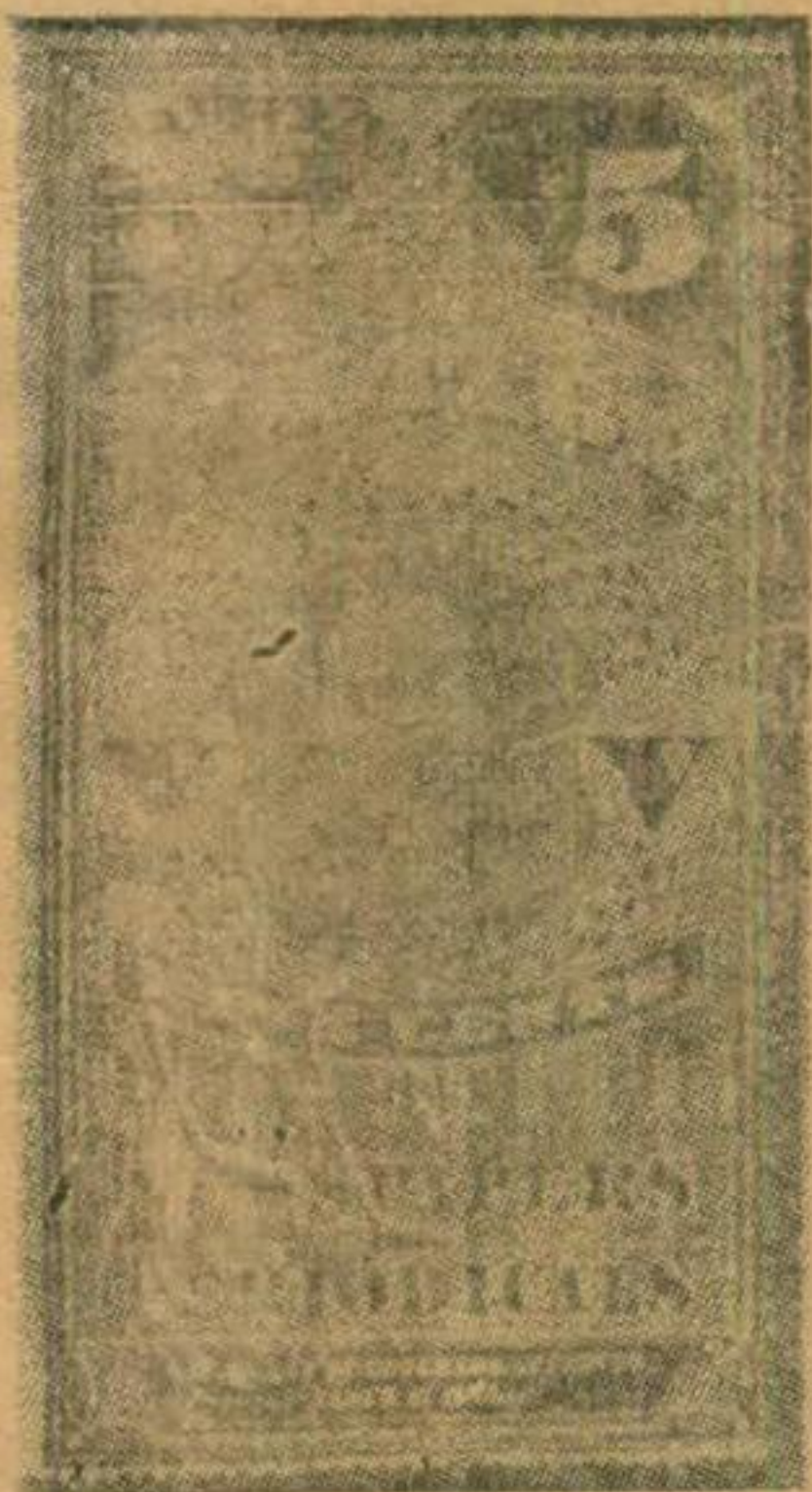
TIỂU-DÂN

Dựa báo-chí ngoại-quốc từ tháng 6 đến cuối năm 1959. Có những đoạn trích, dịch và lược dịch.

Một quan-niệm về chức phận làm vua

Ông Vua có toàn quyền đối với nhân dân, nhưng pháp độ có toàn quyền đối với ông vua. Ông vua có toàn quyền để làm điều thiện, song bị bó tay khi muốn làm điều ác. Pháp độ giao phó nhân dân cho ông vua, coi đó là kỷ thác cao quí nhất, miễn ông vua biết coi nhân dân như con đẻ. Pháp độ muốn để cho một người lấy sự khôn ngoan và sự ôn hòa mà phục vụ cho bao nhiêu người được hạnh phúc, chứ không phải để cho bao nhiêu người đem sự lăm than và sự nô lệ hèn nhát ra mà môn trón tính kiêu căng và thói sa đọa của một người. Ông vua không được phú quý, khoái lạc hơn nhân dân mà phải khôn ngoan, đạo đức hơn nhân dân. Mặt ngoài, ông vua phải điều khiển quân đội để bảo vệ nhân dân ; mặt trong ông vua phải làm thăm phán xét xử cho nhân dân, để nhân dân được trở nên tốt lành, khôn ngoan và sung sướng. Thần minh để cho ông vua làm vua không phải vì ông vua, mà cốt để ông vua trở thành người của nhân dân vậy.

(FÉNÉLON)



Con tem Hoa-Kỳ lớn nhất thế-giới
phát-hành vào năm 1866, cỡ 50 x 90 ly.
Hình này chụp lớn hơn tem thật chút ít.

THÚ CHƠI TEM

NGUYỄN-VĂN-THÉ

*Làm thơ giấy trắng, anh gán con cò xanh
Gởi thăm phụ mẫu, có tên anh trong này.*

Ca-dao miền Nam

NĂM ấy tôi đau ốm liên-miên nên theo lời khuyên của bác-sĩ, tôi về đồng-quê dưỡng bệnh. Vì làm việc quen rồi, về quê không có việc chi làm thích hợp với tình-trạng sức khỏe tôi lúc đó, tối ngày cứ ăn rồi đi ra, đi vô, buồn quá, tôi viết thư than thở với một người bạn.

Một tuần sau được thư hồi đáp của bạn tôi, kèm theo một gói cò thơ (tem) to tướng đủ cả các nước. Bạn tôi viết trong thư : « Anh buồn, đề qua thời-giờ »
« nhàn-rỗi và tránh ưu-tư, anh thử sắp »
« xếp, phân-loại các con cò thơ này và »
« bắt đầu sưu-tầm cò thử coi. Đó là »
« một các giải-trí tao-nhã mà anh có »
« thẻ lấp bằng những ngày nhàn-rỗi. »
« Mong rằng hễ thuốc không đắng hôi »
« và nhiều màu sắc này sẽ trị được »
« bệnh ưu-phiền của anh... »

Tôi trút gói cò thơ ra, có hằng trăm con đủ cả màu sắc xanh, đỏ, tím, vàng, mang nhiều hình dáng lớn nhỏ khác nhau. Lúc đầu thấy đẹp mắt, tôi chú ý đến những con nhiều màu rực rỡ hay in nhiều con thú kỳ lạ. Thấy vui vui tôi lựa tới, có nhiều con hình tam-giác ngộ-nghĩnh hay vuông nhỏ tí-xiu. Lay-quay một lát đến giờ ăn cơm lúc nào không hay. Chiều tôi lại chúi mũi vào đóng cò đến khuya, Cò tôi nhắc đi ngủ mới thôi.

Có nhiều con cò thơ tôi không hiểu là của nước nào mặc dầu tốn công tra tự-diễn. Có con lại không đề tên nước nào hết. Lúc đó tôi mới thấy sự hiểu biết về địa-dư của tôi thật là kém cỏi sau mười hai năm đèn sách (sáu năm tiểu học và sáu năm trung học). Tôi phải cầu-cứu với anh bạn kia, nhờ mua giúp quyển ca-ta-lô cùng cuốn « an-bum » để dán tem. Lần này anh

gởi thêm cho tôi một cái lúp, một cái kẹp để gấp cò, một gói giấy kiến nhỏ nhỏ có pha keo sẵn gọi là « charnières » để dán cò vào « an-bum ».

Nhờ sách vở và tìm tòi, tôi được biết con tem không đề tên nước nào kia là của Anh-Cát-Lợi. Tem ghi tên Helvetia là của Thụy Sĩ (hồi nào tới giờ tôi chỉ biết Thụy-Sĩ là Suisse). Tem nước Irlande (Ái-nhĩ-Lan) lại ghi là EIRE. Chưa kể nhiều nước ở Trung-Đông dùng chữ A-rập rất khó nhận hơn, tem các nước Trung-Hoa, Cao-Ly, Nhật-Bản được ghi bằng chữ Hán nên tương-dối dễ biết.

Được vài ngày con ma ưu-phiền của tôi biến mất, tới ngày tôi cứ tìm - tìm, dán-dán, lắm lúc thích thú cười khúc-khích một mình. Nhiều khi gặp con tem có hình phong-cảnh đẹp quá, ngắm mãi không chán, lắm con mang hình nhiều con thú kỳ lạ từ hồi nào đến giờ mình chưa thấy hay chưa nghe nói đến. Lại phải tìm kiếm, tra cứu ở sách để được biết thêm nhiều về địa-dư, về lịch-sử. Nhiều nước trước kia độc-lập mà nay lệ-thuộc nước khác như Lettovie, Estonie, Lithuanie bị Nga-sô-viết thôn tính. Ngược lại nhiều nước trước kia là thuộc-dịa nay tự-chủ như : Syrie Ghona, Israël v.v... Tem thơ còn ghi dấu cho tôi biết lắm cuộc khủng-hoảng kinh-tế trầm trọng như tem Trung-Hoa dân-quốc năm 1948 có một giá-biểu 60.000 đô la Trung-hoa, và nước Đức năm 1923 có con tem mang giá 50 Tỷ đồng Marks (50 milliard). Thật kinh-khủng, đó cũng là bài học quý giá cho chúng ta thấy sức chống đỡ, sự vùng vẫy ph-thường của dân-tộc Đức để thoát cơn sụp đổ kinh-tế ghê-gớm ấy.

Khó mà giải-thích hơn thật sự thích-thú của kẻ sưu-tầm tem. Khởi đầu tôi

coi đó như một việc làm cho qua thời-giờ rỗi không : gấp con tem, tìm chỗ ghi sẵn trong « an-bum », dán vào, nhưng phần nhiều gấp lăm con tem các nước xa lạ, cần phải tìm xem nước đó ở đâu (nhờ tem San-Marino tôi mới biết đó là một hầu-quốc ở giữa Ý-dại-lợi như Monaco ở cạnh Pháp). Khi gặp đề tài lịch-sử rồi cần phải tra-cứu, tìm hiểu, gặp cảnh đẹp trong tem tôi thích-thú ngắm nhìn. Rồi sự say mê đến lần lần với những màu sắc, những hình dáng đủ kiểu, những nhơn vật in trên tem, nhất là những điều mình học hỏi được ở tem thơ.

Có người giàu có sưu-tầm tem, bỏ hàng ngàn ra một lần để mua tem dán đầy cả « an-bum ». Tôi tưởng sưu-tầm theo kiểu đó mất rất nhiều hứng-thú của người chơi tem. Tôi thì sưu-tầm từ từ bằng cách : lâu lâu chắt-mót được chút ít tiền mua một bộ tem mình ao ước, hay thỉnh-thoảng tìm ra người bạn mới đổi tem dư của mình. Như vậy tôi mới tận hưởng hết những thích-thú khi dán con tem mình ước muốn từ lâu vào « an-bum ». Quyển « an-bum » của tôi như một ô-chữ chơi chưa rồi, luôn luôn còn ô trống, vì vậy tôi nào nỡ thương-xuýt với nhiều cảm-giác thèm muốn dán cho đầy an-bum. Nhưng làm sao đầy đủ được vì có nhiều con tem cao giá quá, như con Cérés 1 f màu đỏ của Pháp giá 450.000 quan, con Genève double của Thụy-Sĩ giá 900.000 quan, tem Pháp in hình Nâ-phá-luân, 10 xu màu vàng giá 220.000 quan. Đó là chưa nói đến những con tem mắc nhất thế-giới như con tem 2 pence màu chàm của đảo Maurice thuộc Anh in năm 1847 giá đến 5 triệu quan tiền Pháp và con tem đầu tiên của đảo Hawai in năm 1851 giá 6.500.000 quan tiền

Pháp. Nhắc đến con tem 2 pence màu chàm của đảo Maurice tưởng cũng nên nhắc đến giai-thoại vui vui về việc in con tem đó và vì vậy mà nó cao giá. Năm 1847, viên Thống-dốc đảo Maurice muốn gửi thư mời tân khách đến dự dạ-yến thì lại thiếu tem, vì tem từ Luân-đôn gửi sang trễ. Ông liền ra lệnh có người thợ khắc địa-phương ấn-hành một số tem. Người thợ khắc trong lúc gấp rút lại khắc chữ Post Office thay vì phải đề Post-Paid. Vì thế mà con tem cao giá, trong mấy trăm con được in nay chỉ còn độ vài chục thôi, chủ nhưn các con tem này không bao giờ chịu bán, họ giữ tem như giữ một gia-bảo.



HÌNH tem « EUROPA » của các nước thuộc khối Thị-Trường chung Âu-Châu. (Marché Commun Européen) đặc-biệt loại tem « EUROPA » này mỗi năm các nước trong khối Thị-Trường chung Âu-Châu đều in giống nhau một đề-tài.

Nhưng ai có sáng-kiến làm ra con tem ?

Thưa : Ông Rolland Hill, khi làm giám-dốc nha bưu-diện ở Anh, ông nảy ý in những hình nhỏ dán vào thư, thế cho bưu phí phải trả. Sáng-kiến của ông được tán-thành và ngày 6 tháng 5 năm 1840 nước Anh phát-hành con tem đầu tiên và cũng là con tem đầu tiên trên thế-giới, con tem ấy in hình Hoàng-hậu Victoria giá 1 penny, màu đen. Lần lượt các nước khác bắt chước Anh in tem thư, nhưng cách sau đến vài năm, như năm 1843 các tổng thuộc Thụy-sĩ cho phát-hành tem :

Tổng Zurich ngày 1 Mars 1843

Tổng Genève ngày 30 Septembre 1843

Tổng Balê ngày 1 Juillet 1845

Sau đó nước Brésil ngày 30-9-1843, Hoa-kỳ ngày 1-7-1847, đảo Maurice thuộc Anh 1-10-1847 và nước Pháp mãi đến ngày 1 Janvier 1849 mới có tem phát-hành. Ở Việt-Nam con tem được lưu-hành đầu tiên vào năm 1886 là tem Pháp đóng dấu « chồng lên » (surcharge) chữ C. CH. (cochine). Qua năm 1889 mới có tem lưu-hành ở Việt-Nam đóng dấu « chồng lên » Indo-Chine, nhưng đó cũng là tem Pháp, đến năm 1892 mới có tem in riêng của Đông-Dương.

Đi sâu vào chi-tiết chúng ta thấy tem có nhiều loại lắm :

Tem thường dùng (usage courante).

Tem Hàng-không (Poste aérienne)

Tem Kỷ-niệm (Timbre commémoratif).

Tem Phạt (Timbre Taxe).

Tem Giúp việc từ-thiện (Timbre de bien-faisance).

Tem Điện-Tín (Timbre Télégraphe).

Tem Bưu-kiện (colis postaux).

Tem Miễn bưu-phí (Timbre pour service)

Tem « Thư đi mau » (Timbre pour lettre par expès) nước Ý thường xài loại này.

Ngày xưa ở Tiệp-Khắc còn có loại tem đặc-biệt tào tợn tay người nhận, nghĩa là thư nào được dán loại tem đó sẽ được trao tận tay người nhận lãnh.

Trong mỗi năm số tem mới phát-hành trên toàn thế-giới độ chừng 2.500 con. Có nhiều nước nhỏ ngân-sách quốc-gia dựa vào một phần lớn tiền lời bán tem sưu-tầm như các nước : — Liechtenstein —

THÚ CHƠI TEM

Libéria — Monaco — Saint-Marin v. v...
Kỳ phát-hành tem kỷ-niệm hôn lễ Hoàng-tử
Rainier III và Grace-Kelly, xứ Monaco
thâu lời độ 34 triệu quan tiền Pháp.

Tôi nhớ có lần một anh bạn hỏi tôi : —
chơi tem đem lại lợi ích « thực-tế » nào
đâu ? « Đoán chừng ý anh bạn, tôi trả
lời : — Anh nói thực-tế nghĩa là sao ?
Chơi tem có lợi về tiền bạc không hả ?

Xin thưa : bộ tem Bảo-Long với giá biểu
20\$ — 50\$ — 100\$ tôi mua hồi 1954
nay lên đến ngoài 1.000\$, con tem kỷ-niệm
ngày sinh-nhật Quốc-Vương Lào giá biểu
50\$ tôi mua hồi 1956 nay giá ngoài
1.000\$.

Chơi tem cũng như tiền bỏ ống mà lại
có lợi chắc chắn có một tương-hợp hy-
hữu mà người sưu-tầm tem trở nên giàu



5 HÌNH BÊN TRÁI : thứ tự trên xuống dưới

- Đây là con tem lưu-hành đầu tiên ở Đàng-Dương năm 1886. Đó là con tem Pháp có đóng dấu « chồng lên » (surcharger) chữ C.C.H. (Cochinchine).

2 CON LỚN

- Hai con tem « NATO » của Huê-Kỳ và Ý. Tem NATO thuộc về loại tem đề-tài (thématique) các nước nào ở trong khối « NATO » (Minh-Ước Bắc Đại-Tây-Dương) đều có in loại tem ấy.
- Con tem đầu tiên trên thế-giới, phát-hành tại Anh quốc ngày 6 tháng 5 năm 1840. Tem in hình Hoàng-hậu Victoria.

HÌNH BÊN MẶT : 2 con trên :

- a— Đây là con tem đầu tiên của Pháp, phát-hành ngày 1 tháng 1 năm 1849. Con tem 1 quan, màu vermillon hiện lên đến giá 500.000 quan.
- b— Đến năm 1892 mới phát-hành tem riêng-biệt của Đàng-Dương có in chữ Indo-Chine.

HÀNG DƯỚI, SÁT GÓC :

- Con tem « Double Genève » của Tổng Genève (Thụy-Sĩ) phát-hành năm 1843. Giá con tem này hiện nay lên đến 1 triệu quan tiền Pháp.

2 CHIẾC TEM NGƯỢC ĐẦU :

- Đây là những con tem đặc-biệt dính liền nhau nhưng lại nằm ngược đầu. Các con tem, này được gọi là « Tête-Bêche » giá thật mắc từ 500.000 đến 1 triệu quan mỗi con. Tem Pháp loại cérés và Napoléon phát-hành vào các năm 1849, 1853 — 60, 1862 — 71, thường có loại « Tête-Bêche » này.

có bất ngờ như trúng số. Năm 1918 tại nhà bưu-diện Hoa-thịnh-đốn phát hành con tem hàng-không 24 xu. Thiên hạ nổi đuôi nhau trước ghi-sê, đến phiên ông kia hỏi mua trọn một tờ tem (50 con), người bán trao ra nhưng ông ta từ chối đòi tờ khác viện lẽ chiếc máy bay trên các con tem ấy đều bay ngược. Tình cờ một người sưu-tầm tem đứng phía sau thấy vậy lòng hồi-hộp chờ đến phiên mình, ông ta biết các con tem in lộn chiếc máy bay bay ngược kia là một sự « khác biệt » (variété) mà trong giới sưu-tầm tem rất quý. Ông ta mua trọn tờ tem in nhầm ấy và quả thật đó là tờ duy nhất trong loại tem ấy bị in nhầm « khác biệt ». Vài tháng sau khi hay chỉ có tờ tem đó là có sự « khác biệt » con tem vụt lên giá thật cao, ông ta bán được 15 000 đô-la U.S Hiện nay giá một con tem ấy lên đến 1 triệu quan tiền Pháp.

Chơi tem cũng lắm công-phu. Phần lớn các người sưu-tầm đều có sở-thích riêng, người thì chơi tem một vài nước nhưng tìm cho thật đầy đủ tem của nước ấy từ trước tới nay, điều này hơi khó vì tem xưa, khi mới phát-hành của nước nào cũng cao giá cả, ngay đến tem Đông-

dương ra vào những năm 1900 — 1904 — 1919, có mười con giá ngoài ngàn bạc mỗi con tìm cũng không ra. Có người lại thích sưu-tầm theo đề-tài (collection thématique) sưu-tầm theo đề-tài phải tìm đủ các nước phát-hành tem theo đề-tài ấy như loại : « U.P.V. » (Kỷ-niệm năm thứ 75 ngày thành-lập tổ-chức U.P.V. : Bưu-chính Quốc-tế). Tem « NATO » của khối minh-ước Bắc Đại-tây-dương, loại « EUROPA » của khối thị-trường chung Âu-châu v.v... Các người trẻ tuổi thường sưu-tầm theo loại (collection de genre) như loại hàng-không, loại tem thể-tháo, loại chim bướm, loại thú rừng. Các loại tem này có vẽ hợp với bản-chất tươi trẻ, hoạt-động hay thám-hiêm của thanh-niên. Có người thích sự khác thường nên tìm tem đặc-biệt như tem : nhỏ nhất thế-giới, lớn nhất thế-giới. Tem nhỏ nhất thế-giới là tem xứ Bolivie, khổ 9 X 12 ly, phát-hành năm 1863. Tem lớn nhất hoàn-cầu là tem đề dán nhật-báo của Huế-kỳ phát-hành năm 1866, khổ 50 X 90 ly. Con tem xưa nhất thế-giới là tem Victoria 1 penny màu đen của Anh phát-hành ngày 6 tháng 5 năm 1840.

« Chung-Nam tiếp kính »

Sử Trung-Hoa có chép lại truyện đời Đường có vị vua ưa dùng người ần sĩ. Hoàng-Vũ-Cao thấy Vua Đường có ý ấy, bèn giả cách vào núi Chung-Nam ở ần và đút lót tiền cho các quan phủ huyện tiến cử mình để mau ra làm quan. Do đấy có câu : « Chung-Nam tiếp kính » (mượn núi Chung-Nam làm đường tắt) để chỉ thủ đoạn tiểu-xảo của những kẻ vô tài mà muốn được thành đạt mau lẹ.

Viết đến đây tôi chợt nhớ đến mẹ tôi mà lòng bồi-ngùi thương tiếc. Mẹ tôi mất đã sáu năm rồi. Nguyên khi tôi bắt đầu say mê sưu-tầm tem thì trong nhà không khá-giả gì.

Tôi dẫu dám xài-phí mua tem để chơi. Tôi chỉ tìm kiếm tem cũ, xin của bạn bè thân quyến, tích trữ lại để dỗi với người ngoại-quốc. Mẹ tôi chiều theo sự ham thích của con, nên gặp ai quen người cũng xin tem chắt cho tôi. Lâu-lâu để dành được nhiều, đêm đêm rảnh việc, tôi đem tem ra rửa cho sạch keo, mẹ tôi thường ngồi lại phụ tôi một tay. Ngồi rửa còn người thường nói : — « Đây là một cách tiết-kiệm mà mẹ rất vừa ý. » Ngón tay nhẵn da, ồm nhỏ của mẹ tôi nường nhẹ, chà kỹ trên làn giấy mỏng của con cò nhỏ xiu, cho hết keo. Mẹ tôi làm rất nhẹ-nhàng khéo-léo, nhiều lúc gặp con nhàu nát quá, tôi muốn bỏ; mẹ tôi lật-đật giữ lại

và nường nhẹ gỡ y-nguyên con cò ra khỏi bao thơ. Người đã dạy tôi bài học thực-hành về kiên-nhẫn và cần-kiệm. Mẹ tôi đôi khi nói với bà con ; — « Lúc đầu thấy « nó rì mọ với mấy con cò tôi ghét quá, « nhưng thét rồi thấy nhiều con xanh đỏ « ngồ-ngộ, tôi cũng ưa lây nhứt là ba « con cò cũ chết bầm của mình bán được « chút ít tiền hay dỗi được cò bên tây, « tôi cũng ham. »

Những con tem mẹ tôi cho, tôi tích trữ lại nay dỗi được nhiều tem giá-trị ngoại-quốc, nhưng mẹ tôi không còn nữa để chia niềm vui ấy với tôi. Nay đêm-đêm ngồi thui-thủi một thân, một bóng ửa tem, tôi thấy lòng nao-nao thương mẹ vô ngần. Con còn đây, tem của mẹ còn đây ánh đèn còn đây mà mẹ không còn nữa. Muôn-vàn thương nhớ.

NGUYỄN-VĂN-THẾ

Truyện Bà già bán sách cho vua Tarquin

Một bà già ngoại quốc mà vô danh mang chín cuốn sách tới đem bán cho được vua Tarquin. Bà nói chín cuốn sách đó là chín cuốn sách sấm của thần mình, vua Tarquin cần phải mua cho nhân dân La mã. Vua hỏi giá, bà già đưa ra một giá rất cao — Vua cười đáp : « Bà có bớt đi ta mới mua được ». Bà già không thêm nài nỉ, đốt luôn ba cuốn và đem bán sáu cuốn còn lại y theo giá cũ — Vua càng cười lớn. Bà già lại đốt luôn ba cuốn nữa và đem bán ba cuốn sau cùng cũng y theo giá trước. Bấy giờ Tarquin không cười nữa và hiểu chẳng nên coi thường một đề nghị dai dẳng, bền bỉ như vậy. Ông mua ba cuốn sách, nhưng phải trả giá tiền ba cuốn bằng giá tiền chín cuốn. Ông để ba cuốn sách trong một ngôi đền, mỗi khi các vị tổng tài La-Mã có điều cần thỉnh giáo thần mình, người ta mới kính cẩn mở ra tuyên đọc.

VIỆC THẮT THỦ AN-GIANG

NĂM ĐINH-MÃO

★ — NGUYỄN-VĂN-HẦU

CÙNG số phận với Vĩnh-Long, hai tỉnh An-Giang (1) và Hà-Tiên bị mất về tay quân Pháp vào tháng 5 năm Đinh-Mão (1867).

Xứ Nam-Kỳ hồi đó chia làm sáu tỉnh, mỗi tỉnh có một viên Tổng-dốc cầm đầu do triều-đình bổ-nhậm, như sau :

- Gia-định, Tổng-dốc Vũ-Duy-Ninh.
- Biên-Hòa, Tổng-dốc Nguyễn-Đức-Hoan.
- Định-Tường, Tổng-dốc Nguyễn-Công-Nhân.
- Vĩnh-Long, Tổng-dốc Trương-Văn-Uyên.

(1) Tỉnh lỵ An-Giang xưa là Châu-Đốc cũ ngày nay.

— An-Giang, Tổng-dốc Phan-Khắc-Thân.

— Hà-Tiên, Tổng-dốc Nguyễn-Đinh. Nhưng ba tỉnh miền Đông, tức Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường, đã hoàn-toàn lọt vào tay Pháp sau hiệp-ước Bonard — Phan-Thanh-Giản (5-6-1862), chỉ còn có ba tỉnh miền Tây là Vĩnh-Long, An-Giang, Hà-Tiên trong sự thêm-thưởng và dòm-dò của quân đội thực-dân.

Vua Tự-Đức rất phẫn-nộ khi hay rõ hiệp-ước ký xong, nhưng xét thấy tình thế hiện thời không thể làm sao được, nên xuống chỉ khiến-trách cụ Phan-Thanh-Giản và đòi cụ xuống Vĩnh-Long để tìm cách thương-thuyết lại với Pháp một lần nữa. Quân Pháp xảo-trá và tham-vọng không

VIỆC THẮT THỦ AN-GIANG NĂM ĐINH-MÃO

cùng, còn cụ Phan thì nghiêm-chính, trung-thực, làm sao mà Việt-Nam thu hồi kết-quả tốt được. Cho nên việc phải đến đã đến. Quân Pháp đã ngang-nhiên cưỡng-đoạt ba tỉnh miền Tây, bắt kè những lời giao ước trên giấy trắng mực đen chưa ráo.

Việc Vĩnh-Long thất thủ ra sao đã có nhiều sử-gia chép rõ, xin miễn nhắc lại. Ở phạm-vi bài này, chúng tôi chỉ nói đến việc mất thành An-Giang.

An-Giang mất như thế nào ?

Tại đây, theo Paulin Vial trong cuốn *Les premières années de la Cochinchine* thì cũng như ở Hà-Tiên, cụ Phan-Thanh-Giản trước khi chết có viết hai bức thư gửi cho hai viên Tổng-Đốc (An-Giang và Hà-Tiên) báo tin đầu hàng. Bức thư ấy, ở đoạn cuối, cụ Phan có một mệnh lệnh bí ẩn khuyên nhân-dân nên yên lặng, vì « chưa có lệnh bạo-dộng ban hành ».

Ngày 21 tháng 6, 5 giờ sáng, Trung-tá hải-quân Galey từ Vĩnh-Long đi lên An-Giang bằng chiếc thông-báo-hạm (Aviso) Biên-Hòa, cùng với đoàn tùy-tùng gồm có ông Giám-đốc nội-vụ ; Thiếu-tá De Guichermey, Giám-đốc pháo-binh ; Thiếu-tá Bovet, Giám-đốc công-binh ; Thiếu-tá Domange, chỉ-huy quân đội đồn bộ.

Chiếc Biên-Hòa kéo theo đoàn pháo hạm (canonières) gồm những chiếc : Le Bourdais, La Fusée, L'Alarme, Le Fleuret, La Hallebarde, La Flamberge với hơn 1.000 binh vũ-trang tinh-nhuệ.

Khoảng 1 giờ chiều, đoàn tàu này tiến đến Vàm-Nao (1). Ngay lúc ấy, quân Pháp bắt gặp thuyền của quan Tổng-đốc Hà-Tiên Nguyễn-Đình vừa đi công-cán

ngang đó. Trung-tá Galey liền cho mời Tổng-đốc lên chiếc Biên-Hòa và đưa bức thư của cụ Phan cho xem.

Đoàn tàu đến An-Giang vào lúc chiều tối. Chiếc Biên-Hòa neo ngay trước thành vừa đúng 8 giờ, các chiến hạm giàn ngay mặt trận và chia đại-bác vào thành.

Trong thành, Tổng - đốc Phan-Khắc-Thân cùng các quan thấy vậy liền cử Lãnh-binh Lê-Văn-Sanh (2) đi thuyền ra hỏi xem quân Pháp kéo binh đến đây với ý định gì. Pháp cho biết rằng có lệnh của Phan Kinh-lược báo phải đầu hàng và buộc quan Tổng-đốc phải thân đến nhận thư.

Một giờ sa , quan Tổng-đốc sai hai viên quan Bổ-chánh và Án - Sát (Phạm-Viết-Chánh ?) thay mặt mình đến tàu xin lãnh thư và nói rằng Tổng-đốc không thể rời thành được trong lúc ban đêm. Trung-tá Galey bảo rằng trừ quan Tổng-đốc ra, không một ai có quyền nhận lãnh bức thư quan-trọng ấy.

Đến 11 giờ đêm, sau khi thấy sự thế không thể dừng được, Tổng - đốc Phan-Khắc-Thân cực chẳng đã phải đến phòng chỉ-huy của quân Pháp. Ở đây có mặt : Trung-tá Galey, Vial, Giám-đốc nội-vụ, Guychermy, Bovet, Varannes. Pháp trao bức thư và ép quan Tổng-đốc phải giao thành tức-khắc.

Chập sau, mặc dầu ông Phan-Khắc-Thân do-dự không chịu nhận lời, Thiếu-tá

(1) Sử cũ gọi sông Vàm-Nao là Hồi-Oa. Nay nằm giữa Long-Xuyên và Châu-dốc.

(2) Khi thành mất, ông này đứng về phe chủ chiến, sau về ẩn-dật tại Tham - Buông (Mỹ-Hội-Đông) và mất ở đây.

Domange cũng được lệnh kéo ngay lên bờ 100 binh xung-phong để chiếm thành.

Trước nguy-cơ ấy, các quan trong thành người bàn nên đánh, kẻ bảo phải tuân lệnh nộp thành, có người nghi đó là một mệnh-lệnh giả-trá... Sau rốt, vì tình thế quá khàn-cấp, lại ý-kiến bất đồng nhau, quan quân thành An-Giang chia làm hai tốp : một tốp mở cửa nộp thành ; một tốp rút lui ra ngoài để tránh sự xung-đột với Pháp mà lệnh trên đã nghiêm cấm.

Tình-trạng bấy giờ quá sức hỗn-độn, kẻ có can-tràng, quá tức-tối căm giận, đòi :

Anh-hùng xuất trận để đao,

*Ngay vua sống thác quân bao thân
này (1).*

còn những người nhút-nhát khiếp sợ uy-lực của giặc thì dất-dầu nhau mà chạy :

Đội cai thất vía kinh hồn,

Đâm đầu mà chạy lủi đôn tan-hoang.

Lao-xao dân lộn với quan,

Kẻ chạy về làng người lội xuống sông,

Con kêu mẹ sợ quên bồng,

Tai nghe tàu giặc (2) vợ chồng bôn phi.

Trời xui Tây thành Nam suy,

*Biết làm saoặng phục-quy Nam-
trào ? (3)*

Bạn đọc chắc lấy làm lạ sao cuộc phòng-thủ nơi đây đã có ông Quản-Thành (4)

(1) Theo Vương-Thông trong bài *Lịch truyền* về ông Quản-Thành.

(2) Có bản chép là « súng bắn », nhưng xét kỹ là « tàu giặc » thì đúng hơn, vì cuộc chiếm đóng này không có nỏ súng.

(3) Theo Vương-Thông.

(4) Xem cuốn *Cuộc khởi-nghĩa Bảy Thưa* hay bài *Trần-Văn-Thành* của tác-giả đăng trên *Bách-Khoa* số 64.

chuần-bị từ lâu, thế mà đến nay để phải thất-bại chỉ vì có một bức thư ?

Duyên-do là khi hòa-giải với Pháp không xong (1866), triều-dinh Huế vẫn chưa dứt khoát thái-độ, vua Tự-Đức cử cụ Phan-Thanh-Giản vào Nam làm Kinh-lược ba tỉnh miền Tây, hy-vọng là đem tài hùng-biến của cụ để bảo-tồn mảnh đất còn lại này. Lúc mới tới Vĩnh-Long, với lòng ngay thật, cụ Phan tin-tưởng quân Pháp cũng ngay thật như mình, nên cụ ra cáo-thị hiệu-dụ rằng : « Việt-Nam đã giao-hòa với Pháp, vậy nhân-dân phải an-cư lạc-nghiep, mở ruộng lập vườn, chuyên lo văn-học, đừng nghe lời ai mà nghịch với Pháp. Ai không tuân lệnh thì có tội nặng » (5).

Tờ hiệu-dụ này gieo vào lòng ai nấy một niềm tin-tưởng nơi việc thương-thuyết hiệu-quả của triều-dinh, gia-dĩ, việc căm chỉ chống Pháp trước sau vẫn quá nghiêm-ngặt thế kia, với tâm tình đôn-lương và trung-trực của ông Quản-Thành, công việc kháng-chiến làm sao mà không hoàn-toàn ngưng-trệ !

Việc này trong *Cáo-thị cò-tích* của ông Trần-Quang-Nhơn có chép rõ :

Đồn Châu-Đốc An-Giang trở bánh,

Cũng sợ vì lốt lệnh hoàng-ân.

Nội thành trung quan, linh rần rần,

Giao lĩnh lại Tây-di cố thủ.

Thế là không tốn một giọt máu, không mất một hòn đạn, quân Pháp đã nghiễm-nhiên chiếm tỉnh An-Giang hồi lúc nửa

(5) Theo « *Danh nhân nước nhà* ».

VIỆC THẤT THỦ AN-GIANG NĂM ĐINH-MÃO

đêm 21 rạng mặt 22 tháng 6 năm 1867, nhằm ngày 20, 21 tháng 5 năm Đinh-Mão (1).

Họ tràn vào thành thâu-thập những vật-thực như : gà, heo, ngựa ; còn những món họ không dùng được như : lúa, gạo, mằm thì cho đốt đi một phần còn một phần phân-phát cho những người theo họ. Một ít súng đại-bác cỡ 12 và súng bắn đá (pierrier) mà nghĩa-quân không mang theo kịp còn bỏ lại, họ đổ muối vào hòng rồi đầy xuống sông cho mau hư sét.

Cảnh-trạng đau-dớn cho giống nòi đó, có người nóng-nảy đã phải tự-vận mà chết để khỏi nghe thấy sự gai mắt chướng tai, nhưng cũng có bọn người bán rẻ lương tâm

(1) Hai ngày sau, 24-6-1867, lúc 9 giờ sáng, Trung-tá Galey lấy luôn Hà-Tiên. Ngày 25-6 nhằm 24-5 Đinh-Mão, De la Grandière tuyên-bố nắm trọn vận-mạng Nam-Kỳ.

cho giặc, xu-nịnh đề cầu vinh. Chúng ta hãy nghe mấy lời của ông Trần-Quang-Nhơn kể lại :

*Người trung-nghĩa tức mình mà chết,
Kẻ gian-là đem dạ a-dua.
Thấy Tây-di nó lại thêm hòa,
Vinh mặt khi làm tuồng li-láo.*

★

Hôm sau (23-6), sau khi ghé Sa-Đéc, Đô-đốc De la Grandière, trên chiếc tàu Ondine, hãnh-diện đến tận An-Giang với ý định sắp đặt bộ máy cai-trị của Pháp ở xứ này. Nhưng sự thật đã khác hẳn, họ còn phải đổ máu thật nhiều và còn phải kéo dài cuộc chiến-đấu hàng bảy tám năm trời nữa mới hoàn-thành công việc.

NGUYỄN-VĂN-HÀU

★ Trong một xưởng chế-tạo sản-phẩm hóa-học, viên-đốc công cần giải-thích, cho một người thợ mới, biết cách-thức đề-phòng để tránh những tai nạn hiểm nghèo. Đây là điều dĩ-nhiên và thông thường. Song từ đó trở đi, viên đốc-công có thể có hai thái-độ đối với người thợ mới : hoặc tỏ vẻ nghi ngờ người ấy, cho người ấy biết trước mình sẽ kiểm sát, để vì sợ bị kiểm sát mà người thợ phải làm việc cẩn-thận ; hoặc tỏ vẻ tín-cần bằng cách nói với người ấy rằng : « Đây là một công việc tối nguy-hiểm, bởi tin anh nên tôi mới giao cho anh phụ-trách. » Nói vậy không có nghĩa là bỏ lơ sự kiểm-sát mà, cốt làm cho sự kiểm-sát trở thành một cách giúp đỡ thành tâm hay một cách kiểm-chứng công việc đã hoàn thành. (Carrard)



LỊCH-SỬ CÂY ĐÀN

MÃ ĐẦU ĐỀ CẦM của người Mông-Cồ

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

TRONG các làng-mạc ở Mông-cồ, vẫn còn nhiều anh đi hát dạo, vừa ca vừa đàn. Giọng ca ai-oán, náo nùng. Tiếng đàn như khóc như than. Cây đàn bằng gỗ, thùng đàn hình thang, cần dài, và nơi đầu cần có chạm hình đầu con ngựa. Cung đàn làm bằng đuôi ngựa và tiếng đàn gần như tiếng nhị của ta, mà trầm êm hơn nhiều. Người Mông-Cồ cho rằng nếu cây đàn ấy mất đi, thì giọng hát náo nùng kia cũng không còn nữa, vì cây đàn ấy

mà chúng tôi gọi là mã-đầu-đề-cầm (1) có một lịch-sử, thống-thiết ; lịch-sử ấy lại có liên-quan đến điệu ca ai-oán kia.

Mãi về hướng Bắc của nước Mông-Cồ, có một nơi mà người bản-xứ gọi là Bogdokure mà ta tạm dịch là Thiên-miếu, vì đó là một ngôi miếu mà họ thờ trời. Muốn đi đến đó, ta phải băng rừng lướt bụi, ngồi trên lưng ngựa suốt bốn chục

(1) Mã-đầu-đề-cầm : Người Mông-cồ gọi là « Khil-Khuua ».

ngày. Rồi ngọn núi Cầm-Sơn (2) hiện ra trước mắt ta... Từ xa, người lữ khách đã thấy dạng núi ấy mà không mong đến tận chân núi, vì xung quanh hàng triệu độc-trùng chực sẵn để giết chết những người nào cả gan để chân lên cạm địa. Trên núi ấy có một con sư-tử. Theo lời thờ-dân vùng kế-cận, vị chúa sơn lâm ấy cũng không tài nào ra khỏi Cầm-Sơn. Đông đến, tuyết phủ ngọn núi trắng xóa. Và cảnh vật rất nên ngoạn-mục.

Thuở xưa, vùng ấy hoang-vu. Trong mấy thung-lũng, thỉnh-thoảng người ta thấy tám con ngựa đến ăn cỏ. Đó là những con thiên-mã rất đẹp. Nhưng chỉ có 7 con mập-mạp gân-guốc. Còn 1 con kia gầy-gò ốm-yếu.

Chính con ốm-yếu lại chạy mau nhất, trong nháy mắt đã đi xa được nghìn dặm. Ta gọi nó là thiên-lý mã (3) vậy.

Nhiều đêm, người ta thấy Nhị-thập bát tú trên trời sa xuống. Vừa đến mặt đất thì 28 vì sao ấy biến thành 28 tướng mặt hoa da phấn mặc kim giáp, kim bào. Hai mươi tướng ngồi trên lưng ngựa, còn 8 tướng đợi đến núi Cầm-Sơn mới cưỡi 8 con Thiên-Mã đang ăn cỏ ở

đấy. Rồi 28 vị tướng phi ngựa đi chơi khắp nơi, đến khi đêm sắp tàn, vầng ô sắp ló rạng là 28 vị tướng ấy lại trở về trời, thành 28 vì sao lấp-lánh buổi ban mai. Và khi vầng thái-dương đến, là 28 vì sao ẩn mất chờ đến lúc màn đen bao phủ trần-gian là họ hóa thân thành 28 tướng phi ngựa đi khắp đó đây.

Một hôm, người cầm đầu Nhị-thập bát tú cưới con Thiên-lý-mã đi chơi gặp một thôn-nữ xinh như mộng. Hai người yêu nhau, trao đá đổi vàng và mỗi ngày, lúc các vì sao lấp-lánh buổi ban mai thì chàng còn nấn-ná trong lều người thôn-nữ. Từ Cầm-Sơn về trời, con Thiên-lý-mã phải gắng sức chạy mau hơn thường mới kịp cho vì sao đa-tình về đến Thiên-dinh, trước khi mặt trời mọc dưới trần-gian. Vì thế mà càng ngày Thiên-lý mã càng gầy.

Cuộc ái-ân đã được một thời-gian. Cứ đêm đêm là người kỵ mã đến. Và «trước lúc ven trời thoa son thắm» là người kỵ mã biến mất để lại người thôn-nữ cô-quạnh phòng không.

Trời vừa sáng, là người thôn-nữ tìm không thấy dấu vết của người yêu không thấy cả dấu ngựa mặc dầu cứ khi nghe tiếng vó ngựa là chàng hiện đến. Một hôm nàng không ngủ, chờ đến lúc người yêu rón-rén ra về là nàng mau theo chàng ra ngoài; khi chàng lên yên nàng cũng nhảy lên lưng ngựa mà nàng thắng sẵn từ hôm qua. Quái! Con ngựa của

(2) Núi ấy người Mông-cò gọi là Jasaktu Ui. Vì tài liệu viết bằng tiếng Anh mà không có chữ Hán nên chúng tôi không biết dịch là gì. Cũng như chữ Khil-Khuua chúng tôi tạm dịch là Mã-dầu-đề-cầm.

(3) Người Mông-cò gọi nó là Jonung Khara Mori.

nàng cũng là một con tuấn-mã. Thế mà ngựa của chàng phi mau quá. Trong nháy mắt người tướng trẻ mặc kim bào và con Thiên-lý-mã đã biến mất. Người thôn-nữ nghĩ rằng con ngựa gầy ấy có gì khác thường nên lần sau, nàng đợi cho chàng vừa ngủ say là nàng lên ra ngoài, đến gần con thiên-lý-mã để xem coi con ngựa gầy ấy có gì mà phi nhanh thế. Phải rồi! Thảo nào mà nó không phi mau? Phía sau của mỗi chân ngựa có một cái cánh nhỏ, lúc ngựa nghỉ thì cánh ấy xếp lại. Nàng nghĩ rằng nếu mình ăn cắp mấy cánh ấy thì ngựa hết phi mau và nàng có thể giữ được người yêu. Nàng liền cắt bốn cái cánh con ấy. Yên lòng nàng gác đầu lên cánh tay của chàng kỵ-mã trẻ tuổi và ngủ say.

Sáng dậy, người kỵ-mã đi đâu mất rồi! và từ hôm ấy, nàng đợi luôn, nhưng người tướng mặc kim bào và thiên-lý-mã không bao giờ trở lại nữa.

Hôm con thiên-lý-mã bị cắt mất cánh, người tướng trẻ trên đường về ngôi sao thấy rằng con ngựa phi chậm hơn ngày thường nhiều. Và đi được một quãng thì con ngựa thở hồng hộc. Đến giữa một bãi sa-mạc mênh-mông, con thiên-lý-mã quỵ xuống và trút hơi thở cuối cùng. Thế là chàng đã mất con ngựa quý, không thể về được trên ngôi sao kịp

giờ, mà cũng không thể trở lại với người yêu. Một mình ở giữa bãi sa-mạc mênh-mông, chàng ôm xác con thiên-lý-mã, mân-mê đầu nó và nhỏ mấy dòng lệ. Bỗng nhiên con thiên-lý-mã biến thành cây đàn. Đầu đàn là đầu ngựa và đuôi ngựa biến thành dây.

Kia! Vừng thái-dương đã mọc rồi, chàng ôi! Chàng hết mong về trên thiên-giới! A! Lần này là lần đầu tiên mà chàng thấy được mặt trời mọc dưới trần. Vì sao bỗng mạng của chàng lặn mất đi. Chàng đưa tay nhẹ khảy mấy dây và từ miệng chàng một điệu hát não-nùng phát ra.

Từ đó chàng đi khắp nơi đàn hát dạo. Chàng khóc cái chết của con thiên-lý-mã. Chàng khóc than nhớ tiếc quãng đời, lúc chàng còn là một vị sao trong Nhị-thập bát tú, lúc chàng được người thôn-nữ đẹp như mơ san-sẻ tình yêu. Mà nay, Thiên-lý-mã chết, chàng không thể trở về thiên-giới mà người yêu đã gây ra họa thảm, giờ này nàng ở phương nào?

Vì thế mà điệu hát đầu tiên của người Mông-Cô là một điệu hát não-nùng, và cây « mã đầu đề cần » không thể dùng để đàn những điệu vui.

(Phỏng theo tài-liệu của Bác-sĩ Sveu Hedin về nhạc Mông-Cô)

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

HỘI-NGHỊ TỐI-CAO ĐÔNG TÂY...

NGHIÊM-PHÚ-LƯU

HỘI - NGHỊ Tối - Cao giữa Đông và Tây đã được đề - cập tới từ hai năm nay.

Song cũng từ 2 năm nay, khi nói tới Hội-nghị này các báo chí trên Thế-Giới đều đã tỏ vẻ hoài-nghĩ và đưa ra những luận điệu tương-tự như sau đây :

« Hội - nghị Tối - Cao ?... sau khi kết-thúc cuộc chiến-tranh nóng thứ ba này thì mới chắc có được.... »

« Hội - nghị Tối - Cao ?...[Hãy còn trên đỉnh núi... mà đỉnh núi đó thì trông không rõ lắm vì còn bị rất nhiều sương mù bao phủ... »

Tuy đã gặp rất nhiều khó khăn hầu như nan giải, tuy cường-độ của chiến-tranh lạnh lắm khi đã rất cao, tuy có một số các Quốc-gia trên Thế-Giới đã hoài - nghị về việc thành - lập hội - nghị này... Hội-nghị Tối-Cao, trong ít lâu nay, đã được ghi vào những văn-kiện ngoại-giao chính-thức...

Và sau cuộc gặp gỡ giữa Tổng-Thống Eisenhower và Chủ-Tịch Kroutchev tại trại David ở Mỹ trong những ngày 25, 26 và 27 tháng 9-1959 vừa qua, thì Hội-nghị Tối-Cao giữa Đông và Tây đã trở thành một sự thật và sẽ thành hình từ nay cho tới đầu tháng 5-1960 là ngày cả Đông lẫn Tây đều ưng-thuận triệu-tập Hội-nghị này.

1) Cái giá quá đắt của chiến-tranh lạnh...

Cuộc chiến-tranh lạnh giữa Đông và Tây đã tiếp diễn ngay từ năm 1948, 1949 sau vụ Nga-Xô phong-tỏa Tây-Bá-Linh.

Việc Trung-Cộng chi-phối toàn-thể lục-địa Trung-Hoa vào cuối năm 1949, tiếp đó tới cuộc chiến-tranh Triều-Tiên, đã làm tăng thêm cường-độ của cuộc chiến-tranh lạnh này...

Và... trước sự dự-trữ càng ngày càng nhiều, một số bom nguyên-tử, bom khinh-khí và một số hỏa-tiễn xuyên lục-

địa có dầu nguyên-tử, thì cuộc chiến-tranh lạnh này rất dễ trở thành một cuộc chiến-tranh nóng thực-sự.

Một viễn-tượng kinh-khủng ... Với sự tàn phá của các hỏa-tiến nguyên-tử, khinh-khí hay hỏa-tiến đem vi-trùng này thì có nhiều nước sẽ có thể bị «xóa-nhòa» trên bản-đồ Thế-Giới trong một thời gian kỷ-lục.... sau ngày khởi chiến.

Trong địa-hạt chiến-tranh lạnh cũng như chiến-tranh nóng nguyên-tắc cổ-điển và cổ-định sau đây vẫn được áp dụng từ nghìn xưa tới nay :

« Nếu muốn có hòa-bình, thì phải sửa soạn chiến-tranh.. »

Mà cuộc chiến-tranh này sẽ là một cuộc chiến-tranh toàn-diện và triệt để có thể bao quát cả Thế-giới nên việc sửa soạn chiến-tranh đó đã đi từ Đông sang Tây, từ Nam lên Bắc và đã làm tổn phí biết bao nhiêu tài-nguyên (nhân-lực, vật-lực, tài-lực) của biết bao nhiêu dân-tộc bị lôi cuốn vào cuộc chạy đua vũ trang này.

Theo một bài khảo-cứu của Ô. Pierre Moussa Thạc-sỹ văn-chương Pháp đăng ở tuần-báo Entreprise ra ngày 14/2/49 thì vì có chiến-tranh lạnh nên cả hai khối Tự-Do và khối Xã-Hội Chủ-Nghĩa đã phải tiêu một kinh-phí tổng-quát là :

100 tỷ Mỹ-kim trong một năm về các mục - tiêu có tính - cách hoàn - toàn quân-sự.

Thế mà, trong khi đó, thì tuy có nhiều cố gắng, cả khối Dân-Chủ (gồm có : Mỹ, các nước Tây - Âu, kế - hoạch Colombo Liên - Hiệp - Quốc, Ngân - Hàng Quốc-Tế...) đã viện-trợ kinh-tế và kỹ-thuật hàng năm cho 85 nước chậm phát-triển

trên Thế-Giới có một số ngân-khoản tổng-quát là : 3 tỷ 500 triệu Mỹ-kim thôi, tuy rằng số tiền viện-trợ tối-thiểu cần thiết trong một năm phải là : 30 tỷ.

Một mặt khác cũng vì có chiến-tranh lạnh nên :

1) — một số lớn các tiền lợi - tức của một số các dân-tộc đã phải phân-tán trong nhiều mục-tiêu không liên-hệ tới công cuộc phát-triển Kinh-tế. Tại một số quốc-gia chậm phát-triển khác, tuy số lợi-tức quốc-gia sút kém mà vì có sự tranh - chấp giữa 2 khối nên chính các quốc-gia đó đã phải dự xuất một số tiền khá lớn về mục-dịch quân-sự.

2) — chiến-tranh lạnh hiện nay không làm giảm sút số tiền viện-trợ Kinh-tế. Song chiến-tranh lạnh đó đã làm sai lệch một cách vô lý — sự phân phối các số tiền viện-trợ này. Thí dụ trong năm 1957, trong một số viện-trợ tổng-quát là 1.355 triệu cho toàn-thể các nước chậm phát-triển thì có 670 triệu tức là gần một nửa đã phân phối nhiều cho Nam-Cao và Đài-Loan.

Với chiến-tranh lạnh này nền tài-chính quốc gia của nhiều nước giàu mạnh cũng đã thành ra hao hụt nhiều và bị đẩy vào một tình-trạng rất khó khăn. Không kể Anh, Pháp và các nước khác ở Tây-Âu, chính ngay Hoa-Kỳ một cường quốc lớn mạnh nhất trong khối Tự-Do, vì phải tăng cường các kinh-phí về quốc-phòng, vì phải viện-trợ quân-sự nhiều cho những nước có vị-tri chiến-lược bao vây Nga-sô, vì phải tổ-chức những căn-cứ diêm ở hải-ngoại nên nền Kinh-tế đã phải suy sụt nặng nề trong mấy năm 1956, 1957 và 1958.

HỘI-NGHỊ TỐI-CAO ĐÔNG TÂY...

Theo một nguồn tin của Hãng A.F.P. gửi ngày 31-10-59 từ Hoa-Thịnh-Đốn thì trong tài khóa 58 ngân-sách Hoa-Kỳ đã hụt mất một con số kỷ-lục là : 12 tỷ Mỹ-kim (tức là hơn 5.000 tỷ quan Pháp). Còn trong tài-khoá 1959 thì cán cân chi-phó hụt mất hơn 4 tỷ Mỹ-kim.

Tình-trạng đã tiến tới một mức-độ khó khăn đến nỗi :

1) — có một số chính giới Hoa-Kỳ đã đề-nghị đề Tây-Âu góp thêm phần vào việc đài-thọ các kinh-phí quân-sự đó nhất là những kinh-khí của khối Bắc Đại Tây-Dương.

2) — trong một cuộc hội họp báo chí vừa rồi, Tổng-Thống Eisenhower đã phải tuyên-bố rằng Hoa-Kỳ không phải là một thần Atlas có thể tự mình đeo cả Thế-giới trên lưng mình được...

Những khó khăn kể trên tất nhiên chính Nga-sô cũng đã gặp phải.

Hiện nay Nga-sô đang thi-hành kế-hoạch 7 năm (1959-1965). Kế-hoạch này gồm 2 năm của kế-hoạch 5 năm lần thứ 6 và 5 năm của kế-hoạch 5 năm lần thứ 7.

Còn Trung-Cộng thì cũng đang thi-hành kế-hoạch 5 năm lần thứ 2 (1958-1962).

Tất-nhiên vì phải dự-trù nhiều kinh-phí quân-sự bất thường để chống đối với khối Tự-Do Dân-Chủ nên Nga-sô, Trung-Cộng cũng như các nước khác trong khối Đông-Âu đã phải hao phí rất nhiều tài-lực trong công-cuộc vũ-trang, sự kiện này đã làm cản-trở cho việc thi-hành và

thi-hành vượt mức các kế-hoạch kinh-tế đã thiết-lập.

Một điểm khác là vì có chiến-tranh lạnh nên một số công-trình nghiên-cứu khoa-học của Thế-giới đã không hướng về mục-tiêu phụng-sự hòa-bình, nâng-cao đời sống của dân chúng cần-lao tại các nước chậm phát-triển mà lại hướng về các chỉ-tiêu chủ yếu tìm cách, hoặc là giết người hàng loạt, hoặc là làm phá-hoại trầm-trọng nền kinh-tế của các nước này.

Có nhiều nhà khoa-học và quân-sự đã tính rằng những quả bom khinh-khí hiện nay tồn-trữ tại Mỹ, Anh và Nga-sô có thể có một sức mạnh phá-hoại gấp 100 lần quả bom nguyên-tử đã ném ở Hiroshima trong năm 1945.

Theo một bài khảo-luận đăng ở báo Express ra ngày 17-12-1959 thì :

1) — Khu Bắc-Đại Tây-Dương có dự-trù một chiến-lược ném « bom nguyên-tử chiến-thuật » hạng nhẹ nhất tại vùng phía Đông sông Rhin để tránh việc tàn sát quân đội và dân chúng tại Tây-Âu.

2) — Thế mà theo kết-quả sơ-khởi của mấy cuộc tập trận tại khu Louisiane (Mỹ) và khu Westphalie (Tây-Đức) để thí-nghiệm chiến lược đó thì số quân dân sẽ chết về bom nguyên-tử trên mấy ngày đầu chiến-tranh đã có thể ước-lượng lên tới... 3 triệu người.

Đó là các bom hạt-nhân cỡ nhẹ nhất.

Còn với một số bom nặng gấp 50 hay 100 lần số bom đã thí-nghiệm thì tất-nhiên số người bị thiệt-hại sẽ lên tới một số khủng-khiếp.

Mà nếu có chiến-tranh thứ 3 này thì dù là chiến-tranh cổ-diễn, chiến-tranh nguyên-tử hay chiến-tranh xâm-nhập thì chiến-tranh dưới hình-thức nào cũng sẽ là một cuộc chiến-tranh toàn-diện và triệt-đề.

Trong một cuộc chiến-tranh tương-lai như thế thì không phải chỉ có các quân-nhân sẽ bị chết thối đầu mà chính các người thường dân và giới bình-dân càng phải chịu thiệt-hại nặng nề trước nhất do sự phảo kích nguyên-tử dễ dàng vào những trung-tâm sản-xuất quân-cụ, trung-tâm sản-xuất nông công-nghiệp của các nước đối-lập.



Vì :

1) — cái giá quá đắt của cuộc chiến-tranh lạnh hiện nay,

2) — sự phá hại quá ư tàn-khốc của một cuộc chiến-tranh nóng sau này. nên Tổng-thống Eisenhower trong cuộc thăm Ấn-Độ vừa rồi đã tuyên-bố với dân-tộc Ấn-Độ rằng :

« Cuộc chạy đua vũ-trang hiện nay thật là một sự điên rồ ».

II) — Mục-đích của Hội-nghị tối-cao và chương-trình nghị-sự...

Tại làm sao lại không có cuộc hội họp hòa-bình trong khuôn-khò và dưới sự lãnh-đạo của Liên-Hiệp-Quốc.

Nhiều kinh-nghiệm đã chứng tỏ rằng hết thảy các vấn-đề chính-trị chưa giải-quyết được trên thế-giới hiện nay đều có liên-quan tới hai khối Đông và Tây.

Mà những nước cầm đầu hai khối đó hiện nay là Nga-sô và Mỹ cùng một số các nước Tây-Âu.

Vậy các cuộc bàn cãi công-khai tại Liên-Hiệp-Quốc trong các buổi Khoáng đại-hội-nghị sẽ không có thể đem lại được một kết-quả khả-quan nào cả nếu không có sự thỏa-thuận căn-bản của các nước lãnh-đạo hai khối kể trên. Mà muốn có sự thỏa-hiệp dễ dàng giữa các dân-tộc liên-hệ thì cứ nên để cho các dân-tộc đó tiếp xúc trực-tiếp với nhau còn hơn....

Việc Chủ-tịch Nga-sô qua thăm nước Mỹ trong tháng 9-1959 vừa qua là một chiều hướng mới sẽ có thể mở đầu cho một hình-thái và phương-thức ngoại-giao có thể hy-vọng hữu-hiệu hơn tất cả mấy năm « bất động » vừa qua.

Vậy mục-tiêu đầu tiên hội-nghị tối-cao là sự cố gắng làm xoa dịu tình-hình Thế-giới căng-thẳng hiện nay giữa hai khối Đông và Tây.

Trên căn-bản một trạng-thái tinh-thần hòa dịu đó các nước họp hội-nghị này sẽ có thể lần lượt đề-cập tới :

1) — Vấn-đề kiểm-soát rồi hủy bỏ các số vũ-khí nguyên-tử và vũ-khí cổ-diễn để tiến lần lần tới việc tổng giải trừ quân bị triệt để và toàn diện đã nêu lên trong mấy năm nay.

2) — Vấn-đề Tây-Đức và Đông-Đức kể cả vấn-đề Bá-Linh.

3) — Các vấn-đề tổng-quát về sự giao-thiệp giữa Đông và Tây.



Theo một số báo chí thì về phía nước Pháp Ông Maurice Dejean Đại-sứ Pháp

HỘI-NGHỊ TỐI-CAO ĐÔNG TÂY...

tại Mạc-Tư-Khoa đã cho Ông Gromyko rõ là Tây-Au còn có thể có ý định nêu lên các vấn-đề liên-quan tới:

— việc cấm triệt-đề mọi hành-động xen vào nội-bộ của các nước khác.

— các vấn-đề viện-trợ cho các nước chậm phát-triển trên Thế-Giới v.v...

Theo các tin tức sau cùng thì dư-luận của báo-chí và của các giới hữu-trách Tây-Au tại Mạc-Tư-Khoa đã có vẻ lạc-quan hơn trước vì:

1) — thông-diệp trả lời của Chủ-Tịch Khrouchev đã được soạn thảo về hình-thức cũng như về nội-dung bằng những lời văn nhẹ nhàng tỏ ra có thiện chí xây-dựng trên một căn-bản hữu-nghị.

2) — trong thông-diệp này Chủ-Tịch Nga-sô đã chấp - thuận một cách gián-tiếp nguyên-tắc « hội hợp tay tư » và không hề đề-cập tới vấn-đề mở rộng hội-nghị với một con số tương đương và đồng đều những hội-viên Đông và Tây cùng tham dự cuộc hội-nghị này.

Mới đây có nhiều dư-luận sợ Nga-sô yêu-sách mỗi bên có một con số hội-viên là năm nước cùng tham dự hội-nghị trong đó sẽ có hai nước Đức.

Sự e sợ đó không còn nữa.

3) — Chủ-tịch Nga-sô đã chấp-thuận đề-nghị của Tây-phương lấy Paris là nơi trụ-sở hội hợp mà không nêu lên yêu-sách đòi chọn lại một Thủ-đô nào khác nữa hay là lấy một thủ-đô của một nước trung-lập làm trụ-sở này.

Việc chấp - thuận này có thể đưa tới việc chấp-thuận một nguyên-tắc hợp lý lựa chọn luân phiên các thủ-đô của 4 cường quốc Anh, Nga, Mỹ, Pháp để làm trụ-sở cho những cuộc hội-nghị khác sau này.



Có nhiều dư-luận đã lạc-quan dự đoán rằng với những sự-kIỆN sơ-khởi tốt đẹp kể trên thì có lẽ cả hai khối đều có thể có thực-tâm muốn có hội-nghị Tối-Cao càng chóng càng hay.

Vi vậy Chủ-tịch Kroutchev đã không đề ý đến nhiều chi-tiết về thủ-tục và đã chấp-thuận ngay việc tổ-chức hội-nghị này.



Một điểm đáng chú-ý thêm: là không đợi tới ngày có Hội-nghị Tối-Cao, ngay ngày 30-12-1959 tại Họa-Thịnh-Đốn đã có một buổi họp của một (Ủy-ban Lãnh-đạo) khối Tây-phương dưới quyền chủ tọa của O. Christian Herter để phối hợp việc cứu xét mọi vấn-đề cần đem thảo-luận tại Hội-nghị Tối-Cao.

Ủy-ban đó đã thiết-lập ba tiểu-ban riêng biệt phụ-trách việc thu-tập mọi quan-điểm của khối Tây-phương về ba điểm chính-yếu đã ghi trong chương-trình nghị-sự đã gửi cho Nga-sô.

NGHIÊM-PHÚ-LƯU

« KỶ TỐI : Những điểm dị-đồng trong khối Tây-Phương và Hội-Nghị Tối-Cao của khối này...

H₃:

thuốc trường sinh ?

Cô - Liêu

Tại sao chúng ta già ?

KHOA-HOC nghiên-cứu sự già nua tuổi tác tiến-bộ rất nhiều. Nhiều sự khám phá của công cuộc nghiên-cứu đã được đem áp-dụng với ít nhiều kết-quả. Người ta đã dùng tinh chấp, huyết thanh, kích thích tố, sinh tố, thuốc trụ sinh, hoặc đã áp dụng phương pháp tiếp hạch v... v... Tựu trung những kết quả thu được chỉ có giá-trị một sự kích thích nhất thời.

Có phương-liệu nào xóa bỏ được hiện tượng già nua suy nhược một cách chắc chắn và lâu dài không ? Chưa ai có thể biết đích xác được công hiệu của được liệu cũng như cách áp-dụng cho đúng với căn bệnh.

Sao vậy ? Vì rằng tuy sự nghiên-cứu đã tiến sâu rộng, vẫn chưa ai hiểu nguyên do làm cho người ta già đi.



Người ta biết rằng những động-vật hạ đẳng chỉ có độc nhất một tế-bào như

loài infusoire không già không chết. Vậy mà không biết tại sao một giống vật thượng thặng tức là một tổ hợp tế bào lại già được. Giáo sư Carrel đã chứng nghiệm rằng một tế bào tự trong mình nó không có mầm mống gì làm cho nó tự hoại. Nếu lấy riêng một tế bào của người già sắp chết ra coi thì vẫn đầy sinh-lực không khác gì tế bào của một người trẻ trung. Vậy thì tại sao một tổ hợp tế bào là thân thể người ta lại có đời sống mong manh thế ? Khoa-học mặc dầu có những khám-phá huy hoàng vẫn chưa thấu hiểu sự bí-mật ấy của tạo-hóa. Bác học Jean Rostand nói rằng đó là cái « nghiệp báo » của những loài vật thượng thặng.

Tất cả mọi ức thuyết hữu lý hay viễn vông đều được đưa ra giải thích sự già lão, nhưng chưa có thể chấp nhận được thuyết nào cả, chung quy trong cuộc chiến đấu với sự già lão người ta đã tấn công một yếu tố mà không biết rõ tính chất nó thế nào. Sau cùng người ta phải tự hỏi : « Nếu tế bào tách riêng ra vẫn

trẻ trung mà ở trong tổ hợp nó suy yếu, thì có lẽ tại có những yếu tố đầu độc nó như kích thích tố hormone, tác động cân não, thận, dịch hóa ».

Người ta già nghĩa là tất cả mọi bộ phận trong thân thể đều già

Mặc dầu thụ độc của những yếu tố hào hay suy yếu vì một nguyên do nào khác, khi một cơ thể già đi, người ta cũng thấy mọi bộ phận đều suy yếu, có bộ phận suy nhiều, có bộ phận suy ít. Chúng ta không những già về huyết quản mà còn già về cân não, gan, thận, phổi, thần kinh hệ.

Chúng ta già nghĩa là cơ thể chúng ta mất đi 7,5 lít nước, gan nhỏ lại còn 2 phần 3 lúc tráng niên. Còn trẻ thì gan nặng từ 1200 gờ ram đến 1500 gờ-ram lúc già gan chỉ còn nặng từ 850 đến 1.000 gờ-ram, những thớ thịt cellulot — mỡ teo lại, hạch ở chân tay ít đi làm cho da dầy ra. Xương sống lún xuống, khô đi, thận giảm bớt một phần tư sinh lực, niệu hộ tuyến (prostate) tiết ra ít dịch chấp. Bắp thịt bụng rãn ra. Óc lớn ra, màng óc dầy ra. Huyết quản rãn lại vì có nhiều chất vôi và xơ thịt. Trái tim lúc còn trẻ dựng đứng, hơi nghiêng, thì lúc già xa đầu xuống muốn nằm ngang ra.

Đó là tất cả cái gì người ta biết về sự già nua của thân thể, còn có lý do tại sao thân thể suy nhược vẫn là sự bí mật của tạo hóa. Không những thế, ta cũng không biết rõ cơ thể bắt đầu suy yếu ra làm sao, từ thời kỳ nào. Có những bộ phận bắt đầu suy từ thuở thơ ấu như thủy tinh thể ở mắt. Xương sống bắt đầu bị vi trùng xâm nhập từ tuổi tráng niên.

Mỗi người già một cách

Để tìm phương trị liệu bệnh già, y học căn cứ vào hai đặc điểm :

— Khi người ta già tất cả mọi bộ phận trong thân thể đều suy nhược

— Sự suy nhược ấy lần hồi, suốt khoảng thời gian một đời người.

Bác-sĩ Destrem ở Pháp nhờ bộ Quốc gia giáo-dục và cơ-quan An-ninh xã-hội trợ giúp đã thành lập một tổ chức phòng ngừa các bệnh già. Người ta khám-nghiệm những giáo sư và giáo viên hưu. Mỗi người phải trả lời 200 câu hỏi để cho biết đầy đủ tài-liệu về tình trạng sinh lý. Căn cứ vào sự y nghiệm đó người ta có đủ yếu-tố để chọn phương thuốc thích hợp cho mỗi người. Qua cuộc thí-nghiệm ấy người ta được biết mỗi người già một cách, tuy theo điều-kiện sinh sống mỗi người có những yếu-tố riêng làm cho mình già.

Môn học chống lại tuổi già ngày nay hướng về những công cuộc y nghiệm sâu rộng đích xác để biết rõ lý-lịch sinh lý từng người, và áp dụng những phương pháp trị liệu thích hợp. Nhắm vào hướng ấy môn học này có thể tiến-triển một cách đứng đắn và khả quan.

Thuốc H3 là gì ?

Mới đây bác-sĩ Anna Asian, người Lô-Mã-Ni có gửi cho các đồng nghiệp ở Pháp một bản thông báo về việc dùng thuốc H3 để trị các chứng bệnh của tuổi già.

Đã 8 năm nay bác-sĩ Aslan thí-nghiệm thuốc H3 với những ông bà già nằm dưỡng bệnh tại bệnh viện. Cách đây 2

năm bác-sĩ lại đem thí-nghiệm với những người còn hoạt động từ 45 đến 60 tuổi bắt đầu có triệu chứng già yếu. Tại Pháp cũng có dùng để tiêm cho những tù nhân mắc bệnh già trước tuổi.

Thuốc H3 là gì ?

Một vị thuốc rất thông thường còn tên gọi là procaine hay là novocaine, tiệm bào chế nào cũng có bán. Đã 50 năm nay người ta vẫn thường dùng làm thuốc mê hay thuốc tê (chỉ thống). Thoạt khởi, năm 1903 bác-sĩ Spiess người Đức đã bắt đầu dùng làm thuốc chỉ thống (làm bớt đau). Về sau bác sĩ René Leriche nghiên cứu thuốc procaine, đã chứng minh rằng thuốc này có ảnh hưởng đến toàn thể các bộ phận người ta.

Cách đây 13 năm bác sĩ Aslan bắt đầu thí nghiệm với giống chuột. Người ta làm cho giống chuột mắc bệnh xung khớp xương nhân tạo bằng cách cắt đứt giây thần kinh háng, rồi trị bằng thuốc H3, kết quả 85% khỏi bệnh.

Loại procaine của bác sĩ Aslan dùng là một liều a-xít trong có hóa chất PH3,3 (vì thế gọi là H3) tiêm vào bắp thịt 5 phân khối, mỗi tuần lễ 3 lần, tiêm trong nhiều tháng có khi vài năm.

Kinh nghiệm của bác sĩ căn cứ vào

những kết quả của cuộc thí nghiệm với 10.000 người tuổi từ 60 đến 100.

Kết quả thực tiễn thân lợm được nhân cuộc điều trị 7.600 người mắc bệnh xung khớp xương, đau khớp xương ở Ba Lê, đã chứng tỏ rằng thuốc có hiệu lực chặn đứng sự suy yếu vì tuổi già. Sau khi được điều trị vài tháng, người ta xem các bức ảnh chụp, các đồ thị và phiếu ghi chứng bệnh thì thấy những kết quả kỳ lạ : tóc lại mọc ra hay trở lại màu sắc lúc tuổi trẻ, thần kinh hệ được kích thích, trí nhớ tăng thêm, ăn được ngủ được, kích thích tố hormone bài tiết nhiều thêm. Tóm lại toàn thể các cơ quan trong người đều trở lại có sinh lực.

Tuy nhiên phương liệu này, mặc dầu có đem lại kết quả choáng mắt, cũng chưa hẳn là môn thần dược vì người ta chưa thể biết được hiệu lực của thuốc được bao lâu. Có điều chắc chắn là môn thuốc ấy là một sự khám phá quan trọng về thuật trường sinh.

Từ năm 1935, nhờ y khoa tuổi thọ trung bình của người ta đã tăng thêm được 8 năm. Tại Pháp từ 1900 đến 1950 tuổi thọ trung bình được tăng thêm 17 năm. Có lẽ đến cuối thế kỷ này người ta sẽ sống lâu thêm 20 tuổi nữa.

CÔ-LIÊU

Bậc đại ần

Ngày xưa có ông Nghiêm-Quan-Bình, có tài học mà không chịu ra làm quan, ngày ngày chỉ ngồi bói thuê ở chợ trong thành đô. Người đời bấy giờ gọi ông là : « Đại ần ần thành thị », có ý khen ngợi ông là người ở giữa thành thị mà vẫn trốn tránh được đời.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LÉ-THANH-TON - SAIGON

TÉL : { 22.102
SGN. 34

ÔNG TƯ ĂN TẾT

ĐOÀN - THÈM

Thân gửi anh Thúc

LUẬN-ĐÓN

TRONG bức thư cuối năm, anh đã ngỡ ý muốn biết bà con ở nhà ăn Tết ra sao, có chi khác xưa khi anh còn đến xông đất hộ ông Tư không, cách đây thăm thoát bảy năm rồi.

Thôi thì tôi kể ngay cho anh biết về trường-hợp ông Tư, để anh có một ý niệm cụ-thể, vì hiện nay cũng đã khối người thay đổi như ông, đối với tục-lệ ngày xuân mà ông thường đem ra bàn luận với tôi.



Cũng như bao người khác, ông vẫn nhận được từ 26, 27 tháng chạp rất nhiều thiệp chúc Tết. Nhưng ông thú rằng chẳng trả lời ai hết : cuối năm công việc bận rộn, còn phải xúc tiến thanh toán cho tạm xong mà nghỉ ; nếu phải phúc đáp, thì ông sẽ nát óc vì hết chữ rồi : chẳng lẽ người ta « cung chúc tân niên », ông lại « chúc mừng năm

mới », dẫu có « vạn sự như ý » « một năm đầy hạnh-phúc » hay cả « Happy new year » nữa cũng chẳng đủ cho gần hai trăm nơi... Ông không có can-đảm theo gương bác Thuyết, lấy những tấm thiệp in sẵn câu chúc không đề tên tuổi, nhận được của ông nọ, đem bỏ bao thơ gửi cho ông kia ; ông cũng chẳng muốn lạm dụng lòng tốt của người thơ-ký mà nhờ chiếu một danh-sách dài dằng dặc đầy tên bằng hữu gần xa, rồi bất cứ gửi cho ai cũng đánh máy bốn chữ « vinh an vạn phúc » theo lối cụ Thủy. Ông còn phàn nàn về sự thủ-lễ quá phiền phức của mấy bạn đồng-sự, vừa gặp nhau tay bắt mặt mừng buổi sáng, đến buổi chiều lại gửi thiệp cành mai bụi trúc. Sau hết, ông còn ỉy-do đặc-biệt để tự miễn trả lời : nhiều thiệp bây giờ in rất cầu-kỳ, chim chóc, hoa cỏ, màu sắc rực rỡ, lũ con nhỏ thấy đẹp mắt, tranh cướp đem chơi và đánh lạc đầu mắt ; hoặc có cả những hăng

buôn máy cày và tiệm cao-lâu Tứ-Xuyên lợi-dụng chào xuân mà gửi thiệp quảng-cáo tuy ông không có hân-hạnh quen biết : ông bảo nếu có dịp, ông sẽ trả lời bằng cách mua dụng-cụ hoặc mang bụng tốt đến ăn.

Tôi có trách ông quá vô-tình, dễ bị coi là thất-lễ. Ông kêu : nào ai nữ trách ? Vì thực ra, cũng lắm vị chỉ dặn con cái hay người làm công bỏ thiệp cho bạn hữu, nên chưa chắc nhớ được rằng đã chúc những ai ; còn tình-cảm, nếu có, thì đã chính tay viết cho ông mấy chữ dù là sáo-ngữ xā-giao, giá thử chịu cầm bút, ít ra cũng có nghĩ đến ông một phút ; ông vẫn cầu mong cho thân thích bạn bè một đời hạnh-phước, hà-tất chúc một năm may mắn ? Lỡ có ai khó tính trách móc, thì bắt tay ha hả cười trừ chớ sao ?

Tôi đánh bạo hỏi ông : hay muốn cho ông tin ở lòng thành mà sốt sắng giao-thiệp, bà con cần có bằng-chứng cụ-thể hơn ?

Ông thoáng nghe, mỉm cười ranh mãnh :

— Quà biếu hả ? Không thông-minh. Có « đi » phải có « lại », thường mới « toại » lòng nhau. Nhưng « đi » cũng chẳng thú gì, mà « lại » thì phiền lắm. Nhận của con cháu thì chẳng nữ ; của người dưới, sẽ mang tiếng ; của người trên hoặc ngang hàng, tất phải tạ : thời giờ đầu mà la cà mua đồ biếu, và nhất là hộ-tổng đi khắp thành-phố ? Nếu theo thói quen của nhiều người lớp trước, nhận của ông này, đem cho bà khác, sự trao đổi hàng hóa đó làm nhiều tất cả mọi người trong một vòng lẫn-quần, khi giàu nghèo đều cỡ sắm đủ mọi thứ kẹo bánh trà

rượu thưởng xuân. Còn như mua đồ dùng để tặng nhau làm kỷ-niệm theo người Âu Mỹ nhân dịp Noël, không khéo sẽ mắc nợ. Ấu là miễn cả.

— Ít ra ông cũng thăm viếng chào hỏi, nếu không, chẳng hóa nhạt nhẽo quá sao ?

Nhưng ông cũng lại có lý-do thoái thác. Người nọ đến chơi người kia cùng trong một hai ngày, ai cũng đi cả, thành ra cứ đuổi nhau hoài, có xe hơi riêng thì khổ cho tài xế, không có thì chết tiền tắc-xi. Có vị để sẵn trong ví một sổ danh-thiệp, đến nhà ai cũng mong chủ nhân vắng mặt hoặc sai gia-nhân áp ứng rằng vừa đi khỏi : càng tốt, gửi lại một thiệp bề gãy góc cho hợp-lệ, rồi hốt hải rút lui, mừng thầm rằng không phải ngồi rồn lại để chịu đựng ly rượu, hạt dưa và những cháu giai mà bạn chúc cho sinh thêm. Chẳng lẽ chúng ta cứ thiếu thành-thực mãi để làm cho nhau vất vả trong khi cần nghỉ ngơi thoải mái ? Nên ông chỉ tiếp hoặc thăm một số người chí-thân, nhưng mỗi lần đều dặn dò xoa xuyết : xin miễn đáp lễ, hai người chạm trán nhau một bận, ở một nơi là đủ rồi.

Tuy không tìm ra lý nào để bề được ông, tôi vẫn thắc mắc, vì e rằng nếu ai cũng như ông, có lẽ chẳng còn gì là cái Tết cổ-hữu ngàn xưa.

Nhưng sau tôi được biết ông có một sáng-kiến mà nhiều bạn tán thành, và đã từng đem áp dụng : mỗi năm, cứ vào khoảng từ 25 đến 29 tháng chạp, hoặc mồng hai tháng giêng, một số người quen biết, đủ thân để có bốn phần chúc Tết lẫn nhau, hẹn tới họp mặt đúng một giờ tại nhà ông hoặc ở nhà bạn nào đó. Ai đóng vai

chủ-nhân « đương cai » thì vui lòng nhận từ hôm trước của mỗi người hứa tham dự, gói trà, chai rượu ngọt, cân mứt, v.v... để có phương-tiện thết khách mà không phải tốn kém chi hết. Độ chừng bốn năm chục ông bà gặp nhau, chuyện trò chúc tụng ; sau đó, không ai gửi thiệp, không ai đến nhà ai nữa, không phải chạy đi các nơi mua quà biếu, không mất thời-giờ mà lại hân hoan thân mật, thành thử có thể dùng mấy ngày nghỉ mà xum họp gia-đình.

Chính vì mục-đích đó mà ông có gan cự tuyệt những tục lệ vừa bó-buộc vừa kèn-càng, chớ chẳng phải ông tính-tình lãnh-đạm hoặc không hiểu phép lịch-sự. Tôi tiếc đã ngờ oan ông, nên càng sẵn lòng tiếp nhận những ý-kiến khác của ông về Tết.

Theo ông, Tết của ta trước hết có tánh-cách gia-đình ; trải bao đời, dù ai xuôi ngược quanh năm để mưu việc sinh-nhai, gần đến Tết cũng lo trở lại quê-hương, hoặc nơi có đông đủ bà con họ mạc mà thết lại tình thân, giữa cảnh đoàn-viên ấm cúng. Hiện nay, vì lý-do này hoặc lý-do khác, một số khá đông người quên mất ý-nghĩa trên, chỉ coi mấy ngày Tết như những ngày nghỉ thường, để xa nhà, đi du-lịch, đi hóng mát ở bãi biển hoặc lên miền cao-nguyên : nếu không phải là sự đáng trách, thì cũng là điều đáng tiếc.

Tôi muốn hiểu rõ hơn thái-độ của ông, vì hình như có sự mâu-thuẫn : một mặt ông đã tỏ ra táo bạo cải cách, một mặt lại có vẻ thụt lùi bảo thủ.

Ông giải thích :

— Mỗi tổ-chức, mỗi cục-lệ của chúng ta đều phải xét lại với ước-vọng cải tiến :

chúng ta chỉ giữ lại những gì có ý-nghĩa, có ích-lợi. Một khi đã chắc chắn là hay, thì phải duy-trì lấy tinh-thần : cho nên tôi muốn trả lại cho Tết, tánh cách gia-đình đương bị sao lãng. Nhưng tinh-thần đó chỉ có thể sáng tỏ mà tồn-tại, nếu thoát ly khỏi những hình-thức câu-nệ, phiền-phức, giả-trá và không thích-hợp với nhu-cầu thiết-thực của đời sống hiện-thời : vì thế, tôi duỡng bỏ những sự cầu-kỳ, nề-hà, xa-phí, và tốn thời-giờ, chính người lớp trước cũng thấy lạc-hậu mà chưa dám mạnh dạn thay đổi ; tuy nhiều tục cũ đã bị mặc-nhiên bãi bỏ dần dần, tỉ như cây nêu, sự kiêng cho khỏi giông v.v... nhưng chúng ta cần dẫn một bước nữa...

Thấy nhà ông ngày Tết chỉ có lan với mai, tôi hỏi tại sao Glaieul và Dahlia năm nay cũng nhiều bông nở đẹp mà ông chẳng mua ?

— Nếu đã tò mò như vậy, thì tôi xin phân trần về cả các thức khác cần-thiết cho Tết, mà cổ-truyền là tánh-cách chung. Có cúc mà không Glaieul, cũng như có trà mạn mà không rượu tây, có mứt sen mà thiếu chocolat bọc giấy bạc, lại không thể bỏ bánh chưng dưa hành... tuy hội hè ăn uống, thì đồ Tây đồ Tàu thiếu gì mỹ-vị ? Nhưng cũng thiếu chi dịp khác ? Nếu đồ trang-hoàng hoặc ẩm-thực mới lạ, thì Tết ở mỗi nhà sẽ một khác. Mà Tết là của cả dân-tộc, phải có những sự, những vật, những thức gì chung mà hầu hết các nhà đều có chẳng nhiều thì ít, như bánh chưng. Tết vốn là dịp quần tụ gia - đình, thân cận gia-tộc, tưởng niệm lại cả người trước và thời qua, thì nên có những gì nhắc nhở được kỷ-niệm êm đềm tươi sáng của những ngày thơ ấu hay trẻ trung không trở lại... Trông thấy

rò lan, tôi hồi tưởng đến râu bạc phất phơ của ông tôi xưa kia lúi húi vun xới, mong cho hoa nở đúng ngày mồng một; trái lại, những bó glaieul hay oeillets sặc sỡ chẳng gọi cho tôi chi hết. Trong khi chúng ta uống trà với nhau, tôi yên trí rằng cùng lúc này hàng vạn hàng triệu đồng - bào giàu nghèo, ở thành-thị, ở thôn quê, cũng đang uống mừng xuân, chớ nào mấy ai nâng ly Martell hay Bisquit? Tóm lại, vì Tết chung cho cả giống dòng và các thế-hệ, cần phải có những thú chung tự ngàn xưa, khiến mọi người có thể cùng nhau thông cảm qua không-gian và thời-gian, trong nguyện-vọng sống vui nhân dịp trời đất hồi-xuân và lòng người đầy thiện-cảm...

— Như vậy, ý chừng ông còn muốn giữ nhiều tục cũ nữa?

— Có lẽ, nhưng khó lắm. Có khi vì tục-lệ lỗi-thời quá rồi, tỉ như đốt pháo hàng thước suốt đêm ngày cho nhức óc: quanh năm chúng ta bị xe cộ ầm ĩ inh tai rồi, đến dịp nghỉ ngơi lại mất ngủ thì riêng tôi chẳng hài lòng cho lắm. Có khi không thể theo dù muốn, vì tâm-hồn đã biến đổi quá nhiều: thuở nhỏ, tôi cũng như mọi người chung quanh tin rằng ông Táo cuội cá chép, đi búa, đội mũ lông lân vàng bạc không có cánh chuồn cũng bay được lên cao... hoặc tin ở hiệu-lực tốt xấu của sự xông đất, sự hái lộc cầu tài, sự may rủi tùy giờ tùy hướng xuất-hành... Suốt mấy ngày Tết năm xưa, tôi đã sống trong bầu không-khí huyền-ảo, mơ-mộng, ngây-thơ, mà thi-vị đã bị tiêu-tan vì văn-minh khoa-học, hoặc vì tuổi đã nhiều rồi. Tết vẫn đến, nhưng ai trả lại cho tôi tâm-thần chất-phác hồn-nhiên?

— Nghe giọng ông, tôi đoán ông hay nghĩ ngợi về tuổi, lo mình sắp già như

nhiều người mỗi khi tăng lên một tuổi..

Tôi đây, ông thở dài một cái, nhưng lại mỉm cười luôn:

— Nghĩ đến tuổi thì có, mỗi khi bóc tờ lịch mới và nghe pháo giao-thừa. Song tôi nghĩ đến các con tôi trước hết; năm nay, thằng An đã 12, con Thúy đã lên 9, đứa này sắp phải thi lên lớp, nên tôi lại phải dành thời-giờ kèm cho nó học; đứa kia càng lớn càng dài người, có lẽ phải tìm cách cho bổ dưỡng hay tập thể-thao... nghĩa là nhận định rằng trách-nhiệm tôi tăng lên cùng tuổi chúng. Hoặc tôi ngán mặt kết toán công việc gia-đình hay nghề-nghiệp, để ngấm lại một lúc về thân-thể, cũng sốt ruột vì kết-quả được là bao? Cho nên tôi hiểu tâm-trạng một số người lão-mạo, và cảm thấy buồn man mác trong lời than của Tửng-Giới-Thạch khi ông tới tuổi thất-tuần và ngao ngán nỗi chưa thành đại sự... (1).

Dù sao, tôi chẳng đến nỗi lo già, cũng không bắt chước mấy cụ thời xưa, hễ Tết đến thì làm thơ than phiền về râu bạc hay mở tóc hoa dâm... Sợ già tức là e ngại thân-thể suy-nhược tật-bệnh: nhưng cũng lắm người văn-thời vẫn tráng-khiên, và phương-pháp hay y-dược để giữ gìn sức

(1) « Tháng đời năm đời, thời-giờ thấm thoát... nhưng than ôi, cuộc cách-mạng vẫn chưa thành-tựu... Năm nay đã là năm sinh vừa đứng bảy « mười của tôi... Nhân đây, xét lại dĩ-vãng, ngón « ngang muôn sự đã rồi, cảm thấy nỗi lòng rất « đổi băng-khuàng, mà lo lắng nhất là chưa thực « hiện được muôn một lời di-huấn cứu vớt nhân-« dân, đền ơn nợ nước của hai vị từ-quân « quá-cổ... »

(Trường-Trung-Chính: Nga-Xô tại Trung-Quốc — phỏng theo bản dịch của Ngô-Tâm-Lý).

khỏe, ngày nay cũng chẳng thiếu gì. Sợ già, có khi vì e mình không còn đủ điều- kiện mà hưởng những sinh-thú về thể-xác hay tình-cảm : chẳng lẽ chỉ sống vì thể ? Nếu trái lại quan-niệm nhân-sinh bớt tầm- thường, nhất là nếu sống để theo một sự- nghiệp, thì những Winston Churchill, những Schweitzer, hay Syngman Rhee đâu có thấy khổ vì đã ngoài hay sắp tám mươi ? Edgar Quinet coi tuổi già là lúc cao thăng (une ascension). Cũng như Khổng-Tử thấy từ 30 đến 70, con người có thể tiến đạt dần mãi cho tới lúc hành động theo lòng sáng tỏ mà không sợ lạc lầm « thất thập tông tâm sở dục, bất du cú »...

Tôi nghe ông lý luận cũng thông, nhưng còn ngờ ông ngụy biện ; ông thiên về phía tinh-thần, hơi duy-tâm. Khi thấy mình chưa nhiều tuổi, vẫn thích hơn, vì sống mạnh hơn hoặc còn nhiều hy-vọng sống mạnh, nghĩa là đầy đủ về mọi phương-diện. Còn nếu nhớ rằng mình sắp già, yếu đi, xấu đi, từng trải nhiều quá hóa cần cỗi vì chán chường thể-vị, mọi tình-cảm phai nhạt như sắc màu cỏ hoa linh-lạc, thì dầu sao cuộc đời cũng chẳng nên thơ.

Ông chưa chịu. Theo ý ông, vẫn biết rằng già thì cũng đến tàn-tạ, và trẻ thì cuộc sống có thể phong-phú ; nhưng trẻ hay già không chắc vì sổ niên-tuế ghi theo tờ lịch hay trên giấy khai-sinh để tăng lên mỗi Tết. Có những thanh-niên mới 20 hay 30 tuổi, mà lom khom lử khử, mặt xanh nhợt, giọng nói chán nản, tâm-hồn ủy-mị, hoài-ngại tiêu cực...; ngược lại, có những

hạng 40, 45, 60 vẫn khỏe, lanh lẹ, tươi tốt, làm việc huỳnh huých, đến nỗi vẫn nhiều phụ-nữ ưa, và muốn chiều ý quần-chúng, các hãng điện-ảnh vẫn nhờ cạy đóng vai « jeune premier », anh-hùng hảo-hán hay nhân-vật hoạt-động, tình-tứ : Bob Taylor, Clark Gable, Henry Fonda, Gary Cooper, Laurence Olivier... Thử so sánh xem ai già ai trẻ ?

— Được, nhưng nói một cách thiết-thực hơn, ngay về trường-hợp cá-nhân của ông. Tết này ông 45 tuổi. Vậy thì ông trẻ hay già ?

Ông cho biết : cái đó tùy người xét và tùy lúc. Đối với vợ ông, khi nào ông ngoan ngoãn, thì bà vừa nhỏ tóc xâu hột vừa an ủi : mình còn trẻ mà ! nhưng khi bà cáu tiết vì ghen tuông bóng gió chẳng hạn, bà mỉa : « ông tưởng ông còn trẻ lắm đấy a » ? Trước công-chúng, người trên hoặc hơn tuổi, ông nghiêm trang, đạo-mạo từ dung-nhan đến ngôn-ngữ cử-chỉ. Giữa bạn thân, ông buông thả, cười nói ba hoa, giễu cợt, bông lơn, hoặc cáu kính ăm ỉ, chẳng giữ gìn chi cả, nhiều người kêu ông vừa trẻ trung vừa trẻ con.

— Thế còn đối với phái đẹp, nói chung ?

Ông không trả lời, nhưng kể cho nghe một chuyện riêng mới xảy ra nhân dịp ông đi xem hoa chợ Tết vừa rồi : ông để tùy chúng ta xét đoán ; tôi thấy hứng nên liêu khai bút thuật qua bằng văn vần để trêu ông, mong anh kiên tâm chịu đựng.

Văn vần rằng :



TẶNG HOA

Chợ Tết Đồng-Xuân ngấm một người
Làn mi khéo mắt đậm duyên tươi.
Theo chân, du-khách khen hoa đẹp :
Tay ngọc che môi giấu nụ cười.

Vui bước, năm sau tới Ngọc-Hà,
Mưa xuân phơ phất động lòng hoa.
Xem lan lại thấy bông đào cũ :
Giây phút nhìn nhau, bỗng nhớ ra...

Trùng phùng liên-tiếp suốt ba xuân,
Chẳng nói không rằng cũng thấy thân ;
Ước hẹn bao giờ, sao vẫn gặp ?
Xa trông thoáng bóng đã mong gần.



Hai mươi năm lẻ, nước mây trôi,
Giấc mộng tầm-xuân sớm tỉnh rồi,
Chợ Tết trời nam hoa dầu thắm,
Nhớ bàn tay ngọc lúc che môi.

Trắng, đỏ, vàng, xanh, mắt đã mờ,
 Người dâu như thề hiện trong mơ ?
 Vẻ xưa đương độ ngày ba bảy,
 Kẻ chợt dừng chân, kẻ thẩn thờ.

Vẫn chưa từng quen, biết nói chi ?
 Mím cười, bẽn lẽn, vội quay đi,
 Theo nàng ướm giá mai, lan, cúc,
 Hương sắc dò xem kén chọn gì ?

Hồng nhung chớm nở lựa dăm bông,
 Bớt một thêm hai chẳng đẹp lòng.
 Đợi lúc giai-nhân rời gót ngọc,
 Mua thay, nhờ tặng, hứa đền công.

Cảm-thông, người bán hẹn trao liền.
 Hồi hộp trông chờ hiện bóng tiên,
 Chẳng rõ thần-giao hay cách-cảm ?
 Tâm thành khéo động khách Đào-nguyên.

Chốc lát nàng qua, thuận giá hàng,
 Cầm hoa, nghe chuyện, vẻ hoang-mang...
 Mắt xanh ngơ ngác tìm ai đó ?
 Thì hãy yêu hoa, cứ mặc chàng !

Đ. T.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo - Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE

D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON



IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO

"DOREL"

VỀ BÀI THƠ

ĐƯỜNG LUẬT 33 CHỮ

của Tùng-Thiện-Vương

ƯNC-TRÌNH

NGAU-NHIÊN tôi đọc bản Nguyễn-Đình-Chiếu, có phụ lục văn thơ của bà Sương-Nguyệt-Anh, do Ô. Thái-Bạch biên soạn, và do nhà Sống-Mới xuất-bản tại Sài-gòn, năm 1957. Bài đầu là thơ chữ Hán, có phiên âm ra quốc-ngữ, nhan đề : Chinh-phụ thi, tám câu dưới này :

*Đình thảo thành sào, liễu hựu ti.
Chinh-phu hà nhật thị quy kỳ ?
Bán liêm tàn nguyệt thương tâm dạ,
Nhất chấm đề quyền lạc lệ thì.
Tái bác vân trường cô nhận ảnh,
Giang nam xuân tận lão nga mi.
Tạc lai kỳ độ tương tư mộng,
Tằng đáo quán biên tri bất tri.*

Người biên soạn có phê bình rằng :
» Về giá-trị kỹ-thuật, bài này có thể liệt vào địa-vị ngang hàng với bài « Khuê phụ oán » của Tuy-Lý-Vương, nhà thơ trứ danh miền sông Hương núi Ngự ».

Bài Khuê phụ oán :

*Song tương lưỡng liễu đản tiền khe.
Bách trượng du ti cưu mạch tề.
Thiên lý âm thư không ức nhận ;
Bán soang tình tự quyền văn kẻ,
Thất tương cảm tự tài thù ký,
Lục bác châu lêm quyền vị tề.
Nhị thập tứ kiêu, tam ngũ dạ,
Nhất thanh xích-bát vạn hàng đề.*

Ông Thái-Bạch dịch lại thơ rằng :
 Đôi dòng nước chảy đôi ngàn liễn,
 Trăm thức tơ vò chín khúc nhôi.
 Ngàn dặm đường xa tin nhận vắng,
 Nửa canh tình tự tiếng gà oi.
 Bảy trang chữ gấm cùng ai gửi ?
 Sáu bậc rèm châu guôn chửa rồi.
 Nghĩ lại đêm rằm cầu hăm bốn.
 Càng nghe sáo thổi lệ càng rơi.

Vì tôi không muốn đứng vào địa-vị phê-bình, cho nên tôi không nói gì về phần biên dịch của Ô. Thái-Bạch ; tôi chỉ sao lại dưới này nguyên văn bằng chữ Hán, mà Ô. Thái-Bạch đã biên ra quốc-ngữ, trong bản Nguyễn-Đình-Chiếu ; tôi mong tạp chí Bách-Khoa đăng lên, để cho độc giả khỏi sai lầm :

一	二	六	七	半	千	百	雙	春
聲	十	幅	裏	春	里	丈	了	閑
尺	四	珠	錦	情	音	游	雨	
八	橋	簾	字	緒	書	絲	暖	
萬	三	捲	裁	倦	空	九	唱	
行	五	未	難	閒	憶	陌	前	
啼	夜	齊	寄	鷓	雁	西	溪	

Bài này, nhan đề là Xuân khuê (Không phải Khuê-phụ-oán). Hiện có trong quyển nhất, tập thơ Thương-sơn, tức là thơ của Tùng-thiện-vương, (không phải của Tuy-Lý-Vương), làm năm Quý-tị (1833), ngày vương 14 tuổi. (Trong tập thơ Thương-sơn, bài nào làm năm nào, đều có ghi cả).

Nhân đọc bản « Danh-viên », Vương thấy vua nhà Thanh ra đề « Xuân-khuê » cho bạn thi Đình, có hạn 5 vần : Khê, Tây, Kê, Tể, Để ; lại bắt phải dùng vào bài thơ 18 chữ số : Nhất, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục, Thất, Bát, Cửu, Thập, Bách, Thiên, Vạn, Bán, Lương,

Song, Trượng, Xích. Theo Ngự đề, thì trong bài Đường luật 56 chữ, thí-sĩ chỉ được tự-do dùng 33 chữ mà thôi. Vương muốn tự thử sức với người Tàu, mới làm bài ấy.

Sở-dĩ tôi không dịch ra thơ, là vì không thể nào đưa cả 23 chữ đã hạn trong đề, dầu có dịch ra, cũng không hợp cách.

Mới đây, có người trong Nam ra Huế, mong tìm tiểu-sử của Tùng-thiện-vương ; vì tại Sài-gòn có con đường Tùng-thiện-vương, cho nên muốn biết. Tôi đã biên cho đại lược, nay tôi biên lại dưới này, để chứng-minh nguồn gốc bài thơ, mà ông Thái-Bạch đã dẫn vào trong bản Nguyễn-Đình-Chiếu.

Tùng-thiện-vương tiểu-sử :

Sanh ngày 24 tháng 10 năm Kỷ-mão (1819) tại cung Thanh-Hòa, triều Gia-long năm thứ 18.

Ngày « khâm thánh » là ngày nhà-nước làm lễ thượng-lương lâu « Phu-văn », ngay trước Kỳ-đài, là nơi treo bảng vàng những tên đệ đại-khoa, trước khi khắc vào bia đá. Khi làm lễ « Bảo kiến », (con cháu vua, sinh đầy tháng, bà sinh-mẫu mới bồng đến yết vua) Đức Gia-long nhìn cháu và ban : « Chúc cho cháu lớn lên, sẽ giúp đời về văn-hóa ! Rồi vua ban tên là Hiến, nghĩa là sắc mặt trời mới mọc, cũng có nghĩa là văn-hiến.

Năm Quý-tỵ (1823), năm thứ tư triều Minh-mạng, vua bầy phép đặt tên cho Hoàng-gia, người nào cũng mang tên đôi, tên hai chữ. Lúc ấy Triều-đình mới lựa ra 20 chữ, chạm vào một bản sách bằng vàng, năm chữ đầu là : Mân, Hồng, Ưng, Bửu,

Vĩnh. Ông Hoàng-tôn lúc ấy là Hoàng-tử thứ 10, được đổi chữ Hiến ra hai chữ « Mân-Thẩm » ! Chữ Mân là tên chung cho các Hoàng-tử, chữ Thẩm mới là tên riêng. Chữ tên chung, có sẵn trong bản sách vàng, cứ theo thể thứ mà dùng, đến chữ Vĩnh là đời thứ năm ; còn chữ tên riêng, thì do cha mẹ đặt ; như chữ Thẩm là của vua Minh-mạng đặt cho. Song phải có đủ hai chữ mới thành một tên, còn họ là hai chữ Nguyễn-phúc.

Lúc lớn lên, ngoài song danh, còn có tên tự nữa. Sở-dĩ phải có thêm tên « tự », là vì ra với xã-hội, thường dùng tên tự, cho tiện xưng hô. Tên riêng chỉ xưng với vua, với cha, với bậc lớn trong gia-đình ; tự mình còn tùy ý mà đặt hiệu riêng, gọi là biệt hiệu. Như : Thương-sơn, Bạch-hào-tử, đều là hiệu cả ; còn ba chữ « Tùng-thiện-vương » là tước, trên vua xét công-nghiệp mà phong cho.

Tùng - thiện - vương có công trước-tác làm cho nước Việt-Nam nổi tiếng là nước, « văn-hiến » trên cõi Á-Đông. Tùng-thiện-vương trước-tác sách có 14 pho :

1. — Thương-sơn thi tập.
2. — Thương-sơn từ tập.
3. — Thương-sơn thi thoại.
4. — Thương-sơn văn di.
5. — Nạp-bị văn tập.
6. — Độc ngã thư sao.
7. — Lão-sinh thường đàm.
8. — Tịnh-y ký.
9. — Tịnh-ky tập.
10. — Học-giá chí.
11. — Thức-cốc biên.
12. — Nam-cầm phổ.
13. — Lịch-dại thi tuyển.
14. — Thị-kinh diễn nghĩa ca.

Tập thơ Thương-sơn, chưa xuất-bản, thì tại Trung-quốc đã có mấy mươi bản sao, mới xuất-bản tại Việt-Nam năm 1871, bài đầu làm ngày 11 tuổi (1830), nhân ngày trùng-cửu (mồng chín tháng chín) đi chơi trên núi, có câu :

*Phân ảnh phong loan phù tử túy,
Cao thu quật trụ mãn đơn hoàng.
Lục tía non đôi lồng bóng xế,
Đỏ vàng cam quít nhuộm trời thu.*

Năm 1936, Phan-Khôi có đăng trong quyển Chương-dân-thi-thoại, và có làm lời tiểu-dẫn rằng : « Tùng-thiện-vương có tiếng hay chữ nhất, em là Tuy-Lý-vương cũng học rộng và hay thơ. Song nhiều người không phục, cho là thơ nhà nghề, vả lại có nhiều khí-vị vương-tôn, giọng thơ quý-phái, không có ảnh-hưởng gì đến xã-hội, đến công dân. Mặc dầu, tôi đọc thơ Trương-sơn, thấy có bài « Mạ trúc-dao, » làm lời gã bán tre, than khóc nỗi bất công, quan trên mua mà chẳng trả tiền ; thế là tác-giả bênh-vực quyền lợi của dân nghèo, trái với lời phê-bình tôi vừa nhắc đến. » Trong bài ấy, có câu :

*« Ý ta-ta,
Qui khứ lai hề lụy bàng-đa.
Tùng kim nhi hậu vật phạt trúc,
Cơ ngọa trúc gian tử diệt túc.*

Ôi chao-ôi, Đi ra về, nước mắt đầm đìa, Nay còn đốn vác làm chi hề ? Thà chết đói, nằm bên tre ! »

Bài Phù-lưu-tiền hành, cũng có những câu :

*Đại nhân khế phù-lưu,
Nãi tuyết tiểu nhân oan ;
Đại nhân đường trung tiền sách hủ
Tiểu nhân mai gia hoàn mai phụ. »*



Cụ Ưng - rinh trước
đường Tùng-thiện-vương

« Hàn chào, Tô hải, si đồng lưu.
« Hu-ta công hồ thủy dụ trừ,
« Hu-ta công hồ vô dụ trừ.

— Nếu ông cũng sinh vào Trung-quốc
— Tài cao ngang Hàn-Dũ, Tô-Thức,
— Than ôi, đời nay ai sánh vui?
— Tiếc thay! Không có ai sánh nữa!

Lao - Sùng - Quang, Tiễn-sĩ, năm 1849,
làm Sứ-thần sang viếng nước Việt-Nam.
Ngày đến Huế, trực-tiếp với Tùng-thiện-
vương, khách chủ bút đàm, Lao-Sùng-
Quang viết: « Tụng đạo bạch-âu hoàng-diệp
cú, hoà tiêu-sát đại thu hàn. - Đọc đến
câu « Bạch-âu hoàng-diệp, » Lòng nghe ớn
lạnh với hơi thu. »

— Quan trên
xơi phù-lưu,

Dân dưới mới
khỏi tù.

Quan trên trử
tiền lời đã mục.

Dân dưới bán
nhà, bán đến vợ.

Tại Trung-quốc,
tỉnh nào cũng có
người bình-phẩm
thơ Trương - sơn.
Chung - Ưng -
Nguyễn, người
Bắc-kinh, có câu:

« Như c sử
nguyên tinh giảng
Trung-quốc,

Bạch-âu là con âu trắng, hoàng-diệp là
ngọn gió vàng, con âu không có cơ tâm, bề
rộng, trời cao, ở đâu cũng thung-dung tự
thích; còn sinh tử là luật chung của tạo
hóa; thân người như con âu trắng, đời
người như ngọn lá vàng, đọc câu thơ mà
rợn ớn cả người, Lao-Sùng-Quang không
còn dám tự phụ mình là tiễn-sĩ văn-chương
của Trung-quốc nữa.

✽

Năm Canh-ngọ (1870), ngày 30 tháng
3, Tùng-thiện-vương, sau một thời-gian
điều-trị, tự nhận thấy gần phải kết-liệu cuộc
đời, mới gượng viết mấy hàng: « Xin
Hoàng-đế nhớ công sáng-tác, lo nỗi thủ
thành; huyết mạch của dân, xin dùng cho
có ích. Chúng tôi chỉ mong Hoàng-đế
thâu hồi cho hoàn-toàn lãnh-thổ, tiếc không
được thấy lại cửa Rừng. Ký Mân-
Thẩm! »

Sau khi gởi lên vua tờ di-biểu, thì người
đuổi sức, không cầm nổi cây bút, bèn cố
gắng dùng ngón tay-trỏ, viết khống giữa
không 28 chữ dưới này, môn-sinh là
Nguyễn-Trọng-Hợp (sau làm đến Càn-
chính về hưu), ngó theo đầu ngón tay mà
biên:

« Bán sinh học đạo thái hồ-đồ.
Thoát tỷ như kim nãi thức đồ
Tiễn-sáng-đình ba Thiên-mụ nguyệt,
Thủy hương, lâm ảnh hữu nhân vô. »
— Nửa đời học đạo chưa bao ngàn.
Nhắm mắt như nay nẻo mới phân:
Thiên-mụ, Túy-vân, trời với biển,
Bóng non, hương nước, có người
chăng? » —

Tuy-lý-vương than khóc rằng : « Nhất xang huyết lụy tồn Di-biểu, Thiên thủ thanh thi chấn thịnh Nam » *Rưới bầu tâm huyết trên tờ biểu Lưu túi thơ thần lại cõi Nam.*

Vua Tự-đức cũng than : « Nhất đại thi ông thế bất hoàn !!! — Thi ông sao nỡ bỏ đời này !!! »

Vua còn tự chế một bài văn, gọi là « Thần-đạo-bi », chạm vào đá. Bức bia này hiện còn trước tấm Tùng-thiện-vương, tại làng Dương-xuân, quận Hương-thủy, cách Kinh-thành 3 cây số, theo con đường lên Lăng vua Tự-đức, Khiêm-Cung.

Dầu văn-hóa không phải như võ lực, khả-di mở rộng biên cương ; song về phương-diện tinh-thần, thì văn-hóa đủ làm cho các lân bang kính nể. Đọc hết năm xe sách, mong tìm chân-lý, hay là đạo-lý, bất sinh, bất diệt, chẳng vì người giác-ngộ mà có, cũng chẳng vì người mê-muội mà

không ; cái đạo-lý ấy hồn-nhiên, thường ở trước mắt cả mọi người, hễ không nhận thấy là mê, có nhận thấy là ngộ. Tùng-thiện-vương, khi gần tạ thế, dường có nhận thấy thế nào, muốn nói lại với hai bên, mà không còn đủ sức ; mới phải để lại 28 chữ, là một kho di-sản báu hơn vàng ngọc, thế mà đến nay gần một thế-kỷ, chưa có ai biết thừa hưởng cái tinh-hoa học-thức của người.

Vua Tự-đức, sau khi cố tìm hiểu bài « tuyệt-bút-từ », mới viết trong bài Thần-đạo-bi mấy câu này : « Than ôi ! Một người vừa hùng-cường, vừa minh-mẫn, lại đã thâu góp mấy mươi vạn lời nói của thánh hiền, và đã thấy được chỗ huyền-vi bí-mật, trong hương nước, bóng non, đến phút cuối cùng, Tùng-thiện-vương còn tưởng tượng gió Túy-vân, trăng Thiên-mụ nữa. »

Bạn hiền

Khổng-Tử bảo thầy Tử-Lộ rằng :

— Trò Do, ta bảo người, người nên ghi lấy. Dầu có sức của một bậc Quốc-sĩ mà không tự cất nhắc được mình ; đó không phải là sức kém, là do thế không làm được. Ôi, đức hạnh ở trong không tu chỉnh được là tội của mình ; đức hạnh tu chỉnh được, mà danh không nổi bật lên được là tội của bạn. Cho nên người quân tử vào trong thì cố trau giồi đức hạnh, ra ngoài thì chơi với những bạn hiền, như thế có thể nào mà không nổi danh được ?

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

55 VẤN - ĐỀ, CÂU HỎI

được nêu lên hay được gọi ra

NGUYỄN-NGU-Í

VỚI số Kỷ-niệm đệ-tam chu-niên vừa qua, kết-thúc cuộc phỏng-vấn văn-ngệ đầu tiên của tạp-chí « Bách-Khoa », nhưng âm-ba nó vẫn còn... và chưa biết đến chừng nào mới dứt hẳn. Là vì có đến 55 vấn-đề, câu hỏi có vì nó, và cần được giải-quyết, bàn đi xét lại, hay là làm đề-tài cho một, hai cuộc phỏng-vấn khác cũng nên.

Để các bạn dễ bề nhận-định, chúng tôi chia các câu hỏi, các vấn-đề làm 3 loại : *danh - từ, hình - thức, nội - dung*. Danh-từ được 8 câu ; hình-thức : 14 câu ; nội-dung : 33 câu.

Có những câu hỏi, những vấn-đề mà chúng tôi xét là có thể giải-đáp được, thì chúng tôi giải-đáp ngay sau câu hỏi. Xin cảm ơn các bạn đã vui lòng biên thư hoặc đã vui miệng góp ý thêm khiến công việc chúng tôi được dễ-dàng một phần lớn.

Còn những câu hỏi, những vấn-đề chưa thể trả lời một cách ổn-thỏa, hay chưa đủ tài-liệu, yếu-tố, thời-giờ để giải-quyết, thì chúng tôi cũng ghi lại cốt mong các học-

giả, văn-gia, nghệ-sĩ, nhà báo, nhà giáo cùng bạn đọc « Bách-Khoa » — và nhất là các bạn đã nêu lên hay gọi ra vấn-đề, câu hỏi — sốt-sắng tham-gia, hầu các câu hỏi nhờ đó mà được giải-đáp cặn-kẽ, các vấn-đề được bàn, xét châu-đáo, thì đó là một phần thưởng quý-giá cho chúng tôi.

Tin rằng việc làm này sẽ mang lại những kết-quả vừa lý-thú, vừa bổ-ích, nên chúng tôi xin chép lại đầy-đủ các câu hỏi, các vấn-đề, để các bạn có một cái nhìn tổng-quát, khỏi mất công tìm tòi lại.

Cũng xin thưa trước với các bạn : có vài câu hỏi xưa khít nhau, nay tách rời, nên chúng tôi có châm-chước cho được rõ nghĩa ; cũng có câu vốn có trong bài gửi tới, nhưng vì lý-do kỹ-thuật, không có trong bài đăng, song tự nó, nó đầy-đủ ý-nghĩa và đáng được nêu lên.

Giờ, xin mời các bạn cùng chúng tôi xem lại 55 câu hỏi, vấn-đề, và xin đợi chờ từ giờ ý-kiến các bạn.

A. — DANH-TỪ

1 - / *Truyện cổ tích ghi lại hay kể theo dân-gian có thể xem là truyện ngắn hay không ? (Bách-Khoa 59)*

— « Truyện cổ - tích không phải là truyện ngắn, vì đó là một mẫu chuyện được truyền miệng, không có tác-giả chính danh. Một truyện được gọi là truyện ngắn phải có tác-giả và nguyên - văn của người ấy trước tác đăng hoàng. (Ý - kiến bạn N.V.T., Vĩnh-Long).

Chúng tôi cũng đã có ý kiến trong lời chú số 1 ở bài trả lời của Thiếu-Sơn (B.K. số 59). Ngoài điều kiện : có tác-giả, chúng tôi còn thêm : phần sáng-tác, nên truyện cổ-tích ghi lại một cách trung-thành (như Nguyễn-Văn-Ngọc trong « *Truyện cổ nước Nam* ») không phải là truyện ngắn, mà tô-diểm thêm, sắp đặt lại, hay chỉ mượn khung cảnh xưa nhân-vật cổ mà lồng ý mới, tình nay..., như Khái-Hưng : *Cây tre trăm đốt*, Lưu-Bình-Dương-Lễ, Phạm-Duy-Khiêm : « *Légendes des terres sereines* », Vũ-Khắc-Khoan : *Thần tháp Rùa*, Doãn-Quốc-Sĩ : *Sợ lửa...*, như Lâm-Ngũ-Đường trong tập « *Những truyện ngắn hay của Trung - Hoa* » — nghĩa là có sáng-tác ít nhiều — thì mới gọi là truyện ngắn.

2 - / *Một mẫu truyện rút ra ở một bộ truyện hay một cuốn tiểu-thuyết có thể xem là truyện ngắn ? (B.K. 59)*

— Đó là một phần của bộ truyện, hay một đoạn của cuốn tiểu-thuyết, chứ không phải một truyện ngắn... Một truyện ngắn phải tự nó đầy đủ ý-nghĩa và đứng độc-lập.

Một anh bạn ở sở Bưu-diện trung-ương nhắc chúng tôi « lưu ý đến những đoạn rút ra ở các truyện dài của bộ trường

giang tiểu-thuyết « Xóm cầu Mới » của Nhất-Linh, đăng ở « Văn-hóa Ngày nay », những đoạn tự nó đầy đủ ý-nghĩa và được mệnh danh là « *truyện ngắn đăng hoàng* ». Khiến chúng tôi nhớ lại lời chú sau đây của chúng tôi trong Bách-Khoa, số 59 :

« Chúng tôi không đồng ý với ông Thiếu-Sơn : chúng tôi nghĩ một truyện ngắn « tự nó đầy đủ ý-nghĩa và đứng một mình. « Những mẫu truyện trong « Đông-Châu « liệt-quốc » dù sao cũng là một phần của « toàn bộ cuốn truyện này, chúng ăn dính « với nhau không ít thì nhiều. Chúng có « thể có những tính cách của truyện ngắn « mà không phải là truyện ngắn. Còn « nhớ lắm bạn văn từng tỏ ý khó chịu « sau khi đọc các « truyện ngắn » của « Nhất-Linh đăng trong « Văn-hóa Ngày « nay » : « *Bắn vịt trời. Một buổi sáng, « Đi mua tôm, Lòng mẹ, Cúng rơm, « Búng ruồi, Bao giờ em về...* », vì họ « cảm thấy đó là những đoạn trích ở các « tiểu-thuyết « Nhà mẹ Lê, Cậu Ấm... » « trong bộ trường - giang tiểu - thuyết « *Xóm cầu Mới*.

« Họ đã khó chịu vì có cảm giác « bị » « chủ nhà lấy một món ăn trong một cỗ « bàn thịnh-soạn để mà đãi họ gọi là... »

Đành rằng tác-giả có ghi : *truyện ngắn*, chứ chẳng phải : *trích truyện dài...*, trong bộ trường giang tiểu-thuyết « *Xóm cầu Mới* », song người đọc nào có xem « Văn-hóa Ngày nay » — từ số đầu, — chú-ý một chút là biết ngay rằng đó là những đoạn rút ra ở các truyện dài mà tác-giả đã giới-thiệu trong phần đầu bộ trường-giang tiểu-thuyết này. Và chính vì biết thế, mà các bạn trên đây và chúng tôi hơi khó chịu: chẳng hiểu trước « truyện ngắn » này đã có những chi, chẳng

võ sau « truyện ngắn » này, sẽ có những gì... Cả sau này, trong truyện « Hồn dôi » đăng ở « Tân-phong », tập 3, tác-giả dù có đổi tên các nhân vật mà người đã theo dõi Nhất-Linh từ « Văn-hóa Ngày nay » sẽ ra mắt không phải khó-nhọc lắm mới đoán ra rằng đó là một đoạn của « Xóm cầu Mối ». Và chút khó chịu xưa lại muốn tăng. Giả-sử như Nhất-Linh ghi: *trích ở... « ... »*, trong « Xóm cầu Mối » thì chắc là không ai khó chịu cả.

Nói thế, chẳng biết một số bạn và chúng tôi có đoán sai và có khó tính chẳng ?

3 - / « Tóc chị Hoài » của Nguyễn-Tuân là truyện ngắn hay tùy bút ? Hai lối văn này khác nhau như thế nào ? (B.K. 59)

— Các bạn góp ý đều cho « Tóc chị Hoài » là một thiên tùy-bút. *Tùy-bút* : viết theo cảm hứng, không cốt truyện rõ-ràng, thiên về cảm, nghĩ hơn là kể, tả. Chúng ta có thể bảo là một lối viết... « theo dòng ». Cũng có người gọi là *bút-kí*.

Nhưng ranh-giới giữa hai lối văn thật là... mập mờ ; phân biệt hẳn là một việc tế-nhị. Có những tùy-bút có thể là truyện ngắn, nhưng phải « có truyện » mới có thể vừa là tùy-bút vừa là truyện ngắn.

Tiếc rằng về quyển « Tóc chị Hoài », chúng tôi tìm chưa ra, để xem dưới nhan, tác-giả có ghi hai chữ « tùy-bút » chẳng. Nguyễn-Tuân chuyên viết lối văn này và có 2 quyển mang tên *Tùy bút* (I : 1941, II : 1942, Cộng-lực xuất-bản, Hà-nội).

Anh Cô-Liêu có cho chúng tôi biết quyển « La chute » của Camus, ghi là *récit* (truyện-kể), nhưng lối viết của tác-giả trong quyển này rất giống lối viết của Nguyễn-Tuân trong 2 tập « Tùy-bút ».

4.— « Kĩ-sư của tâm-hồn », *thành-ngữ này dùng để chỉ nhà văn, các bạn có cho là xác-đáng không ?* (B.K. 63)

— Anh chị em nhà giáo cũng có những người cho mình là « kĩ-sư của tâm-hồn » nữa. Thật là rắc-rối ! Xin chờ ý-kiến các bạn, nhất là của ông Thẩm-Thệ-Hà.

5.— *Các bạn có đồng-ý hẳn với ông Lưu-Nghi về định-nghĩa các danh-từ : thể văn, loại văn và lối văn ?*

— Xin nhắc lại :

- **Thể văn** : có hai thể văn là văn vắn và văn xuôi. Vì văn vắn và văn xuôi có hai hình-thể (nếu có thể nói như vậy) khác biệt nhau ; nên gọi là *thể văn*.

- **Loại văn** : dù trong văn vắn hay văn xuôi, đều có thể miêu-tả, phê-bình (rất ít trong văn vắn, nhưng văn có), thuật-sự, đàm-thoại (kịch thơ chẳng hạn), nên có thể gọi là *loại văn* Miêu-tả, Thuật-sự, Phê-bình, Đàm-thoại, v.v.

- **Lối văn** : muốn miêu-tả, thuật-sự..., có thể viết nhiều cách, nhiều lối khác nhau : bằng lối truyện ngắn, tùy-bút, tạp-văn, bút-ký, v.v. Nên có thể gọi là *lối văn* Truyện ngắn, Tùy-bút, Tạp-văn, v.v. (B.K. 66)

— Chúng tôi thấy phân-biệt rành-rọt thế là điều rất nên, song đúng hẳn hay không, thì xin nhờ các bạn góp ý.

6.— *Tản-Đà ghi dưới truyện « Thề Non Nước » hai chữ : thuyết - văn. Trước, nhà văn Vũ - Ngọc - Phan bảo là « truyện ngắn », nay nhà thơ Đông-Hồ cũng bảo thế, nhưng nhà phê-bình Lê-Thanh, nhà xuất-bản Hương-Sơn, cho là « tiểu-thuyết », và mới đây một nhà giáo trong một cuốn văn-tuyển gọi là « tiểu-thuyết nhỏ ».*

Vậy « Thề Non Nước » thuộc lối văn nào ? (B.K. 67)

— Bạn L.Đ. ở Hậu-Giang đoán rằng : thuyết-văn là danh-từ do Tản-Đà đặt ra, có lẽ có nghĩa là : bài văn có ý nêu một thuyết gì đó...

Các bạn góp ý đều cho « Thề non nước » là truyện ngắn, chứ không phải là tiểu-thuyết, dù là tiểu-thuyết nhỏ hay tiểu-thuyết ngắn.

II. — HÌNH-THỨC

1. — Có nên dịch ra tiếng Việt tên tác-phẩm, truyện, bài thơ, tờ báo (nếu đó chẳng phải là danh-từ riêng) để cho mọi người Việt đều hiểu chăng ? (B.K. 59).

— Nền. Có bạn lại cho rằng phải dịch-âm các danh-từ riêng ngoại-quốc theo cách đọc người các nước ấy, và tán thành việc bạn Trần-Văn-Khê phiên-âm các nhân-danh, địa-danh trong các bài của bạn ; bạn có nêu trường-hợp tên nhạc-sĩ Đức *Beethoven* ; bạn theo tự-điển nhỏ Larousse, đọc *Be-Tô-Ven*, một nhạc-sĩ danh tiếng bảo phải đọc là *Bi-Tô-V'*, đến nay nhờ bạn Trần-Văn-Khê trong bài « Nhạc-sĩ Beethoven và giao hưởng khúc số 9 », mới rõ là đọc : *Bết-Hô-Fản* mới đúng âm quê-hương của nhạc-sĩ.

2. — Có phải truyện ngắn « Sống chết mặc bây ! » của Phạm-Duy-Tồn mở một kỷ-nguyên mới cho lối văn gọn-gàng, tươi-sáng và linh-hoạt trong văn-chương hiện-tại ? (B.K. 60).

— Phần nhiều các bạn đồng ý ở điểm truyện « Sống chết mặc bây ! » của Phạm-Duy-Tồn : văn gọn-gàng, tươi-sáng, linh-hoạt, mà trước đó, chưa có ai viết được như ông, song lại bắt đoạn : « mở một

Lời người phụ-trách cuộc phỏng-vấn

Phần đông chúng ta được thưởng thức truyện « *Sống chết mặc bây !* » qua bản in trong « Quốc văn trích diễm » của Dương-Quảng-Hàm, mà bản này có bỏ một đoạn ngắn. Tạp chí « Nam phong » giờ đã khó kiếm, mà truyện này lại đăng vào số 18, năm 1918, lại càng khó kiếm hơn. Nên chúng tôi xin đăng lại đây đoạn bị bỏ ấy (in chữ xiên).

« Trên sập, mới kê ở gian giữa, có một mình Quan phụ mẫu, uy nghi chễm chện ngồi Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho một tên người nhà quỳ ở dưới dắt mã gài. Một tên lính lệ đứng bên, cầm cái quạt lông, chốc chốc sẽ phẩy. Tên nữa đứng khoanh tay, chực hầu diển dóm. Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát gessen hấp đường phèn để trong khay khảm, khói bay nghi ngút ; trap dôi mỗi chữ nhật để mỡ, trong ngăn, bạc đầy những trầu vàng, cau dậu, rễ tía, hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuôi ngà, nào ống vôi chạm, ngoáy tai, vi thuốc, quần bút, lăm bông, trông mà thích mắt. Chung quanh sập, bắc bốn ghế mây, bát đầu từ phía hữu Quan, thì có thầy Đe, rồi (...) »

Đối chiếu với bản đăng trong « Quốc văn trích diễm », nguyên bản còn có dòng chữ :

Làm ngày tháng Juillet 1918

ở trên tên tác-giả và nhan truyện có dấu kêu (!) ở sau, và không có bốn chữ « Tả chân tiểu thuyết » ghi ở dưới.



Truyện « *Sống chết mặc bây !* » này và tác-giả nó lại được ông chủ bút « Nam-phong » đặc biệt giới thiệu. Chúng tôi xin đăng lại để làm một tài liệu văn học và cổ... lịch sử nữa. Vì chính Thượng-Chi cầm bút kia đã cùng ai tức giận, thống mạ kẻ « chễm chện » vô nhân nọ lại trở thành — 15 năm sau — một kẻ

kỷ-nguyên mới », với lý lẽ : mở gọi ý có lớp người tiếp-tục, còn đây chỉ là một việc rời rạc.

Tiện đây, chúng tôi xin công bố hai đoạn văn ngắn sau đây, một của Phạm-Duy-Tồn, một của Phạm-Quỳnh, mong rằng chúng sẽ giúp phần nào cho các bạn vốn thích truyện ngắn « Sống chết mặc bay ! » và tìm hiểu con người Phạm-Quỳnh.

3.— *Phải chăng truyện ngắn phải là một nghệ-phẩm trước đã. Và bất cứ văn, thi-phẩm nào cũng vậy.* (B.K. 61).

— Đã gọi là một tác-phẩm nghệ-thuật, thì điều-kiện phải có trước tiên là phải có nghệ-thuật trước đã. Các bạn góp ý với chúng tôi đều chung một ý-kiến này. Song cái « nghệ-thuật » ấy nó ra sao, nó phải thế nào, thì chẳng bạn nào đề-cập đến. Phải chăng vì mỗi chúng ta có một quan-niệm nghệ-thuật riêng ?

4.— *Khi trình một đoạn văn ngoại-quốc, tường nên dịch ra tiếng Việt : để cho độc-giả chỉ biết tiếng nước nhà được biết, và cũng để cho độc-giả biết ngoại-ngữ ấy hiểu mình đã hiểu đoạn văn ấy thế nào. Phải chăng đây chẳng những là một bổn-phận đối với người đọc mà cũng là một bổn-phận đối với chính mình?* (B.K. 61)

— Dịch ra tiếng nước nhà, là một điều cần, còn chép lại nguyên-văn, thì tùy trường-hợp. Nếu xét câu văn hay đoạn văn ấy không mấy quan-trọng, thì người viết có thể bỏ qua, cũng như trường-hợp dân những thơ, văn của Đức, của Nga, của Ba-Tư, của Ai-Cập..., vì người nước ta có mấy ai biết chữ các nước này, thì e ta lại bị độc-giả cho là ta muốn loè

thiên-hạ và gán cho ta hai tiếng « lỗ-bịch » cũng nên.

7.— *Chuyện và truyện, chuyện ngắn và truyện ngắn, chuyện cổ-tích và truyện cổ-tích, từ xưa đến nay, trên báo-chí cũng như trong sách vở, viết thường không nhất-trí ; mà các tự-điển tuy có định-nghĩa đầy, nhưng chưa căn-kề, rành-rọt. Mong các bạn góp ý để chúng ta rồi sẽ phân biệt dứt khoát thế nào là chuyện, thế nào là truyện.* (B.K. 72)

— Ta nói với nhau bằng lời, là **chuyện** : nói chuyện, bàn chuyện, thuật chuyện, câu chuyện, chuyện đời xưa kể lại...

Nhưng khi ta viết lại bằng chữ, thì là **truyện** : truyện ngắn, truyện dài, tân-truyện, kinh-truyện, truyện Tàu, truyện Kiều...

Ví-dụ : 1.— « Ông già bà cả kể cho con cháu nghe những chuyện cổ-tích ; Trương-Vĩnh-Ký, Huỳnh-Tĩnh-Cửa, Nguyễn-Văn-Ngọc góp nhặt lại, viết thành những quyển « Truyện đời xưa, Truyện cổ nước Nam... »

2.— Trong bộ truyện Thủy-Hử, có chuyện Tống-Giang xuýt bỏ mạng vì cô vợ bé là ngộ-nghĩnh nhất ». Xin chờ sự định-doạt của anh Lê - Ngọc - Trục, tác-giả quyển « Việt-ngữ chánh-tả tự-vị ». Trong khi chờ đợi, xin đưa ra một ví-dụ này, trích ở « Lời đưa duyên » của Xuân-Diệu, trong tập « Phấn thông vàng » : — « *Truyện ư ? Một ít truyện ở ngoài cũng đủ gọi lên trăm chuyện trong cõi sống bên trong. Tâm - hồn người có biết bao là chuyện !* » Chúng tôi còn thấy danh-từ *truyện-kể*, dịch tiếng « récit » của Pháp. Ta có thể nào định - nghĩa : « truyện - kể là một lối truyện ngắn viết như... người ta kể chuyện ? »

« chêm chện » như ai, khi cái mũ cánh chuồn nằm chêm chện trên đầu. Các bạn có thể nghe một nhân chứng đáng tin : ông Thiều-Sơn, trong hồi ký « Một đời người », thuật lại hai cuộc gặp gỡ với Phạm-Quỳnh làm báo và Phạm-Quỳnh làm quan, trong báo « Phổ-thông » số 10, ngày 30-4-1959).

Qua lời giới thiệu nồng nàn này, ví phỏng giờ đây, phỏng-vấn viên có « tài » tiếp xúc được với họ Phạm, thì hẳn được họ Phạm cho là truyện ngắn Việt này « treo giải nhất, có nhường chi ai ».

« Trong học giới báo giới ta, chắc ai cũng đã biết tên ông Phạm - Duy - Tồn. Ông là một người rất nhiệt thành với văn quốc-ngữ, và đã biệt lập ra một lối văn riêng lấy sự tả chân làm cốt. Mỗi bài văn của ông như một tấm ảnh phản chiếu cái chân tướng như hệt.

Ông tin rằng phàm văn-chương đã tả được hết cái cảnh thực, là tự khắc có cái sức cảm-dộng vô cùng, không cần phải nghị-luận xa xôi.

Văn-chương ta xưa nay thường lấy sự mập mờ phảng phất làm hay, càng phiêu diêu bao nhiêu càng huyền diệu bấy nhiêu, nên ít dụng lối tả thực, coi là tầm thường. Nay xét ra văn-học họa-học của Thái-Tây, phần-nhiều lại trọng lối tả thực hơn là lối phá bút. Quốc-văn ta sau này tất chịu ảnh-hưởng văn Tây nhiều, lối tả thực rồi tất mỗi ngày một thịnh hành. Như bài văn ông Phạm-Duy-Tồn sau này cũng khá gọi là một bài tả thực tuyệt khéo : đối hai cái cảnh trái ngược nhau, như bày hai bức tranh trước mặt người ta, mà tự khắc nảy ra một cái cảm giác, một cái tư-tưởng tự người đọc biết, không cần phải diễn giải ra, là cái cảm giác tức giận, cái tư-tưởng thống mạ kẻ « chêm chện » này không biết thương lũ « lấm láp » kia. Văn tả thực mà được như vậy cũng đã khéo thay. Bản báo đăng bài này mà có lời khen ông Phạm-Duy-Tồn đã có công với quốc-văn ».

PHẠM-QUỲNH

(Nam-Phong, số 18, tháng 12-1958)

8.— Xin nêu lên một văn-đề danh-từ ở bên lề cuộc phong - vấn : Bình - Nguyên-Lộc từ 1943 đã cùng một nhóm văn-ngệ-sĩ Bắc, Trung, Nam chấp nhận lấy tiếng tân-truyện để dịch tiếng « nouvelle » và cho truyện ngắn (conte) khác tân-truyện ở chỗ : truyện ngắn có mở, có kết, có đầu có đuôi, còn tân-truyện như một « lát đời ».

Ý-kiến các bạn như thế nào ? Và riêng về chúng ta, có cần phân - biệt hai lối văn như Âu, Mỹ, hay như ông Bình-Nguyên-Lộc định - nghĩa, hay ta chỉ dùng một tiếng « truyện » để gọi cả « conte » và « nouvelle » ? (B.K. 61)

Tiện đây xin ghi một nghi-vấn nhỏ về người và lúc khai-sanh tiếng « tân-truyện » : ông Bình-Nguyên-Lộc cho là người khai-sanh nó là Bằng-Vân (nay đã mất), vào năm 1943, còn báo « Đại-chúng » (số 1, ngày 18-9-1959) cho người « cha đẻ hai tiếng tân-truyện trong Văn-học Việt-Nam » là ông Quốc-An, vào năm 1947.

— Chúng tôi có nhận được vài ý-kiến của bạn đọc, nhưng còn mong được thêm. Hiện chúng tôi đang tham-khảo thêm tài-liệu để rồi viết hẳn một bài về danh-từ và văn-đề « tân-truyện » này.

5— Các bạn có đồng-ý với ông Thanh-Lãng mà cho rằng tất cả các truyện ngắn của ta — trừ « Vang bóng một thời » của Nguyễn-Tuân — đều « nhiều ít mô-phỏng của Tây, ít phác-họa được cá-tính Việt-Nam ? (B.K. 62).

— Chẳng rõ ông Thanh - Lãng hiểu « mô-phỏng của Tây » là sao ? Nếu ông bảo đó là phần hình thức, thì đó là sự đã đành. Còn nếu ông hiểu đó là nội dung, thì chắc chẳng ai đồng ý với ông. Cũng như, ngoài Nguyễn-Tuân, còn rất nhiều nhà văn đã

phác-họa được cá-tính Việt-Nam: Tô-Hoài, Thạch-Lam ở Bắc, Bùi-Hiển, Phan-Du ở Trung, Lý-văn-Sâm, Bình-Nguyên-Lộc ở Nam, chẳng hạn.

Xin sao lại đây một đoạn thư của bạn N.V.T. ở Vĩnh-Long: « Tôi thấy ô. Thanh-Lãng nói thế là quá đáng và rất tủi cho các nhà văn Việt-Nam, xin ô. T.L. xem kỹ lại các truyện ngắn « Rừng-mắm », « Hồn ma cũ » của Bình-Nguyên-Lộc hoặc « Ngàn sau sông Dịch », « Ngoài mưa lạnh » của Lý-Văn-Sâm, cùng nhiều văn gia khác, ông sẽ thấy nhiều truyện ngắn đã diễn tả thấm-thiết tinh-thần dân-tộc, nếp sống, cùng suy-tưởng đậm-đà các cá tánh của dân-tộc Việt... Không, truyện ngắn Việt không có tánh-chất Tây-phương ngoại trừ một vài trường-hợp nào đó thôi ».

6.— Lý-Văn-Sâm có lời văn hào-hoa phong nhã, Thẩm - Thệ - Hà bảo thế, Thế-Phong ở « Văn - hóa Á - Châu » cũng bảo thế. Nhưng Nguyễn-Khắc-Thiệu mới đây trên tuần-báo « Nhân-loại » lại cho rằng văn Lý-Văn-Sâm (ở Nam) cũng như văn Ngọc-Giao (ở Bắc) du-dương mà trống rỗng.

Các bạn cho ai đúng! (B.K. 63)

— Văn Lý-Văn-Sâm, các bạn góp ý nhận-xét rằng nó trôi chảy, dễ-dãi, có thể không sâu-sắc, còn bảo trống rỗng thì e có phần gắt-gao.

7.— Đọc « Les lettres de mou moulin » của Alphonse Daudet nhuộm đầy màu sắc đất nước của tác-giả, các bạn có cảm như đứng trước những cảnh-trí của non sông xứ sở mình như ông Phan-Ngô? (B.K. 64)

— Vài bạn có bảo chúng tôi: « ông Phan-Ngô nói thế dường như là lẫn-thẩn,

nếu không là ngớ-ngẩn: người ta tả đất nước người ta, sao lại mình cảm đó là đất nước mình? » Chúng tôi cố giải-đáp thử... « Chúng tôi hiểu như thế này: Alphonse Daudet tả miền Provence của ông hay quá, sống quá, làm ông Phan-Ngô liên-tưởng đến xứ Quảng của ông (có lẽ cũng có đôi cảnh, vài việc tương-tợ với cảnh, việc A. Daudet tả, kể) mà eó lẽ từ lâu ông xa cách. Cảnh Provence nắng chói, cảnh Bắc-cực giá băng, cảnh sa-mạc điều-hiu, đó là biệt-tính (régional), nhưng nếu tài nhà văn làm cho người đọc vốn chẳng phải sinh trưởng hay sống những vùng này mà cũng thấy yêu mến chúng, và do đó, mà yêu-mến thêm quê-hương mình qua quê-hương của tác-giả, thế là từ cái biệt-tính (régional), nhà văn đã đạt đến chỗ thông-tính (universel) rồi vậy. » Chẳng biết giải-đáp thế có đúng với ý-nghĩ ông Phan-Ngô chăng?

8.— « ...và Việt-văn đáng đứng vào hàng đầu trên văn-đàn thế-giới ». Lời kết này của tác-giả « Tranh tối tranh sáng » có quá chủ quan và quá lạc-quan chăng? (B.K. 65)

— Các bạn đều cho là tác-giả « Tranh tối tranh sáng » vì quá yêu văn-chương nước nhà mà tỏ ra quá chủ-quan và quá lạc-quan.

9.— Bà Nguyễn-Thị-Vinh cho rằng Thạch-Lam, Nguyễn-Tuân, Tô-Hoài có lời văn gọn-gàng, giản-dị.

Chúng tôi đồng-ý về Thạch-Lam và Tô-Hoài, nhưng chúng tôi lại thấy rằng văn Nguyễn-Tuân thường rườm-rà, cầu-kỹ

(nhưng lắm khi rườm-rà một cách khá đặc-biệt và nhiều lúc cầu-kỳ một cách rất nghệ-thuật).

Xin các bạn cho biết ý-kiến. (B.K. 66)

— Các bạn góp ý đều cùng một ý-kiến với chúng tôi. Có bạn cho văn Nguyễn-Tuân « dài lê-thê như mưa dầm xứ Huế », « Nguyễn-Tuân có cái tật con cà con kê », có bạn bảo « văn Nguyễn-Tuân « rắc rối như đường khu Bàn-Cờ ».

10.— Đồng-Hồ cho nghệ-thuật viết « Thẻ Non Nước » nó rất hấp-dẫn, thì các bạn nghĩ sao? (B.K. 67).

— Ý-kiến này không được các bạn tán-thành, cho là một ý-kiến riêng của Đại-An-Am tiên-sinh. Các bạn chỉ cho thơ « Tản-Đà » là xuất-sắc, còn văn xuôi — luận thuyết cũng như truyện — thì tầm thường.

— Có phải giọng văn, nhân-vật, cảnh-trí trong các tác-phẩm của Doãn-Quốc-Sĩ :

« Sợ lửa U-hoài, Gánh xiếc Dòng sông Định-mệnh, Hồ Thuyền-Dương, Trái cây Đau khổ, Đoàn người hóa khí) » cho ta cái cảm-tưởng được gần-gũi với nếp sống của dân-tộc. (B. K. 68).

— Thiết nghĩ tác-phẩm nào có giá-trị cũng cho ta cái cảm-tưởng nói trên, không ít thì nhiều; tự nhiên là ta dễ bèn các tác-phẩm mà người là người nước khác và cảnh chẳng phải cảnh nước nhà.

— « Kỹ-thuật viết [Nhóm lửa] của Jack London đưa đến cho người đọc một cảm-giác hăng-hái, mặc dù con người trong truyện sau cũng đành thất bại! »

Các bạn có cho ý-kiến này của tác-giã « Người ăn trộm » chứa sự mâu-thuẫn chăng? (B K. 71 — Câu này, số 72 in sót)

— Nói chung, điều này có thể được: có những thành-công làm ta nản lòng, có những thất bại khiến ta hừng chí. Quuyền « Trong một trận bất phân thắng

CẦN GẤP

Chúng tôi cần gấp mấy tập thơ, tuồng thời tiền-chiến sau đây :

- « Kim-Túy tình-từ » của Phạm-Kim-Chi (nhà in Huỳnh-Kim-Danh, Sài-Gòn 1917)
 - « Tuồng Kim-Vân-Kiều » của Trương-Minh-Ký
 - Thơ buông của Lê-Khánh-Đồng (Chân-phương xuất-bản, Hà-Nội, 1928)
 - Hận chiến-trường của Trần-Thanh-Tịnh
 - Tản-Ngọc, Yêu-đương, Con voi già, Tây-Thi, Hận chiến-sĩ, Huyền-Trần công-chúa của Phạm-Huy-Thông
 - Sóng thơ của Thu-Hồng
- và những bài thơ của Trúc-Khanh, Khổng-Dương, Việt-Châu, Tân-Phượng, Phi-Yến (nhà thơ miền Nam, đã qua đời) để làm tài-liệu. Bạn nào còn giữ, xin cho chúng tôi mượn để sao lại — tại chỗ, hay được đem về — chúng tôi rất cảm ơn

B. K.

bại » (En un combat douteux) của John Steinbeck cho ta cảm-giác như « Nhóm lửa ». Nói riêng về truyện « Nhóm lửa », tuy nhân-vật chánh phải chết cồng ở miền băng tuyết, nhưng lòng ham sống của anh ta đến lúc cứng đờ cũng như lòng ham sống của con chó chạy tìm đường về trại đều cho ta cái cảm-giác hăng-hái, yêu sự sống.

13.— Một Nguyễn-Phan-Long (*Made-moiselle Lys, Cannibales par persuasion*), một Phạm-Duy-Khiêm (*Légendes des terres sereines, De Hanoi à La Courtine, La femme de Nam-Xuong...*), một Cung - Giũ-Nguyên (*Volontés d'existence, Le fils de la Baleine...*)... viết văn bằng chữ nước người, ta không nhận họ là những nhà văn Việt. Song còn trường-hợp ông bà ta đã làm thơ, văn, biên-khảo bằng chữ Hán, lúc nước ta chưa có quốc tự chánh-thức? (B. K. 71 — Đoạn này, số 72 in sót).

— Xin chờ ý-kiến bạn đọc bốn phương.

14.— Nghệ-thuật của truyện gồm có: « lối dựng truyện, cách bố-trí, hành-văn và linh-hồn truyện, tức là những chi-tiết nhỏ, những ý nghĩ nhỏ rải-rác trong đó », (định-nghĩa này của Bình-Nguyên-Lộc). Các bạn có đồng-ý chăng? (B.K. 72)

— Lại xin đợi các bạn.



Người phụ-trách cuộc phòng-vấn:

NGUYỄN-NGU-Í

KỶ SAU: 33 vấn - đề, câu hỏi về Nội-dung.

Về dịch-giả « Ông Tự-vị »

đăng ở báo « Ngày nay », nguyên - văn của S. Maugham.

B. K. số 72, trong một chú-thích bài trả lời của anh Bình-Nguyên-Lộc về cuộc phỏng-vấn truyện ngắn hay, chúng tôi có nhờ bạn đọc cho biết: dịch-giả vốn là Thạch-Lam, như anh Bình-Nguyên-Lộc viết, hay là Thế-Lữ, như chúng tôi ngờ? (vì chúng tôi nhớ dường như viết tắt: T.L.).

Thì một bạn đọc ở Tân-An may còn giữ số « Ngày nay » có đăng bản dịch nọ, cho chúng tôi biết rõ:

« Truyện ngắn dịch « ông Tự-vị » đã đăng trong báo « Ngày nay », số 176 ngày thứ bảy 26-8-1939 và có ghi nguyên tên dịch-giả, là Thạch-Lam ».

Vậy xin thưa lại cùng các bạn rõ, và xin cảm ơn lòng sốt-sắng của anh bạn ở Tân-An.

Người phụ-trách cuộc phỏng-vấn

LỜI THANH-MINH

Biệt - hiệu « Lưu - Nguyễn », chúng tôi dùng từ 1943, 1944 ở Sài-gòn, năm 1946 ở Hà-nội và năm 1958 trên báo « Bách-Khoa », biệt - hiệu chung này chỉ để bàn về đôi câu chuyện về nhạc và thơ.

Nay được thấy trên vài tờ báo có bạn văn dùng biệt-hiệu này chuyên bàn về chánh-trị, nên chúng tôi xin tự ý từ nay không dùng biệt - hiệu « Lưu-Nguyễn » nữa, để khỏi có sự trùng biệt-hiệu và hiểu lầm.

L. N.

ĐỊNH LẠI VIỆC PHIÊN-ÂM NHÂN-DANH VÀ ĐỊA-DANH

Trần-Hùng

CHÚNG tôi rất lấy làm thích thú khi được đọc bài « Định lại việc phiên-âm nhân-danh và địa-danh » của tác-giả Đoàn-Đức-Nhân trong Bách-Khoa số 61 ra ngày 15-7-1959. Thích thú vì chúng tôi cũng đồng ý-kiến với tác-giả. Nay chúng tôi cũng xin đan cử một vài ý-kiến đồng-thời đề-nghị cùng các bạn xa gần góp thêm quan - điểm của mình với tác - giả ngõ hầu lưu-ý cơ-quan hữu-trách đến vấn-đề quan-trọng này.

Vấn-đề không những là quan-trọng mà còn cấp thiết vì dở xem các báo hàng ngày hoặc đề ý nghe các chương-trình phát - thanh ta sẽ thấy ngay tình trạng hỗn độn trong việc phiên-âm nhân-danh và địa-danh lúc thì theo Trung-Hoa, lúc thì theo Pháp, lúc thì theo Anh. Sự kiện này gây ra nhiều nỗi khó khăn cho các độc-giả và thính-giả. Chúng tôi còn nhớ

khi mà cuộc khởi-nghĩa Hung-Gia-Lợi còn đang ở thời kỳ nóng hổi, danh tánh của vị Thủ-tướng nước này đã được đài phát-thanh cho phiên-âm lần lượt như sau : « Im-rơ Na-ghi », « Im-rê Na-gi » và « Im-rê Nốt-gờ »... Thực trạng của vấn-đề cho ta thấy việc ấn định một đường lối duy nhất trong việc phiên-âm nhân-danh và địa-danh ngoại-quốc ra tiếng Việt cấp thiết hơn bao giờ hết.

Đọc xong bài « Định lại việc phiên-âm nhân - danh và địa-danh » của ông Đoàn-Đức-Nhân chúng tôi nhận thấy quả tác-giả đã dày công nghiên-cứu mọi khía cạnh của vấn-đề. Chúng tôi hoàn-toàn đồng ý với tác-giả về những khuyết điểm của phương-pháp phiên-âm theo người « Trung-Hoa » và về điều kiện của một phương-pháp hợp-lý phải là phiên-âm thẳng ra tiếng Việt, không qua

một thứ tiếng nào khác làm sai lạc cả nguyên-âm. Tuy nhiên, chúng tôi có một điểm thắc mắc đối với đề-nghị của tác-giả về cách đọc nhân-danh viết bằng chữ Hán. Tác-giả đề-nghị nên ghi theo lối đọc của ta và có thể chưa thêm nguyên-âm.

Tỷ dụ: Tổng thống Tôn-dật-Tiên (San-l-Shian).

Chúng tôi nhận thấy đề nghị này mâu thuẫn với nhận xét trên đây của tác gia về khuyết điểm của lối phiên âm theo người Trung-Hoa. Thực vậy, tác gia có viết: «Chữ Socrate người Trung-Hoa phiên âm là Su-cơ-la-tỉ, nghe ra đã sai nhiều, tới khi mình bắt chước đọc thành Tô-cách-lập-đề thì lại sai quá». Chúng tôi xin đề nghị đề: Tổng thống Xan-l-Sian (1) không thôi, vì khi chúng ta nói Tôn-dật-Tiên, người Trung-Hoa có biết là chúng ta định nói ai đâu. Do đó, chúng tôi cũng không hoàn toàn đồng ý với tác giả về cách phiên âm các địa danh các nước dùng chữ Hán bằng cách viết theo tiếng Việt các địa danh của họ như: Hoành-Tân, Đông-Kinh, Bắc-Kinh, Hán-Thành, Hồ-Bắc v.v. Chúng ta phải công nhận rằng để giải quyết vấn đề, chúng ta gặp một trở ngại lớn. Đó là một số quan trọng địa danh cũng như nhân danh đã được phiên âm theo lối này và được thông dụng. Chúng tôi xin đề nghị 2 giải pháp:

1. Cứ đề nguyên như cũ một số nhân danh và địa danh đã quá thông dụng (Tỷ như Tưởng-giới-Thạch, Luân-Đôn

(1) Trong những trường hợp có thể, chúng ta nên viết theo văn Việt. San-l-Shian có thể viết Xan-l-Sian mà vẫn đọc như vậy, đồng thời rất thuận lợi vì ta dùng toàn văn Việt.

v.v.) và chỉ áp dụng lối phiên âm mới cho những nhân danh và địa danh chưa được phiên âm, hoặc đã được phiên âm nhưng chưa được phổ thông lắm.

2. Áp dụng luôn lối phiên âm mới cho mọi nhân danh và địa danh đã hoặc chưa thông dụng, và để trong hai ngoặc lối phiên âm cũ (nếu có) để mọi người khỏi bối ngỡ lúc đầu. Tỷ dụ: Lăn-Đan (Luân-Đôn).

Vấn-đề phiên-âm nhân danh cũng như địa danh nên được căn cứ vào một tiêu chuẩn duy nhất.

Cùng chung ý kiến với ông Đoàn-Đức-Nhân, đồng thời để góp thêm ý kiến, chúng tôi đề nghị chúng ta nên chọn nguyên-tắc sau đây làm tiêu chuẩn phiên âm duy nhất: Căn cứ vào nguyên âm của bản quốc rồi phiên âm ra tiếng Việt và phiên-âm làm sao (2) để khi ta đọc tới nhân danh hay địa danh của một nước nào đó, người nước đó có thể biết hoặc đoán ngay ra là ta muốn nói đến người nào, nơi nào trong nước họ.

Tiền đây chúng tôi cũng xin đề-cập thêm đến cách đọc các nhân-danh và địa-danh Việt trong các bản tin tức, bài bình-luận v.v. bằng tiếng ngoại quốc (tiếng Anh, Pháp) của đài phát thanh. Chúng tôi đôi khi được nghe thấy Việt-Nam bị đọc là «viết nem», Tự Do là «tu đô», Quang - Trung là «quang t-r-âng». Chúng tôi không được rõ là xướng-ngôn-viên của đài phát thanh về chương-trình trên đây là người ngoại

(2) Đôi khi chúng ta cũng phải dùng những văn mà trong tiếng Việt ta không có Tỷ dụ: Paris sẽ được phiên âm thành Pa-ri tuy rằng trong tiếng Việt ta không có văn «pa».

ĐỊNH LẠI VIỆC THIÊN ÂM

quốc hay người Việt, Nếu là người ngoại quốc thì không nói làm gì vì dầu sao người ngoại quốc cũng vấp ít nhiều khó khăn trong khi đọc tiếng Việt. Nhưng nếu xướng ngôn viên là người Việt thì chúng tôi xin đề nghị là chúng ta nên đọc Việt-Nam là «việt nam» vì chúng tôi không hiểu tại sao người Việt lại có thể đọc Việt-Nam thành «viết nem» được. Những xướng ngôn viên của các đài phát thanh ngoại quốc khi đọc đến nhân danh và địa danh của nước ta

cũng thường cố gắng đọc theo giọng Việt đấy chứ ; nhưng nếu giọng họ có lơ lơ thì đó chỉ là ngoài ý muốn của họ đấy thôi.

Để kết luận, chúng tôi xin lập lại ý kiến xác đáng sau đây của tác-giả Đoàn-Đức-Nhân : « Muốn cải thiện tình trạng này phải có uy thế của một Hàn lâm viện hay Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục »

TRẦN-HÙNG



ĐÍNH CHÍNH

Trong Bách-Khoa số này (75).

Định nghĩa Dân-chủ, Dân chủ đa nguyên nhưng nhất thể, trang 8 :

- Tất cả những tiếng : *phân-biệt* trong đoạn đầu, xin đọc là : *phân liệt*. Thí dụ : *Dân-chủ bị phân liệt*
- Trang 10 cột 1, dòng 9 : ...những chính thể độc tài, những chế độ cường tin đang nổi lên một phong trào phản ứng, xin đọc : *...những chính thể độc tài, những chế độ cường tin, đang nổi lên một phong trào phản ứng*.
- Trang 10, cột 2, dòng 23 : ...dung hòa ấy thể hiện do sự *tái định*, xin đọc là : *...do sự tái định* ; dòng 29 : những ý nguyện *cục bộ*, xin đọc : những ý nguyện *bộ phận*
- Trang 11, cột 2, dòng 28 : rút cuộc chỉ là *chẳng* lo làm sao bảo toàn, xin đọc : rút cuộc chỉ là lo làm sao bảo toàn...

Mong các bạn sửa giùm các lỗi kể trên.

B. K.

- ★ Gây mối hòa-thuận trong một đoàn-thể thường là một công việc khó khăn. Người chỉ-huy phải cố gắng làm sao cho các sở, các khu không đi tới chỗ chia bè, chia phái, và đả-kích lẫn nhau vì bè kia, phái nọ. Dù ở khu-vực nào, người chỉ-huy cũng phải biết cách làm cho mọi người hiểu rằng một quân-đoàn, một xưởng máy hay một quốc-gia đều hợp thành một tập-thể duy-nhất, linh-hoạt và sự xung-đột giữa các cơ-quan với nhau có nghĩa là sự hủy-diệt lẫn nhau vậy. (Maurois)

NGHIÊNG HỒ THU SÓNG

Em vẫn duyên về ngự giấc mơ
Nghiêng hồ thu sóng trọn bài thơ
Em vương nước mắt vào ly rượu
Lòng kẻ giang-hồ buồn ngẩn-ngơ



Vẫn dáng năm xưa nét dịu-hiền
Màu hoa sơ-ngộ vẫn còn nguyên
Vẫn trong bảng-lảng hoàng-hôn gió
Khói sóng sông dài tha-thuốt lên



Gặp gỡ nhau trong phút ảo-huyền
Ngỡ rằng thực tại chợt hàn-huyền
Thu qua và lá vàng run-rẩy
Trăng vẫn từng đêm hiện mái hiên



Người ở đầu sông người cuối sông
Giăng-giăng hồn tử, nỗi mệnh-mông
Trao duyên bướm trắng em còn giữ
Và mãi sầu lên mãi nhớ-nhung

LÁ THƯ CHO VỢ

PHAN-VĂN-TẠO

Saigon, ngày... tháng...

Em,

Chắc em ngạc nhiên lắm khi nhận được thư này, vì vợ chồng ở bên nhau mà lại phải gửi thư cho nhau qua nhà bưu-điện. Và em đoán trước phải có việc gì ghê gớm lắm đây, nên anh đã không nói thẳng với em mà lại viết thư cho em. Anh nói ngay để em an lòng. Chẳng có việc chi ghê gớm cả. Chỉ có một việc là anh muốn gửi cho em một bức thư tình.

Anh không biết trước khi lấy anh, em đã nhận được bao nhiêu bức thư tình. Anh không dám biết thì đúng hơn. Trước hết vì anh kính trọng những sự thầm kín nơi lòng em, tâm-hồn người nào cũng có những chỗ tự-do mà kẻ thân nhất dầu là chồng cũng không có quyền được dòm ngó tới. Sau nữa anh sợ có khi biết, anh lại đâm ra ghen tuông với những bóng mờ quá khứ, chỉ làm khổ em mà cũng chẳng lợi gì cho anh, vì ghen với quá khứ bao giờ cũng nắm phần thua rồi.

Có một điều chắc chắn là từ ngày lấy anh, em không nhận được bức thư tình nào nữa. Tại sao anh lại không viết cho em nhỉ?

Bây giờ anh như là người tình độc-nhất của em thì tại sao anh lại không cho em những phút rung động mà người ta chỉ có khi đọc những bức thư tình?

Em sẽ trả lời anh rằng đời sống hàng ngày của chúng ta là một bức thư tình dài rồi, cần gì đến những thư bằng giấy bằng mực nữa. Đúng

lắm ! khi em mang hết tâm trí sửa soạn cho anh một món ăn ngon, khi anh dán mũi vào cửa kính các tiệm buôn chọn biểu một món quà sinh-nhật, chúng ta đều đã biểu lộ những ý nghĩ mà người nọ dành cho người kia. Nhưng nếu thêm vào những cách tỏ tình đó, chúng ta lại nói lên những ý nghĩ kia, ghi những ý nghĩ đó trên giấy mực thì tình ta lại càng thêm được sắc chút sao ?

Anh đồng ý là có những sự im lặng thật hùng biện, nhưng nếu im lặng đủ hùng biện rồi thì Trời còn cho ta thêm tiếng nói làm chi nữa ?

Thư tình giữa vợ chồng cũng như âm-nhạc giữa một bữa tiệc — không có nhạc tiệc vẫn ngon, nhưng thêm nhạc tiệc càng đậm đà. Vợ chồng ta đại gì mà không dùng tiệc có âm-nhạc ?

Có những ngày đã xa xôi lắm, anh đã viết và đã nhận được thư tình. Số phận những bức thư này thật đáng thương. Chúng là cái gì thành thực thiết tha nhất, thế mà chúng sống ẩn náu như những kẻ có tội. Người viết thì viết lên, kẻ đọc thì đọc trộm. Chúng đi từ người viết đến kẻ đọc qua những quãng đường thật là gian nan, trắc trở, chúng phải len lỏi qua những đồn ải canh gác thật là hiểm nghèo. Chúng được cất dấu trong những hộp ngăn có khóa kỹ và khi sự có mặt của chúng bắt đầu làm bận rộn cho đời sống của một trong hai người thì thường thường chúng được một mối lừa thiêu rụi đến không còn cả vết tích.

Thư tình giữa vợ chồng thoát được cái số phận lẩn lút tối tăm đó. Nhưng có thể có người cho rằng khi việc viết thư này không còn là một bí mật nữa thì nó cũng kém thi vị, kém nồng nàn. Anh không tin hẳn. Trước hết là vì tình vợ chồng tuy công khai mà vẫn kín đáo. Và lại không phải thấy suối cuồn cuộn, sông lững lờ mà bảo rằng sông không nhiều nước bằng suối.

Nói lẩn quẩn loanh quanh mãi mà đọc lại cũng chưa biết mình muốn nói gì. Nhưng không sao, đặc điểm của thư tình là như vậy, không cần đề tài mà cái gì cũng là đề tài.

Hai chúng ta lấy nhau mười lăm năm rồi đó. Chồng thật. Tuổi như chưa hết tuần trăng mật thế mà thằng Tùng đã 14, thằng Lương đã lên 10 và con Bích đã lên 6. Sau chúng còn đứa nào nữa không? Bây giờ chưa biết. Không thì cũng đỡ vất vả mà có cũng càng vui.

Mười lăm năm rồi. Biết bao nhiêu vui, biết bao nhiêu buồn, bao nhiêu chiều chuộng, bao nhiêu giận hờn. Nhưng mỗi một chuyện xảy tới, dù hay dù dở, đều làm cho sự tác hợp của chúng ta thêm khăng khít. Mỗi một ngày đi qua, dù xấu dù tốt, đều mang thêm một chút thống-nhất-tính cho gia-đình, càng ngày hai vợ chồng càng thấy hai người chỉ là một đơn-vị.

Các bạn thường chế giễu anh làm gì cũng hay hỏi vợ. Họ có biết đâu khi hỏi em, là anh chỉ hỏi anh, mà ngay những chuyện mà họ tưởng anh quyết-định một mình, chính đã có một nửa phần em trong đó. Sự thâm nhập giữa hai người đã đến một chỗ thật tinh-vi và không người nào mà lại không là cả người kia cộng lại.

Ngay cả đến những tật xấu cũng thấy cần-thiết cho đời sống chung, vì người nào cũng quen nhận ở người kia những tật xấu đó rồi. Thiếu tật đó thì hình như một xã-hội thiếu phong-tục.

Anh muốn nói hơi dài với em một chút về những tật xấu này. Thực tình khác họ chỉ ca tụng sắc đẹp hay những đức-tính của nhau. Thực tình giữa vợ chồng có thể nói đến tật xấu của nhau mà không hại gì.

Trước hết là những tật mà em thường trách anh. Tật bề bộn đứng đầu. Ngồi đâu thì tàn thuốc lá rụng hết chung quanh, tìm được một cái khăn mùi-xoa thì vứt ra ngoài tủ nữa tá sơ-mi, vẩy nước rồi không khóa vòi lại để cho nước chảy lênh láng khắp nhà, quần áo thay ra không bỏ giặt cút vùi vào một số. Đến nỗi ở nhà hề thấy có cái gì lệch lạc là em đưa mắt về phía anh, nhìn anh với con mắt không còn cho ai chối cãi, hề thấy cái gì bề bộn là chẳng hỏi xem ở tại đâu, em đã kết-luận một cách thật khăng định : « Lại anh rồi » ! Có nhiều lần đúng và cũng có lần sai, nhưng sai anh cũng chẳng cãi làm gì. Được vợ gán cho cái tiếng bề bộn là một cái thú — Không bề bộn cũng chẳng có gì khó lắm, nhưng bề bộn để vợ thu xếp cho có phải thú hơn không. Anh bề bộn chính là để cho em phát huy toàn vẹn cái

tính ngăn nắp của em vậy. Mà hình như trách anh thì trách, song trong thâm tâm em vẫn thích anh bề bộn để em chiều.

Sau đó là tật lười — Em thấy anh hễ đi làm thì thói chể đã về đến nhà là không chịu mó tay vào việc gì hết. Không kèm con học, không cả nói chuyện với vợ, ăn vội ăn vàng, rồi nằm dài ra đọc báo hay lăn ra ngủ. Đâu có phải bản tính anh lười như vậy? Nhưng chính vì về nhà trông thấy em là thấy có thể tin cậy phó thác được hết mọi việc rồi. Bước qua ngưỡng cửa, thấy như đã bước vào vương-quốc của vợ, làm gì cũng có cảm-tưởng như đụng chạm đến thẩm-quyền của vợ. Anh sợ rằng anh mà chăm làm mọi việc ở nhà, chính em sẽ thấy buồn dần dần.

Lại còn bao nhiêu tật khác. Rủ vợ đi đâu, thì giục rồi giục rít, quên hẳn rằng vợ cần phải mát thì giờ sửa sang sắc đẹp. Mời khách về nhà ăn mà chẳng cho vợ hay trước, nhận lời đi ăn cơm khách cả hai vợ chồng mà cũng không hỏi trước vợ xem có đi được không, hình như lúc nào cũng tin chắc rằng mình nghĩ sao thì vợ nghĩ vậy, mình ưng là vợ thuận, mình là vợ, mà vợ là mình.

Cho nên tất cả những tật của anh, gọi là tật xấu, có lẽ hơi khắt khe, muốn công bằng phải gọi là tật yếu vợ.

Bây giờ đến tật của em — Em đừng giạt mình vội, anh không tìm thấ, tật gì nặng quá đâu, hay có nặng thì cũng chưa bằng những tật của anh.

Trước hết là cái tật chiều con — Ai đời con Bích lên 6 rồi mà thỉnh thoảng anh còn bắt gặp nó chui vào bú tí mẹ. Mà không phải chỉ tại nó dẫu. Đôi khi chính em đã gọi nó đến bên em, mà cho phép nó như vậy, hình như em thêm được cho con bú vậy.

Rồi đến cái tật tích trữ — Gạo, vải, than, củi, sà bông, nước mắm, cái gì em cũng tích trữ. Hơi có tin tức gì về giá cả lên xuống là em chạy ra chợ, hối hả mang về chục hộp sữa hay mấy kí đường.

Các nhà buôn dần cơ trông thấy em là đơn đã chào mời và cho em những tin tức sốt dẻo nhất về giá cả. Và một ngày kia nếu có nhà kinh-tế-học nào đó tới phỏng-vấn em để viết luận-án về ảnh-hưởng của những bà nội-trợ trong việc thị-trường xáo-động, anh cũng sẽ không lấy làm ngạc-nhiên.

Mà nào có phải em tích trữ những thứ hữu-dụng đâu. Cả những thứ chỉ có thể đem vứt đi em cũng tích trữ. Chổi cùn, rế rách, mун

vải, mẩu dây, cái ghế đã gãy chân, cái chiếu đã nát bung từng mảnh hề đem quảng đi thì em giữ lại. Đôi khi anh thấy các vật đồ ngạo nghệ nhìn anh như thách đố anh xem có làm vì được chúng không, khi chúng đã được sự bảo-trợ của em.

Nhưng nếu có tật nào của em làm anh sốt ruột nhất chắc phải là tật cả ngày đánh lạc chùm chìa khóa. Không mấy lúc là anh không thấy em lúi húi tìm nó, rồi hỏi chồng có cầm không, rồi hỏi con có nghịch không trong khi em, vắng chính em, đã cất nó ở những chỗ không ai có thể ngờ tới được. Em mở tủ rồi bỏ chìa trong tủ, đóng cửa tủ lại, em để chìa khóa trong túi chiếc áo em thay để giặt, em ra vườn rồi móc chìa khóa lên cành cây tròng cá. Có lúc anh đã ngồi tính trung bình mỗi ngày em mất mười lăm phút tìm chìa khóa. Như vậy trong mười lăm năm vợ chồng ta lấy nhau, em đã bỏ ra nguyên hai tháng vào công việc đó rồi em ạ. Nếu trời mà cho vợ chồng ta sống trong ba mươi năm nữa, thì cái chùm chìa khóa tai ác kia sẽ dành của anh mất đúng nửa năm. Có ai tin được không? Một đời ân ái mỗi phút đều đáng kể, mà bỏ phí tới nửa năm đi tìm chìa khóa.

Nhưng cũng như người mẹ vừa mắng đứa con là hư, mà lại vừa ôm lấy nó hôn lấy hôn để, chúng ta có nói đến tật xấu của nhau cũng chỉ để mượn một cơ mà đối với nhau thêm nồng nàn. Sự mượn cơ này là một điểm rất tế-nhị trong đời sống vợ chồng Á-Đông. Người Âu Tây vô cơ cũng phải hò la inh ỏi rằng họ yêu thương nhau, lấy cái sự ồn ào bên ngoài mà phụ lực cho cái trống trải bên trong. Chúng ta vững vàng bên trong rồi, nên bên ngoài biểu thị tình-cảm một cách thật êm đềm.

Anh viết tới đây thì ở giường bên, em đang trở mình hình như khó ngủ vì ánh đèn của anh — Bàn anh ngồi viết cách giường em nằm không tới một thước, thế mà thư này còn phải đi nhiều chặng đường nữa mới đến tay em. Anh nhìn sang em thấy hình như tuy thư chưa gửi mà em đã biết hết những điều anh viết. Anh mong khi thư tới, anh sẽ không có nhà — Vì nếu anh có mặt lúc em đang đọc thư anh, chắc anh sẽ ngượng lắm.

Chồng em,
Ký tên không rõ
P. V. T.



MÂY TRƯA

Gởi anh Liễu,

Bao nhớ nhung về theo với trưa
Mắt buồn vờn dáng núi xa mờ
Trời xanh phơn phớt qua khung cửa
Từng bóng mây về khơi nhớ xưa



Bướm lượn mơ màng bên mái tranh
Vàng tơ đôi cánh lướt rung rinh
Lời ai ru bé chùng xa vắng
Tuởng một thời xưa vọng chút tình



Cảnh lặng, thời gian đi rất êm
Trưa vàng thêm thiếp giấc cô miên
Tâm tư chợt lắng cơn xao động
Nắng nhẹ nhàng nghiêng bóng trước thềm



Xao xác vườn sau khóm lá reo
Người đi, cây lá nhớ tiêu điều
Thẩn thờ tỉnh giấc trưa đầy mộng
Nghe tiếng ru buồn thấm tịch-liêu.

HUY-TRÂM

CHIẾC ÁO VÓC HỒNG

LIÊN - VĂN

TRÊN chiếc sập gỗ cần, trải chiếu cặp điều, kê giữa gian nhà chính, sát ngay hàng hiên, chủ và khách thù tạc. Các thức ăn bày la-liệt trên mâm đồng chân quỳ chạm rồng. Giữa mâm là một cái bát Long-Am lớn đựng nguyên cái thủ lợn, bốn cái bát chiết yêu đựng bốn chân giò và hơn hai chục đĩa cánh phượng bày một lớp mỏng thịt luộc, lòng, đồ gia vị.

Chủ và khách ngồi đối diện chân xếp vòng tròn. Hai người cũng khổ người như nhau, cao và vạm vỡ, tuổi trạc ba mươi, đầu cũng chít khăn nhiễu tam giang màu tím xẫm. Chủ mắt nhỏ, cằm thót, khách mặt vuông chữ điền, lưỡng quyền cao, mày xếch, miệng rộng, cặp môi hồng, chiếc áo vóc hồng nhiễu lục, cái gươm cán bạc nạm vàng đeo bên cạnh, chuỗi dài, đựng đến chân mâm, thêm tiếng nói sang sảng khiến khách có vẻ oai nghi lắm liệt của những trang anh hùng trong cổ sử.

Bên mâm là cái khay để một cái hồ và hai cái chén. Một tên gia bộc chấp tay đứng hầu trình trọng rót rượu.

Khách nói :

— Qua đây tưởng chỉ xin đại huynh cho tạm trú một đêm đỡ lạnh. Đại huynh lại bày vẽ cho dọn rượu.

— Bẩm tướng quân, tướng quân nhớ đến tình cớ cưu mà quá bộ đến tẻ xá thật là vạn hạnh. Vẫn biết triều đình đại sự là thượng khẩn, nhưng nếu tướng quân lưu lại được ít hôm thì quý hóa biết chừng nào.

Khách liếc mắt nhìn về phía người hầu, uống một hớp rượu cười khà khà mà không đáp. Cái nhìn hình như có mãnh lực khiến người gia bộc chột dạ tái mặt. Chủ nhân hiểu ý ra hiệu cho người này xuống nhà sau.

— Đại huynh nên cẩn thận. Nội cái lối xưng hô của đại huynh cũng khiến cho người ngoài nghe sinh nghi. Tuy các bộ hạ đây cũng chắc là những tay thân tín nhưng lòng phản phúc đến một cách bất ngờ. Ta nên phòng trước là hơn.

Chủ đáp :

— Bẩm tướng quân, đệ cũng đã lo về điểm ấy nên đã đuổi hết người nhà đi sang bên trại từ lúc ngài chưa dậy. Nội nhân cũng đi theo bọn chúng. Nhà chỉ còn tên hầu này ở lại làm lợn. Hẳn là nghĩa tử của đệ.

— Hảo, hảo, thật là mỹ tửu. Đáp lại tấm thanh tình của đại huynh, đệ xin uống thật say.

Cạn xong chén nữa. Khách nhìn chủ nhân và cười ha hả.

Khách chính là Cao - Thắng, Tán-Tương quân vụ, nghĩa quân Phan - Đình-Phùng. Sau khi thất trận ở núi Vạng, sĩ tướng kẻ bị giết, người ẩn núp, tản mác. Chánh-phủ bảo hộ biết rõ Cao-Thắng là tướng tài nên treo giải thưởng cho phó lãnh binh với ba nghìn quan tiền cho ai hoặc bắt hoặc giết được Thắng. Tuy biết mình là miếng mồi ngon của kẻ nhĩ tâm sắp bắt mình để nộp cho Pháp, Thắng vẫn quyết chí từ già núi Vu - Quang đi các nơi để chiêu mộ hào kiệt, tìm kẻ chống Pháp khi đến đầu làng Đậu-Xá thì trời vừa tối. Chợt nhớ ông Cai tổng Hà ở gần đây là đồng tộc, Thắng liền giao ngựa cho hai tên vệ sĩ theo hầu cho chúng về thăm nhà vì Thắng biết chúng cũng quê ở miền này và hẹn sáng mai chờ ở bên sông.

Xóm làng đã yên tĩnh, có lẽ đã hết giờ thân sang giờ dậu. Ông cai tổng Hà, vốn xuất thân nho sĩ, đương ngồi trước án thư xem truyện bông có gia nhân vào thông báo có khách lạ đến thăm.

Ông truyền cho mời vào.

Khách vào đến cửa, cởi áo tơi lá ngoài, dờ nón bước tới vái chào và nói :

— Đại huynh đêm khuya còn xem sách.

Tuy ánh đèn dầu lờ mờ không nhận rõ được diện mạo nhưng nghe giọng nói thì ông biết khách còn trẻ tuổi và ông cũng nhận thấy khách bận cái áo vóc đào, đeo kiếm bạc. Ông Cai tổng lật đặt với cái áo dài bận vội vào mời khách ngồi lên sập. Khách không câu nệ vâng lời ngay.

Sau khi gia bộc pha trà rồi và lui ra, hỏi thăm tên họ thì ông biết khách là đồng tộc và chẳng ai xa lạ là Tán-Tương quân vụ Cao-Thắng. Ông giạt mình nhưng cố làm ra bộ tự nhiên để ngồi hầu chuyện.

Cao-Thắng đến nhà thật là một đại họa. Việc này phát giác ra chẳng những chức chánh tổng mới chạy mất nghìn quan không còn mà có thể mất đầu vì tội tư thông với giặc.

Vốn là tay quyền biến ông không để lo sợ ra mặt. Trái lại trong câu chuyện ông lại tỏ ra rất hăm mộ khí tiết cụ Phan-Đình-Nguyên và cảm phục tài thao lược của Thắng. Đêm đã khuya câu chuyện chưa muốn hết nên khách với chủ nằm cùng giường để kể hết tâm sự cùng nỗi gian lao trận mạc.



Vốn thận trọng, Thắng nằm xuống một lát thì ngáy khò nhưng không ngủ. Chủ nhân đương kể chuyện nhưng không thấy khách trả lời thì cũng nín luôn. Đến nửa đêm chủ nhân ho hen vài cái xoay qua xoay lại vẫn nghe Thắng ngáy đều đều không nhúc nhích. Ông liền xuống giường, bỏ dép đi chân không nhẹ mở cửa ra đi. Thấy điệu bộ khả nghi, Thắng nhẹ như mèo cầm gươm dò theo,

Đến phòng cuối nhà thì Thảng nghe tiếng rí rào. Lắng tai thì rõ tiếng đàn bà và tiếng Hà.

Thảng mỉm cười và thầm trách mình quá tò mò đến nghe trộm chuyện vợ chồng người, sắp quay gót thì thoáng nghe tên mình được nhắc đi nhắc lại mấy lần.

Trong đêm lặng, những tiếng thì thảo không rõ, tiếng được tiếng mất, nhưng sau chốc lát Thảng cũng hiểu vợ chồng Cai tổng tính kể bắt mình để lấy thưởng. Chồng bảo vợ sai người nhà lấy ngựa lên báo Tây đồn Phó Chân và xin xuống mau cho kịp sáng mai.

Vì Thảng có tiếng là tay lỗi lạc, lấy đầu người trong đám ba quân, người vợ khuyên chồng làm heo đái Thảng, phục rượu cho thật say để dễ bắt.

Thảng nói một mình :

— Quân chó chết, chắc chúng nó sắp được gặp ông bà.

Tay chàng cầm chắc cán gươm. Chợt chàng nghĩ trong đêm khuya gian nguy không rõ, một lúc lại giết luôn cả hai vợ chồng chỉ cho người đời dị luận, uy tín của tướng ba quân sẽ bị thương tổn.

Trốn đi là thượng sách nhưng ngựa chưa sẵn có, đêm tối các ngã đường đều có canh gác liệu có thoát được thảng ? Lại nữa quân phản phúc chưa đến tội. Phải tính sao ? Bỗng Thảng mỉm cười và trở về ngủ.

Nằm lại vừa ấm chỗ thì chủ nhân đã nhẹ nhàng trở vô phòng rón rén bước lên giường nằm lại bên cạnh Thảng.

Xa xa tiếng vó ngựa lộp độp phi mau về phía đường lên đồn Pháp.

Thảng ngáy đều đều ngủ một giấc dài đến sáng, thiếp đi thì được chủ nhân mời dậy và mâm cỗ đã đợi sẵn.

Trời đã sáng tỏ, tiệc rượu từ giờ Mão qua giờ Thìn vẫn đương nồng. Cái hồ rượu lớn đã vơi hơn nửa. Phía nhà sau đã có tiếng người qua lại. Thảng chắc là tuần đinh của Cai Tổng đã phục kích để chặn đường.

Thảng nhấp bởi thêm một hợp rồi nói :

— Men rượu tuy nồng nhưng không gắt. Chỉ tiếc sinh vào hồi quốc gia đa sự,

thần phải trả nợ non sông nếu không thì còn gì cho bằng được sống thư nhàn ngày tháng tiêu dao cùng mỹ tửu.

Mỗi người thêm ba chén nữa. Tiếng ngựa hí đã nghe văng vẳng và ngồi trên sập cao chủ nhân và khách đã thoáng thấy sau hàng rào cây, cái nón vàng của viên Tây đồn đi từ từ trên con đường cái tiến về phía cổng trước.

Chủ nhân làm bộ giật mình :

— Chết có lẽ tây.



Khách đáp :

— Tây thật rồi đấy. Nhưng không ngại đại huynh ạ. Tôi cũng chán cái đời giặc cổ muốn nhân cơ hội này có thể đầu thú mà khỏi mang tiếng với Phan - Đình - Nguyên.

Đương vui, Thắng đổi giọng ngậm ngùi :

— Đương là tướng bỗng trở nên tù, tôi nghĩ tui hộ cho chiếc áo vóc đương bận. Đồ quý vật này vào ngồi tù nó phí đi. Hay là đại huynh đổi cho tôi, tôi lấy cái áo trấn thủ của đại huynh, vừa nói, khách vừa cởi áo đưa cho chủ. Chủ thấy áo đẹp hí hửng bằng lòng. Áo đổi xong thì Tây đồn và lính tập vào gần tới ngõ, ngọn lưởi lê trắng toát.

Thắng như không mảy may để ý, nói tiếp :

— Chà cái áo của đại huynh tôi bận vừa quá, áo tôi bác bận phía trước xem cũng

vừa. Bác quay lại tôi xem phía sau vai và lưng có được cân đối không ?

Cai tổng Hà vừa quay mình, thì Thắng vung gươm, đầu Hà đã rơi xuống đất. Thắng cầm đầu vút lên sân nhà, lấy máu thoa mặt mình và cầm hai chân cai tổng vút cái xác ra sân miệng hô to :

— Anh em ơi, tôi chém thành Thắng rồi.

Cái thân nặng nề đến cuối sân ngay chân ngựa của viên Tây đồn vừa bước tới. Nghe tin Thắng chết, tất cả phía sau nhà xô ra phía trước. Mọi người bu quanh cái xác không đầu.

Thắng nhẹ nhàng đi ngó sau ra bờ sông rửa mặt lên ngựa và cùng vệ sĩ phi nước đại về phía rừng lau. Đi đã xa mà chàng vẫn không thấy bóng người đuổi theo. Trong ngọn gió xuôi lảnh tai vẫn chưa nghe thấy tiếng than khóc.

LIÊN-VĂN

Thập - Châm

ĐÍNH CHÁNH

Bạn Trần-Văn-Khê có cho chúng tôi biết trong bản nhạc « Xuân xa quê » đăng số 73, người chép nhạc có ghi sai những lỗi sau đây mong các bạn thêm và sửa giùm :

- 1.) Khúc đầu chỗ sô đôi *double barre* phải có dấu hỏi tổng và thêm 2 chữ *mau vừa*
- 2.) Giữa phách 26 và 27, lời 2 thiếu 2 chữ : *giữ chút* (Trốn gió đồng tôi *giữ chút* mộng đang nồng)
- 3.) Phách 34 lời 1 ánh dương hồng chứ không phải ánh *sương* hồng
- 4.) Phách 49, lời 2 *nhớ quê* *luống thương* chứ không phải *nhớ quê hương thương*
- 5.) Phách 61, sau chữ xuân viết thiếu chữ (ư)



Bách-Khoa số 73, trang 232 cột 1, bài thơ của Huy-Lực (Những mùa xuân) có một đoạn 4 câu sắp lộn chỗ, mong các bạn sửa lại như sau:

*Số điểm thấp cao trên đường về theo gót
Lâm bận trí ngày thơ
Chân non đại nhanh nhanh
Về kịp những bữa cơm cha mẹ đợi chờ...
Xuân mười sáu,*

Xin cáo lỗi cùng độc-giả và mong các bạn sửa giùm hộ.

ĐƯỜNG VỀ CHIỀU...

Lẻ loi quán sác sơ nghèo
Năm nghe lạnh thấm bóng chiều mênh mông
Dậm dài mòn mỏi xa trông
Ai rây vàng nhạt cho lòng ngàn ngo
Chiều rồi, sông rộng đôi bờ
Nước run run chảy, cây hồ hững reo
Dòng trong cuốn cả trời chiều
Ngày thoi thóp thờ... Buồn heo hút buồn...
Khói nhà ai ấm cô thôn
Hàng lau ngơ ngác, con đường bơ vơ
Thoáng run trong gió mơ hồ
Nghe vang âm hưởng bài thơ thuở nào
Chiều dâng ngút từ trời cao
Một tơ nắng cuối lạc vào tâm tư

XUÂN-HIẾN

NGƯỜI ĐẸP

THÔN BÍCH - CẦU

★ MẶC-THU



HÀ - SINH ngụ ở phường Bích-Câu, với Tú - Uyên vốn là bạn đồng-song.

Hà có tài lạ khác người, nói đồng cũng thành thơ châu-ngọc, khắc nhò trên lụa cũng thành tranh tuyết-kỹ. Thời-nhân đều xưng-tụng là «danh-họa Bích-Câu».

Tuy - nhiên, Hà rất ít làm thơ, cũng như rất ít vẽ, chỉ khi nào thật hứng, ngọn bút tài-hoa mới chiu dầm trên tấm lụa.

Nhiều kẻ quyền-quí phong-lưu muốn mua tranh Hà với đủ trăm lạng vàng Hà vẫn một mực khước-từ.

Hà không chuộng cái học cử-nghiệp, sớm chán đường công-danh, thường chỉ áo vải quanh năm ngao-du khắp non cao, biển lớn.

Thuở Trần Tú-Uyên nằm bệnh tương-tư ở Giáng-Kiều, Hà đi chơi xa về, vẫn đem giọng trào-lộng ra chế-giễu chuyện Yêu, Tiên, Hồ, Quỷ.

Kể, từ ngày Tú-Uyên cùng Giăng-Kiều cỡi hạc về non, Hà bắt đầu sinh ra ngẩn-ngơ, trầm-mặc.

Ở xóm Đông có họ gái Dương, tuổi vừa trăng rằm, nhan-dung kiều-mị, Hà vẫn nhớ thăm.

Bên xóm Đoài, có góa-phụ họ Trịnh, mặt hoa diễm-lệ, Hà cũng trộm yêu.

Nếu Hà muốn kết duyên cùng một trong hai người ngọc thì cũng không phải là chuyện khó. Ngặt vì Hà không yêu hẳn một ai trong hai người.

Trái lại, Hà còn ngẩn-ngơ vì nhiều người đẹp khác trong vùng. Khoe mắt cô Hạnh ở thôn Hạnh-Hoa, miệng cười cô Lua ở Xóm Giếng, tấm lưng thon của nàng Vương ở ngõ Đình, thấy đều là những vẽ làm cho con người tài-hoa sớm chiều mê-mẩn.

Hà yêu một người này ở một vẽ, thì lại yêu người kia ở vẽ khác. Vẽ nào cũng làm cho Hà chết mê, chết mệt được.

Hà thường đem những vẽ riêng ấy vẽ phác nên nhiều tấm tranh dang-dỡ.

Một bữa, trông thấy cùng một lúc tất cả những bức phác-họa : cặp mắt dong-dừa, diễm mi dài biếc của nàng Hạnh, đôi môi hồng như

hai cánh đào non của nàng Lua, tấm lưng thon như lá lan của nàng Vương, hai má lúm đồng tiền, phôi-phôi xuân tình của nàng Trịnh, vầng trán thơ ngây e lệ của nàng Dương, Hà chợt nghĩ :

— Thằng cha Tú-Uyên, chỉ vì có tranh gái đẹp mà được vợ tiên, là bởi lòng « thành » của nó. Ta nay cũng « thành » lại có dư tài tạo nên tranh ấy, hiềm gì mà chẳng vẽ ra.

Nghĩ vậy, Hà bèn đóng cửa, tạ khách, một mình trong thảo-lư, đốt nến, mài mực, trải lụa, lui-hui vẽ.

Hà trút cả lòng thành từ máu tim ra gân tay.

Mỗi nét bút rơi trên lụa đều đề hiện lên những vẽ đẹp Hà thường ước-nguyện.

Hà đem tất cả những vẽ đẹp riêng của từng nàng Vương, Dương, Trịnh, Hạnh, Lua tụ-hội về một chỗ, tạo nên một giai-nhân tuyệt-sắc, mười phần toàn-vẹn, nghiêng nước, nghiêng thành.

Vẽ dứt, Hà cũng giặt mình, ném bút, sững-sờ như đã tìm thấy người suốt đời Hà tìm kiếm, mong đợi.

Cô gái trong tranh như sống thực, miệng chum-chím hoa, khoe mắt rợn tình, lưng thon uyển-chuyển...

Hà đem treo tranh trên vách.

Từ đây đốt trầm suốt ngày đêm. Mỗi bữa cơm đều có bát dưa tinh-sạch trịnh-trọng để trước tranh ăn-cần mời-mọc, nhất thiết coi như sống thực.

Một đêm, trời đã sang canh từ lâu, Hà còn ngồi đọc sách trước án. Ngọn bạch-lạp cháy gần hết nửa, run-rẩy trước khí lạnh của đêm thâu. Hoa Dạ-Lý-Hương thoảng bốc hương thơm từ ngoài vườn đưa vào phòng như có mang theo cả hương-thơm da-thịt của người đàn-bà nào...

Hà thấy lưng-lững có vật xiêm lay-dộng trước sách, ngẩng lên thì thấy một gái tuyệt-sắc — đích thị là gái đẹp trong tranh — hiện lên trước mặt.

Hà mừng rỡ, khôn suy nghĩ, vội nắm tay kéo nàng ngã xuống lòng, mon-man dò hỏi.

Nàng che miệng cười mà nói :

— Đã tự tay và lòng dựng nên, lựa còn phải hỏi ! Thiếp vốn không có tên họ nhất-định. Trong năm người đẹp chàng thường tơ-tưởng, gọi tên nào cũng được.

Hà nhìn lên bức tranh trên vách, chỉ còn thấy tấm lụa lạnh-lẻo trắng tinh, thì biết «mộng» đã thành «thực».

Trò-chuyện chưa trọn khắc, Hà nài người đẹp vào cuộc vui.

Nàng không chối, cùng Hà sánh vai vào màn.

Lần tay xuống phía dưới.

Hà giật mình ngỡ là đuôi chồn, bắt-giác mặt ngay đơ, mặt hửng.

Giai-nhân biết ý, nhoẻn miệng cười, bảo Hà :

— Anh chàng này vo-vắn ! Nào hồ đâu, yêu đâu nào !

Hà nhìn lại thì chỉ thấy ngàn lau phơ-phất, sóng liễu diu-hiu thì cả thẹn, bèn ôm nàng mà tạ lỗi.

Giữa cuộc mây-mưa, Hà bắt gặp một nỗi thất-vọng vì người đẹp nguyên-rước của Hà cũng chẳng khác chi những gái khác trong vùng.

Sáng dậy, người đẹp đã biến đâu mất. Trên giường chỉ còn lại đồng gối chăn xô-lệch.

Hà nhìn lên tranh thì bức tranh vẫn còn nguyên nét vẽ cũ. Những nét vẽ mà bây giờ Hà thấy đã trở nên kéch-cớm, vô-vị : khoé mắt thì dĩ-thỏa, miệng cười thì vô-duyên, tấm lưng thì thô-xấu...

Hà mệt mỏi, bơ-phờ, tự-nghĩ :

— Thi ra người đẹp toàn vẹn là người đẹp không bao giờ có cả. Cũng như chân-lý tuyệt-đối là cái theo đuổi không cùng...

Từ đó, Hà càng ít làm thơ hơn, càng ít vẽ hơn. Nhưng đã làm thì thấy đạt hơn trước gấp bội.

MẶC-THU (1960)

VỀ

Nắng nhạt hoàng hôn rặng
Tối về trong nắng hoe
Lúa vàng ngan ngát ướp
Nhè nhẹ lắng tai nghe...

Tiếng rì rào sóng lúa
Tiếng kéo kệt vông hề
Chiều nay về quê cũ
Hìn hắt quện bờ tre...

Sáu năm rồi cách biệt
Mộng đời chưa trọn mộng,
Ngày đi ai tha thiết,
Ngày về ai đợi trông...

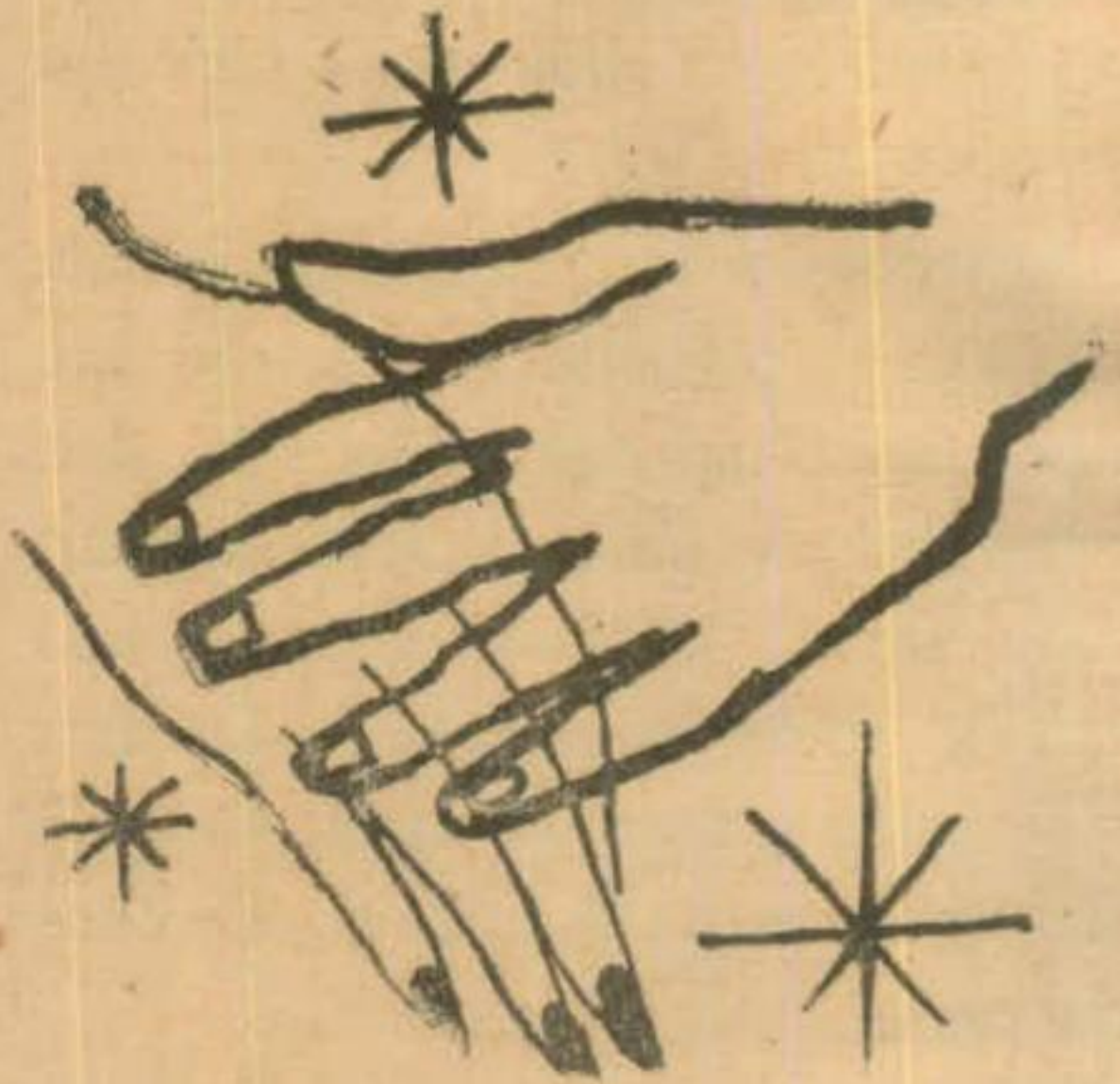
Đêm nao bên quán hẹp
Ta nhìn mưa rơi mau
Đời nghèo nhưng vẫn đẹp
Vì ta còn bên nhau!

Nhưng nay đã hết rồi...
Bạn về đâu xa xôi
Hàng cây rû bóng lạng
Chiều vương nắng cuối đời...

Tôi đi trong hoàng hôn
Bước đi lạc mộng hồn
Xa nhau từ dạo ấy...
Đường vắng — chiều có thôn!

Ngày mai không hẹn ước!
Thơ ngây tuổi chẳng còn
Đường đời nhiều ô trọc
Tìm đâu nghĩa vẹn tròn?

Chiều nay gió lộng nhiều
Nghe lòng tràn quạnh hìn
Gặp gỡ ngày mai nhé!
Sẽ nói trọn bao điều.



ĐÔI LÒNG

Lòng em như tờ giấy trắng
Trong lành thơm ngát hoa hương,
Tình anh một trời xuân nắng
Êm êm khúc nhạc Thiên-Đường.

Gặp nhau giữa mùa thu mộng
Ngọt-ngào lúa chín bên nương,
Đời vui bừng lên mạch sống
Hoa thơm kết quả chen vườn.

Lòng em triều xanh biển cả
Rạt-rào sóng Thái-Bình-Dương,
Tình anh dệt muôn hoa lá
Vững bền như giải Trường-Sơn.

Tóc xanh hoà trong mắt biếc
Đường đi ngập nắng ban mai,
Đôi tim say tình bất-diệt
Huy-hoàng xây-đập tương-lai.

ĐỜI NGƯỜI THIẾU MÙA XUÂN

— *Les types comme nous, ... y a pas plus
seul au monde ... Ils ont pas de futur devant eux.*

John STEINBECK

VỪA tới nơi là nó đã thấy ớn ớn ở xương sống. Nó vội ngồi ngay xuống đất. Thế rồi nó ngáp dài liền mấy cái liên tiếp đến chảy nước mắt và muốn treo cái hàm. Sau đó, người của nó rùng lên một cái, hai cái, ba cái... và tới cái thứ tư thì toàn thân của nó bắt đầu run cầm cập. Tức tối nó ôm ghì lấy hai đầu gối vào ngực, cắn răng cố kìm hãm cơn "lên đồng". Trên đầu nó mặt trời đứng bóng như xót thương đổ xuống hơi nóng gay gắt để giúp sức. Nhưng nó vẫn nghe lạnh là lạnh, một cái lạnh xé thịt xé da từ trong ruột lạnh ra. Vì vậy mà hai hàm răng hô của nó nhịp "song lang" ngoài bờ môi nghe thôi không kịp; còn cái lưng trần trụi nắng ăn mồi thít thì rung rinh liên hồi trông giống y như là cục gò mồi trong cơn địa-chấn trường-kỳ. Hơn nữa, từng chập, nó nghe cái lạnh đó thoáng qua trong xương sống và mỗi lần như vậy cái cựa cồ đóng đất có chớn của nó rướn lên, cái

đầu tóc chơm-bơm đầy bụi của nó lắc lia, cái lưng ồm lồi xương của nó ền ra đề rồi nó rùng mình rên hừ hừ và chửi một câu: "Mẹ tía nó, lạnh gì mà lạnh dai quá ề vậy!". Và cứ thế con rét kinh-niên tiếp tục hành hạ cái thân ốm nhom của nó mãi.

Chỗ mà nó đương ngồi là một bến đò. Nó chọn nơi này đề trị bệnh vì ở đây nó có sẵn hai món thuốc không tiền: nước và mặt trời. Hễ con rét mà hành nó nóng, nó dùng chiến-lược "trâu dầm nước"; còn nếu con rét "chôn nước đá" trong ruột của nó như hôm nay thì nó ngồi phơi nắng trên bờ.

Bấy giờ bến vắng khách và con đò cũng vắng bóng. Trước mặt nó, dòng sông Đồng-Nai lặng lẽ trôi nhẹ. Và con gió như sợ nó lạnh thêm tội nghiệp lâu lâu mới chịu thổi ra một hơi nhẹ hều cho có vị.

Đương ngồi run và rên, bỗng dưng nó nghiêng đầu hình mũi hít hít nghe ngóng...

Một mùi thúì ? Phải, một mùi thúì không biết từ đâu vừa đưa tới. Cái mùi này theo gió chỉ thoảng qua rồi hết. Thế là nó bỏ qua... Nhưng chưa đầy một phút, nó lại nghe thúì nữa. Bận này cặp mắt dò ngầu mội mội của nó ráng rảo nhìn xung quanh chỗ nó ngồi coi có ai cắc có làm bậy ra, đó một đồng nào hay không. Mất công vô ích, nó không thấy gì cả. Rồi cùng với gió tắt mùi thúì mất đi. Lòng của nó ẩm ức ậm ực vì không kiếm ra được cái gì phát sanh cái mùi khó chịu kia. Thế rồi nó cả quyết tìm cho ra mới nghe. Bấy giờ nó rình rập cái hơi đó bằng đủ giác-quan và luôn luôn sẵn sàng đề truy-nã...

Trời hiện đứng gió. Mà lạ này, cái mùi quí giạt ấy đã trở lại và hiện nặc nùng muốn ngộp thở. Lẹ làng mũi của nó cố định hướng ; mắt của nó hồi hải trông, tìm. Đột ngột người của nó chồm dậy. Nhìn sừng ra dòng sông, đôi mắt của nó bỗng trở nên sáng rỡ và linh-động lạ thường.

Cách bờ độ quãng một rạ, một vật gì đen đúa và tròn u lú lên khỏi mặt nước chậm chậm xuôi giòng, y hệt như cái dít đóng khối của chiếc nôi đất úp lại của ai bỏ trôi sông. Và cách mặt nước chừng một thân người hai con kên kên to lớn bay đảo qua, đảo lại rồi thỉnh linh một trong hai con chim đâm đầu xuống xớt ngang qua lưng cái phao đen ấy. Một vùng bụi lẩn xanh tiếng Bắc : con nhặng đen kịt nổi lên mà con nào cũng lớn bằng đầu ngón tay út hết. Nhưng khi con chim phá đám kia bay đi rồi, chúng bu lại đậu như thường trên cái vật nổi đó.

Cảnh tượng vừa xảy ra trước mắt đã làm cho nó đoán biết cái vật trôi sông kia là gì rồi.

«Heo mội». Nọ vọt miếng nói đoạn nhảy

ùm xuống nước. Nó lội sai và sai mau lắm ra phía con heo. Hai con kên-kên đương vẽ vòng tròn trên không trung thấy có người lội đến vội bay đi nơi khác. Còn nó, trong nháy mắt, nó chỉ cách con heo có hai sai tay. Bấy giờ nó đổi cách lội : nó lội đứng. Vừa lội nó vừa lấy tay phát nước về phía ấy.

Những con lẩn xanh đương yên tĩnh say sưa làm bữa trên đồng thịt thúì nổi vôi vọt bay túa xua lên vì đám nước bắt thần bắn tới. Mất chỗ đậu chúng bay tản mác ra tứ phía. Nhưng nước từ hai tay của nó không buông tha chúng bay tới truy-kích đủ hướng đủ chiều càng lúc càng hăng khiến một mớ té chết dưới nước. Trong đám đó cũng có con khôn vong, chúng né những lần đạn nước bằng cách bay xa thật xa ra khỏi chỗ con heo và khi tìm không được nơi đậu, chúng lại a vào đáp lại lên đầu, lên mắt nó. Nó lấy tay hươi đuôi và vì nhiều quá nên không xuể, nó vội lặn xuống nước mà trốn. Trong nước trong khe, một bầy cá sát liềng qua liềng lại trước đôi mắt mở của nó. Thiệt không khác đám giứt giàn gì mấy ! Xung quanh cái xác chết nó đã gặp đủ mặt «hạm» thích thịt thúì và chúng luôn luôn chực sẵn. Như sợ mất miếng ăn nó liền trời đầu lên đập nước một hồi nửa đề rồi khi đám lẩn xanh kia chỉ còn lại vài con sống sót bấy giờ nó mới đưa ngón trở của bàn tay mặt ra móc quéo với cái đuôi heo cong queo cứng đờ đoạn lôi mau «chiến-lợi phẩm» vào bờ.

Đến nơi, khi chun của nó đập đất được, nó lòn hai cánh tay dưới thân mình con heo, nhấc bổng con vật lên khỏi mặt nước. Bước lên bờ, nó thấy bữa cái thây này xuống đất. Con heo chết rơi nghe một cái

ách. Giời từ những vùng thịt thúi rớt bò lênh-nghênh trên mặt đất. Ít miếng thịt thúi rớt con con văng ra nằm đó đây. Hồi nãy mùi thúi đã nặc nồng bây giờ nó lại càng nồng nặc thêm thậm bội vì cái rơi kia mà phần thịt thúi của con heo chết nứt nở nhiều nơi để cho mùi bên trong xì ra tiếp hơi với mùi đã có. Thúi cộng thúi thành hơi ngạt. Nhưng nó không chết ngộp. Trái lại nó thản nhiên như không nghe mùi vị gì cả thấy mà hết hồn.

Lặn cái lưng quần xà-lõn trước bụng, nó lấy ra một con dao con chó. Liền đó, nó kéo lưỡi dao ra. Lưỡi dao sắc bén vô cùng nhưng mòn lẩn vào trong thành hình vòng cung. Không chần chờ, nó cúi xuống lấy đầu ngón tay nhận nhận lên trên cái da đen thui của con heo thăm dò coi thịt thúi ăn tới đâu đoạn ấn mạnh lưỡi dao vào thân mình của con vật xả bỏ phần thịt không ăn được.

Những con heo chết mà người ta quăng bỏ trôi sông thì chỉ có phần nổi trên không là thúi trước còn phần thịt ngâm dưới nước thì được nước ướp tươi trong một thời-gian khá lâu.

Miếng thịt mà nó vừa rã ra đó không non hai cân. Vì màu thịt quá tái mét, nó đâm nghi là thịt đã quá cũ nên lật đặt lấy tay xâm thử lên trên ấy. Và sau khi đầu ngón tay trở của nó chấm đều hết mọi chỗ, nó đứng xống lưng dậy, thở khì ra một cái mạnh và nói ên trong vui mừng :

— Chưa bủn. Coi vậy mà còn tươi quá cỡ. Hên cho mình hết chỗ nói. Con heo con ba tháng này chết cao tay lắm là mười hôm.

Nói xong nó cúi xuống hốt đồng thịt thúi rồi vội vàng đem liệng trả lại dòng

sông. Đứng ở mé nước, nó rửa con dao, xếp cái lưỡi lại, đoạn lặn vào lưng quần như cũ. Xong xuôi nó mới tát nước vuốt rửa hai cánh tay của nó lấy nhầy mỡ. Những dề dất từ lâu "bất khả xâm phạm" đã bọc thành một lớp mỏng đen đen trên hai cánh tay này hôm nay mới có dịp theo nước trôi đi để lộ ra cái màu da huỳnh-dàng của nó. Hiện giờ nó thấy khát. Tay sạch, nó bụm nước đưa lên miệng ực liền một hơi. Nhưng tự dưng nó ngưng uống. Thì ra cái cảm-giác mát lạnh của nước ở trong bụng vừa gọi cho nó nhớ lại cơn lạnh run khi nãy. Mà lạ thật cái cơn lạnh kia biến đi mất hồi nào nó cũng không hay, Nó ngờ-ngác mà rằng :

— Hừ cái thứ bịnh tà ma này mà biết sao cho nổi.

Rồi nó lý-luận :

— Phải mà chắc nó sợ ma da hay hà-bá gì rồi đó.

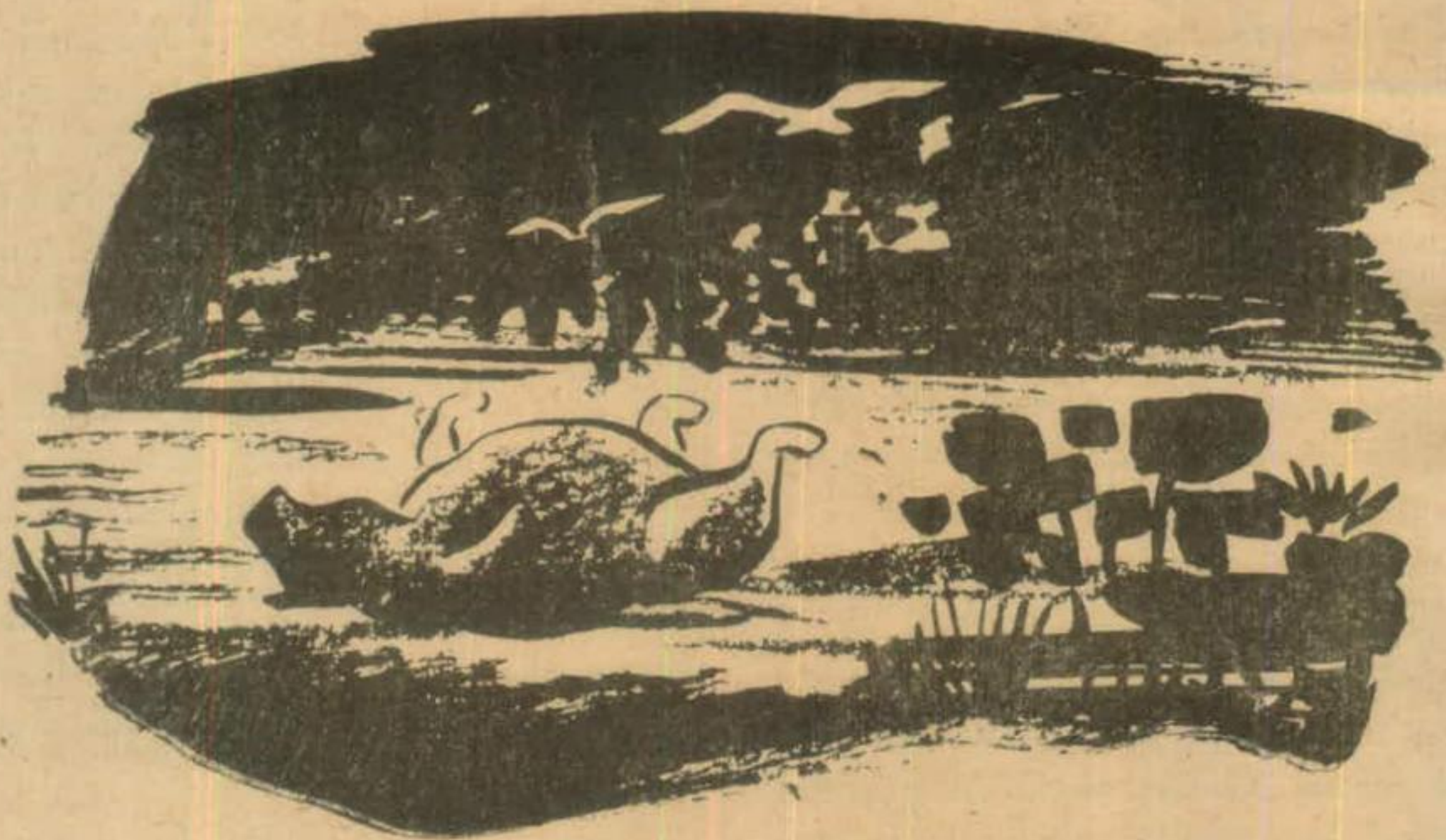
Nó tiếp uống và khi nước trong bụm tay đã cạn, nó rãi tay cho ráo nước và lấy hai cái lưng bàn tay quẹt qua quẹt lại nước trên miệng cho khô. Kể đó nó bước tới chỗ miếng thịt đang nằm đợi nó. Vừa nhìn miếng thịt nó vừa xoa tay ra tuồng khoái chí lắm. Còn miệng thì chúm chiêm cười. Bỗng nó thấy ba con giời đang dọc ngang du-ngoạn trên đó. Nó nhíu mày hơi khó chịu. Cúi xuống co tay búng một con, nó nói trong hai hàm răng cắn chặt lại :

— Nè ăn.

— Bộ hôm nay mày giọng cằn không đã sao ?

Và tới phiên con chót.

— Cho mày xực.



Khi mấy con giò văng đi hết, nó thài miếng thịt lên vai vác chạy lúp-xúp về phía đình. Chạy được một đôi đường, thỉnh lình nó đứng lại ra dáng suy nghĩ. Thật vậy nó là một thằng nghèo xơ nghèo xác ngủ đình ngủ miếu. Trong lúc chạy nó tính đem miếng thịt vô đình để mượn nời trách của ông Từ ở đó mà nấu nướng. Nhưng khi chạy tới đây, nó mới sực nhớ ông Từ là người chay lạt. Như vậy nời trách của ông rất kiêng cử nấu đồ mặn. Hơn nữa miếng thịt trên vai của nó lúc chạy đến giờ đã bắt nó nghĩ thêm rượu. Và con đường mòn xe bò đi phía tay mặt mà nó vừa chạy qua đã nhắc cho nó một người có món này. Nó quày quả trở lại. Đứng ở đầu con đường mòn, nó phóng mắt nhìn cái nhà lá nằm cheo leo ở trong kia, ở bìa rừng, xa chỗ nó đương đứng có đến ba bốn tiếng hú. Đó là « trụ-sờ » của người bạn già của nó, ông ba Đế, một cái tên không xôi chè của dân làng tặng cho ông vì ông là một tay đặt

rượu để lậu. Trong lúc nhìn cái nhà của ông Ba, nó nghĩ thầm : « Cầu đi vô rừng hoài biết mình vô có gặp dạng không ». Nghĩ tới nghĩ lui một hồi không biết sao, nó vụt ba chum bốn cẳng theo con đường mòn này mà phóng nước lớn...

Từ hôm qua tới nay, ông Ba không có một hột cơm trong bụng. Trong đêm vừa rồi, ông ngồi nằm gì cũng không yên. Cái xót xáy bào bọt ở dạ dày hết bắt ông nằm lăn qua lộn lại tới đây ông ngồi dậy lết tới lết lui ở trên chông tre. Đói quá, ông uống nước lạnh cho đỡ vớt. Ông uống nhiều cho đến đôi bị lao canh : ông ngồi hay nằm yên thì thôi bằng người ông cử-dộng, nước trong bụng kêu lọc ọc lọc ọc. Đã vậy thôi đâu, cái bàn chum trái của ông đập gai gấn mấy ngày rày cương mủ hành ông nhức nhối vô kể. Người đói, chum đau... lại thêm cái nạn đi tiểu liên-miên vì uống nước nhiều. Thiệt là cả một hành-phạt độc-ác ! Vì vậy mà ông

khẩn vái cho trời mau sáng để coi có gặp ai vô đây mót củi ông nhờ chạy gạo dùm.

Trời sáng. Với gương mặt trộm lơ, ông ngồi ngóng cò trông đợi... Trời càng về trưa, ông càng sốt ruột vì không thấy một bóng người nào hết. Ông ngồi trên chõng tre nhưng không khác gì ông ngồi trên bàn chõng. Hết nhóm dít lên ngó, ông ngồi xuống thở ra và ngồi chưa ấm dít là ông lết đi. Và mặc dầu ông có thay đổi chỗ ngồi, nhưng đôi mắt của ông luôn luôn hướng về phía đầu con đường mòn từ ngoài xóm chạy vào.

Bảy giờ thì trời đã quá trưa. Ông thấy mình hết hy-vọng chờ đợi ai nữa vì người ở ngoài đó ít khi đi mót củi vào buổi chiều. Như vậy không lẽ ông ngồi mãi ở đây để chết đói hay sao. Thế là ông nhứt định ra xóm. Nhưng còn cái chũn đau? Ông sẽ nặn mủ cho bớt nhức để rồi từng bước một ông lần mò ra ngoài ấy. Ông liền bắt tay vào việc.

Tay trái nắm ngón cái của bàn chũn trái, ông lật ngửa bàn chũn này lên để trên bắp vế chũn mặt. Cái bàn chũn này sưng tũ vù và ửng đỏ với hai vùng mủ trắng lớn bằng nửa đồng xu. Ông lấy ngón trỏ của tay mặt ấn nhẹ lên trên một ổ mủ. Đầu ngón tay của ông vừa chạm da là cái bàn chũn đau đã giựt ra và miệng của ông hít hà liền. Rồi đến ổ mủ kia, ông cũng làm như vậy. Và không khác gì lần đầu, tay ông vừa mới đề vô là bàn chũn đã rút ra xa lắc. Ông thử thêm nhiều lần nhưng cũng chưa nặn mủ được mọt nào. Vì bị tay của ông vọc hoài, hai ổ mủ rêm nhức thêm lên nên có khi tay ông chưa chạm da ổ mủ thế mà cái chũn đập gai đã hết hồn hết vía thụt lui ra xa trước.

Đa ở bàn chũn thì dầy cộm và chai. Muốn làm cho nó rách tung ra, ít nhứt ông

cũng phải đề cho thật mạnh lên đó. Mà ở đây đề nhẹ nó còn đau thấu trời xanh hưởng hồ gì mà ấn mạnh vào dặng có la trời chơi hay sao. Nặn miết không được, ông cho là tại con mắt thấy việc làm bắt ông nhát gan. Vì vậy ông định nhắm mắt làm đũa thử coi. Sao khi canh ngón tay cho ngay ổ mủ, ông híp mắt đếm một, hai, ba rồi lụi đại vào. Tiếng ba ông đã đếm tới nhưng ngón tay của ông vẫn còn nhấp nhứ chớ chưa dám xáp vô. Rồi sợ ngón tay trật chỗ, ông mở mắt ra canh lại. Lần này thì ông quả quyết lắm. Ông nhắm mắt, cắn răng, hự một tiếng lớn và đâm đại đầu ngón tay vô ổ mủ. Than ôi! thay vì lụi ngay vào, ngón tay của ông như có "ăn công ký" với ổ mủ xia trượt lớt ra ngoài khiến ông ân hận vì một lần cố gắng mà không nên việc.

Mặt buồn so, ông ngồi ngó cái bàn chũn đập gai. Lơ dăng tay ông đưa lên vuốt má bên trái để dưng phải cái theo năm vát ngang mang tai. Mấy ngón tay của ông ngừng lại rồi rờ rẫm trên cái dấu ấy trong lúc mắt ông đứng tròn chết trong nghĩ-ngợi. Bất giác ông nhớ tới cuộc đời trước kia của ông. Hồi đó, thuở ông còn trai tráng, ông là một tay đâm chém mướn có tiếng. Giết người, ông không ngán tay. Vậy mà hôm nay, chỉ có hai ổ mủ quèn, ông lại đành chịu thua mới là tức cho chớ. Ông lấy làm lạ cho con người hiện tại của ông. Đương suy-nghĩ, thỉnh linh ông nghe có tiếng chũn chạy vỗ mặt đất thỉnh thỉnh đầu đây. Ngược mặt lên, ông dớn-dác nhìn quanh.

Từ ngoài xóm, một người đàn ông cao nhòng xăm xăm chạy về hướng nhà ông và hần chỉ còn cách ông có vài chục bước.

Hoảng hốt, ông quăng cặp giò ra bìa chõng dướm bước xuống đất dặng chạy. Cùng một lúc với cử-động này của ông, tai

ông nghe mấy tiếng gọi vói vào của người đương chạy đó : « Cậu ba ơi ! Cậu ba ! ». Ông đành bộ, day ra ngó coi ai. Và khi nhận ra là nó, người quen thuộc, ông thờ dài một cái trút sạch mối sợ hãi.

— Lãng nhách thì thôi ! Thằng Hai Cà-Ròm mà mình tưởng đâu Tào-Cáo vô nữa chớ. Tồ cha nó làm mình hết hồn hê.

Rồi hoàn hồn, ông rút bộ giò lên treo lại, chống gót ở bìa chống đoạn khoanh tay đặt trên hai đầu gối. Ông ngồi đợi thằng Hai chạy tới với một nụ cười hả hê của kẻ gặp dịp may. Thật vậy, ông đương cần người để chạy gạo dùm thì thằng Hai đến vừa đúng lúc. Và nhìn bộ gió lỏng không của nó chạy, ông Ba lắc đầu làm-bầm : « Thiệt ai khéo đặt cái tên Cà-Ròm cho nó thì thôi ! » Khi nó còn năm sáu bước nữa là đến trước mặt ông, ông chợt thấy trên vai của nó có một vật gì. Nhướng mắt, ông ráng phân-biệt :

— Thịt !

Ông la lớn lên rồi thót lệ xuống đất. Nhưng hai bàn chun của ông vừa chấm đất thì ông lại hét :

— Trời ơi ! Trời !

Thế rồi ông co liền cái chun đau lên, cúi xuống ôm ống quyển cả hai tay và xây tròn như chiếc bông vụ. Chiếc bông vụ cây khi quay tròn thường cuốn gió kêu vo vo. Còn cái bông vụ người đây thì phát-thanh những tiếng hít hà, ui cha, ui cha, hít hít hà nho nhỏ. Khi người của ông ngừng lại, ông Ba mới thấy bàn chun đập gai của ông dẫm ướt mủ với máu. Hai ổ mủ đã bề ! Mừng rỡ, ông lấy tay gạt máu mủ cho rớt xuống đất. Bàn chun của ông hết nhức nhưng ê ẩm. Và bấy giờ thằng Hai Cà-Ròm cũng vừa chạy

trờ tới. Đứng sựng trước mặt ông, nó hỏi lảng-xăng :

— Gì đó cậu Ba ? Gì đó cậu ? Gì mà la trời la đất quá xá vậ ?

Buông cái chun đau xuống, quệt lia quệt lia mấy ngón tay dính máu mủ vào hai ống quần đen, ông ngó nó cười híp mắt, đưa tay ra trịnh trọng rước miếng thịt trên vai của nó rồi mới chịu hờ môi :

— Ồi có gì đâu !

Nhưng thấy ông Pa đứng không vững, nó bèn ngó xuống chun của ông mà hỏi tiếp :

— Chun của cậu làm sao vậy ?

— A cái chun đập gai của tao đó mà. Thấy mầy vô đây, tao mừng quá nhảy xuống định đi ra đón làm cái chun có động đau chút xíu vậy thôi.

— Vậy hả. Hừ. Cậu làm tui tưởng cậu bị rắn hay bò cạp gì cắn chớ. Đứng xăm-xoi miếng thịt trên tay một hồi, ông Ba hất hàm hỏi nó :

— Đâu đây mậy ?

— Hà- á cho.

Ngẫm hiểu ý nó nói, nhưng ông Ba còn nghi ngờ nên vặn hỏi :

— Thiệt vậy hả mậy ?

Thằng Hai chúm chím cười và gật đầu.

— Há đa ! Thôi mầy vô ngồi nghỉ mệt đi. Mình mầy mồ hôi mồ hám không đó. Để tao đi « mần » miếng thịt này cho.

Theo lời ông Pa, thằng Hai Cà-Ròm bước tới ngồi lên chống tre và tay chụp liền cây quệt mo cao nằm trên đó mà quạt lia.

Ông Pa đặt miếng thịt lên chống tre, cúi xuống đưa mũi đánh hơi giây lát đoạn lấy đầu ngón tay xăm xăm trên miếng thịt.

— Trời thịt còn xăng còn quá hề.

— Hôm rày đặt được bao nhiêu rồi cậu ? Hằng Hai hỏi.

Vì quá chăm chú xem xét miếng thịt, ông Ba không nghe rõ nên hỏi lại :

— Hử, mấy mới nói cái gì đó Hai ?

— Tui hỏi cậu rượu kỳ này đặt được bao nhiêu rồi ?

Đứng ngay người ra, ông Ba thở ra.

— A, rượu đó hả ? Còn con mẹ gì nữa mà nói.

Câu nói của ông Ba chấm dứt, tay quạt của thằng Hai ngừng ngay. Chung hững, nó day ngó ông Ba như muốn hỏi sao vậy.

— Mấy không hay gì sao ?

— Có hay khi mớ gì đâu ?

— Cách đây mấy hôm, mấy thằng chế. bầm tào-cáo vó cây hốt hết của tao rồi Bữa đó tao chạy trốn chết không thôi tụi nó xên luôn tao nữa là khác.

Nói đến đây, ông Ba giở cái chun trái lên lấy tay chỉ chỉ chỗ đập gai và tiếp nói :

— Đó mấy thấy hôn. Tao chạy bất kệt trời đất đến dỗi đập gai mà không hay biết gì ráo. Mãi cho tới lúc...

— Thôi rồi ! Hết ngó ông Ba, thụng cái lưng xuống, thằng Hai nói một cách thiếu-não vì nó vừa thấy cái mộng nhậu rượu của nó đã tiêu tan.

Nhìn cử-chỉ này của nó, ông Ba đã đoán biết việc đó. Tay buông cái chun đau



xuống, ông Ba cười lớn lên. Đương thất-vọng, tiếng cười của ông Ba làm nó nhán nhỏ khó chịu. Nó dùng dằng đứng dậy bỏ đi ra ngoài sân. Thấy vậy, ông Ba vội vàng cà-nhắc đuổi theo. Rồi khi bắt kịp, ông Ba nắm tay nó vừa kéo vô nhà vừa nói :

— Ê Hai bộ mấy buồn tao sao vậy ? Tao nói giỡn chơi với mấy không được sao ? Cái thằng hay giận lẫy thì thôi. Rượu chưa bị lấy hết đâu. Mấy không biết tao sao ? Lào-cáo còn thua trí thằng cáo già này mà vậy.

Đương bị lôi, thằng Hai đứng lại ngó ông Ba với con mắt bán tín bán nghi.

— Thiệt chơi cậu ?

— Tao như vậy mà đi cà-rớn với mấy sao ?

Cái mặt bí xị của nó tươi lại. Nó tiếp hỏi :

— Nhiều ít ?

— Đủ một ban hội-tề uống.

Nó trở mặt nhìn ông Ba.

— Đủ một ban Hội-tề uống lận sao ? Trời, nhiều quá há. Ở đây hay chôn trong rừng ?

— Ở trong nhà này thôi. Mấy thử làm tào-cáo vô lực coi ?

Thằng Hai bước liền vô nhà. Ông Ba nổi gót theo sau.

Đứng ở giữa nhà, thằng Hai đưa mắt quanh một lượt. Cái nhà nhỏ chỉ bằng bùm tay. Và những món đồ mà nó thấy có thể chứa rượu được là cái lu, cái khạp, cái hủ và hai cái chai không treo lưng chừng vách bên trái. Trừ hai cái chai này ra, nó bước tới giờ nắp lu. Nó cúi xuống hửi. Không có hơi hướng rượu gì hết. Nó bỏ đi lại cái

hủ. Tay nó lật cái nắp ra dưới mắt nó mằm mằm còn được nửa hủ. Thất vọng nó rẽ tới cái khạp. Khạp chỉ còn năm mười hột gạo dính đáy. Cuộc khám xét thất bại. Nó đứng mím môi gật gật cái đầu tỏ vẻ phục cái tài giấu của ông Ba.

— Kiểm được chưa ? Ông Ba hỏi.

Nhe hàm răng hô ra, nó vừa cười gượng vừa đáp :

— Tôi, tôi chịu thua cậu rồi đó.

Rồi sực nhớ tới cái khạp hết gạo, nó liền hỏi ông Ba :

— Cậu Ba, gạo hết mẹ rồi. Không lẽ ăn thịt không sao ?

— Hừ cái thằng tối tính thì thôi. Còn rượu thì còn gạo. Cái thằng sợ lãng ồ chưa ? Đây. Mấy bước lên cái chổng tre đi ?

— Chi vậy ?

— Còn chi nữa, lẹ đi cái thằng quỷ giệt. Người ta biểu sao thì làm vậy. Đừng dằng-cà nữa.

Thằng Hai Cà-Rôm riu-riu leo lên chổng tre.

— Ngó lên nóc nhà coi ? Ông Ba ra lệnh.

Nó làm y như lời Ông Ba nói rồi nghĩ làm sao không biết nó cúi xuống hỏi ông Ba :

— Bộ cậu muốn biểu tui đánh đu nóc nhà hát xiếc cho cậu coi chơi phải hôn ?

Bực tức, ông Ba dậm chun định hét cho nó một hồi. Nhưng rủa cho ông, ông nhe cái chun đau mà dậm nên chưa hét nó được tiếng nào là đã ôm chun rên-rỉ. Thấy vậy, thằng Hai sợ ông Ba nổi tam bành lục-tặc lên thì khờ, vội vàng năn-nỉ :

— Thôi, thôi, thôi... Cậu ư... nói đi. Làm sao tui cũng làm hết. Hồng có hỏi lỗi thôi nữa đâu.

Hăm hừ, ông Ba nhìn nó rồi gặt giọng :

— Kéo cái mo cau có lổm đổm đen nó xuống ?

Giữa bốn cái moc ao khác lốt dưới mái tranh cũ nát, cái mo cau có lổm đổm đen này cũng như mấy cái kia nó không có vẻ gì khác hơn là một vật vá lấy một chỗ dột của mái nhà. Nhưng... Tay thẳng Hai vừa rút cái mo đổ xuống thì một cái bao tử heo khô đựng rượu từ mái nhà rơi xuống nện lên đầu nó. Nó quăng lẹ cái mo xuống chông rồi chụp lấy cái bao tử rượu. Ôm cái vật này trong lòng, thẳng Hai mừng nhảy cà-tưng cà-tưng trên chông tre.

— Xập mẹ cái chông của tao sao vậy. Đứng ở cạnh chông tre, ông Ba nóng ruột nói.

Nó thôi nhảy và vừa bước xuống đất nó vừa hỏi :

— Mấy cái mo kia cũng có vậy hả cậu ?

— Ừ. Mấy đi lấy cái chai không trên vách kia chiết ra cho tao dầy chai đi ?

Thẳng Hai chưa vội đi ngay. Nó nán đứng lại đó mà hỏi.

— Sao ? Miếng thịt cậu tính làm gì ăn cậu ?

— Tao hả ? Thì... ram được không ?

— Lâu lắc lắm cậu. Luột mẹ nó hết đi rồi cuốn bánh tráng ăn cho lẹ.

— Ăn làm sao cho hết vậy ?

— Ăn không hết thì kho mắm nêm.

— A, thẳng tính nghe gọn dữ a. Thôi mấy lo việc chiết rượu đi. Chừng nào rồi cho tao biết đề tao chỉ chỗ cho mà đi. Còn tao, tao đi bắt nước cạo lông heo cái đã.

Việc phân công đã cắt đặt xong. Ai lo việc nấy. Thẳng Hai lui cui lấy chai chiết rượu. Ông Ba thì lo nhúm lửa. Và khi ông Ba bắt cái chảo nước lên chiếc cà-ràn đã lừng lửa ngọn, thì thẳng Hai lên tiếng :

— Rồi rồi cậu. Tôi chiết ra chai rồi. Tui làm một hộp nha cậu.

— Sớm mới tới giờ này có ăn cái gì chưa ?

— Chưa có cơm cháo gì hết. Bụng còn trống trơn hê.

— Mẹ đừng uống. Không khéo mấy ngã ra đó thì thịt đây ai ăn. Thiếu gì đó mà lo. Ráng đợi chút nữa nhậu với thịt đi vậy.

— Ừ. À mà còn chai rượu này đem đi đâu hả cậu ?

— Nè lại đây tao dặn.

Thẳng Hai bước đến bên cạnh ông Ba, nghiêng đầu, vênh tai ra đợi. Mặc dầu thẳng Hai không diếc lác và ở đây chỉ có hai người thôi, ông Ba cũng ghé miệng sát vào tai của nó mà xăm-xì :

— Mấy biết lò bánh tráng của chị Sáu Dao chớ ?

Thẳng Hai gật đầu nói :

— Biết.

— Mấy chạy u ra đó đưa chai rượu này cho chị. Nhớ nói với chị là nước nhứt nha vậy.

— Ừ. Sau khi nói tiếng “ừ”, thẳng Hai cặp nách chai rượu vội bước đi. Ông Ba chồm người tới nắm cánh tay của nó níu lại.

— Khoan đã. Chưa chi đã vội đi. Ông nạt thẳng Hai rồi hạ giọng, ông tiếp nói :

— Mấy nói với chị đưa bánh tráng cho tao khá khá nó nha và cho tao vay dờ ít nôi gạo rồi vài bữa nữa chỉ sẽ có thêm rượu.

Tới đây ông Ba với tay lên vách gỡ cái gùi treo ở đó xuống đoạn máng vào vai thẳng Hai.

— Thôi đi đi. Vừa nói ông Ba vừa lấy tay xô thẳng Hai như biều nó chạy. Mà thật vậy, có đà đầy, nó co giò chạy liền. Đứng nhìn theo bóng thẳng hai xa dần, ông Ba chép miệng mà rằng :

— Cái thẳng coi vậy mà biết ơn biết ngại quá chừng. Dạy nó có mấy miếng võ quèn, vậy mà hễ nó có gì cũng đem vô đây dãi mình hết.

Nói xong, ông hối hả đi cạo lông heo, luộc thịt và hái rau.

Hút tàn độ một điếu thuốc rê là thẳng Hai về tới. Nó ôm trước bụng một xấp bánh trắng và trên vai của nó chiếc gùi đựng lưng lửng nửa gùi gạo. Vừa dứt đầu vô nhà, nó gặp ngay chiếc mâm cây nằm sẵn giữa chõng tre. Trên đó ông Ba đã dọn xong một mớ rau sống, một tô mắm nêm, hai cái chén đá không và một đĩa thịt phay vun chùn còn lên hơi nóng. Để cái xấp bánh trắng bên cạnh cái mâm, gỡ cái gùi trên vai ra bỏ đại dưới đất, nó cúi mặt xuống đĩa thịt hít một hơi dài đến chảy nước dãi. Cùng lúc đó ông Ba đi hái ớt chỉ-thiên ở ngoài sau hè trở vào, bắt gặp nó đang úp mặt trên đĩa thịt. Ông đến đứng bên cạnh nó một hồi mà nó cũng không hay.

— Hít đã chưa ?

Giật mình, nó đứng ngay lưng ra, nuốt chỗ nước miếng đọng trong miệng, rồi vừa cười vừa nhìn ông Ba mà nói :

— Mệ thịt ngon quá cậu.

— Nào, tụi mình ráp vô đi còn đợi gì nữa. Ông Ba hối.

Thẳng Hai thót lên chõng tre liền, giơ hai chân ra ngoài chõng phui đất sơ sịa đoạn rút vào ngồi xếp bằng. Thả ớt trong bùm tay xuống mâm, ông Ba leo lên ngồi theo. Bấy giờ tay cầm cái bao tử rượu, ông

Ba rót ra hai chén đá. Ngồi ngó ông Ba rót rượu rồi ngó lại đĩa thịt, thẳng Hai nuốt nước miếng không ngừng.

— Làm đi mậy ? Ông Ba giục nó. Không đợi ông Ba nói đến tiếng thứ hai nó « làm » liền và ông Ba cũng vậy.

Ăn thịt uống rượu, người giàu sang thông - thả nhai và nhắm đề thưởng thức cái hương cái vị của các món ấy. Còn Ông Ba và thẳng Hai thì lại khác. Cắn được miếng nào, họ chỉ trợn trạo nhai rồi nuốt trửng. Họ ăn ngốn ăn ngấu như thể chạy giặc. Mà thật vậy, họ cốt nuốt cho no thôi vì trong lúc đói là người họ đâu có ngồi đó mà nghe nga như kẻ giàu có được.

Thịt xắt ra trên đĩa thì lớn bản và dày cui. Và cuốn thịt bánh trắng, họ cuốn cuốn nào cũng lớn bằng cườm tay và dài cả gang.

Hiện giờ họ làm biếng nói chuyện. Trong sự câm lặng này, tiếng nhai nhóc nhách, tiếng xé bánh trắng tèn tẹt, tiếng ực và khè rượu của hai người nghe rõ ràng hết sức.

Đề chứng-kiến bữa thịt ngon nhứt đời của họ, một con ruồi bay đậu trên chót mũi của thẳng Hai. Nghe nhột nhật trên đó, nó hình mũi nhiều lượt đề đuôi. Nhưng con ruồi không bay. Nó cũng đề vậy mà ngồi ăn.

Họ cứ cầm đầu ăn và uống...

PHẠM-PHẠM

CÁO LỖI

Vi lý-do kỹ-thuật, nên hai số báo **B.K. 74** và **75** ra không đúng kỳ.

Mong các bạn lượng thứ cho sự chậm trễ này, và từ số **76**, **Bách-Khoa** sẽ phát hành đúng ngày như trước.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— Những bài đã nhận được : Lén men đi (Duy) — Con là con chim nhỏ (Trúc-Nam) — Tiếng đàn bên sông (B.B.Thế-Phương-Trang) — Cách-mạng ; chim én mùa xuân (Nguyễn-Mạnh-Tu) — Những tờ báo xuất bản trước nhất thế-giới ; Autobindo Ghosh (Lâm-Hữu-Ngân) — Lời nói cuối cùng (Đoàn-Văn-Ngọc) — Johnny người gấu (Hồ-li-Hải). — Tóc em (Cung-Trường) — Nghĩ xa xôi ; Nỗi lòng người mẹ ; Bắc-Nam chia rẽ ; Anh sầm, thướt xuân ; (Dương-Đình-Lầy) — Thu với Nguyễn khuyến (Hồ-Văn-Chính).

Giã biệt đô thành — Mưa Kontum — Ngày thơ (Đoàn-Tiên) Nắng đầu xuân (Huỳnh-Thanh-Tòng). Anh viết bài trường ca (Nguyễn-Phụng). Trưa hè (Trọng-Thư). Anh và tôi. — Đừng giết tôi (Vô tình). Thoảng qua (Đặng-Đức-Côn). Trên một nụ cười (T. Hương). Cuộc đời (Thanh-hoài-Giang). Bèo mây (Thanh-việt-Thanh) Cô giáo vườn dâu. Ông quản Xía (Vũ-Nghi).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

Những bài không đăng : Tâm sự lẻ (Xuân-Hy). Cầu tre — Vọng tưởng ngày xuân (T.Q.B). Chiều buồn, Ngựa què.... (N.C.G)

Những bài trên đây vì nhiều lý-do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Anh Mặc-Phương-Đình : Sẽ đăng bài anh sửa lại.

Anh Lê-Hùng : Đã nhận được « Tâm-hồn Quỳnh sóng gió » cảm ơn anh rất nhiều.

Ô. Lê-ngọc-Quý : Đã nhận được thư và bài thơ — Xin trân trọng cảm ơn những lời khuyến khích và góp ý của ông.

Ô. Vũ-Trung (Huế) : Đã nhận được Vĩnh — Rất cảm ơn — Sẽ đăng.

Kim-Tuấn (Pleiku) : Thân mến gửi lời thăm Tuấn — Đã nhận được thư và thơ — Cảm ơn nhiều.

Ô. L.C.K. (Di-Linh) : Xin đa tạ sự góp ý sốt sắng của ông — Chúng tôi sẽ xin chuyển thư ông đến tác-giả bài « Cù lhan... »

Ô. Lữ-tiên-Chiếu : Cảm ơn ông đã dịch tác-phẩm của Băng-Vân và nghĩ đến Bách-Khoa nhưng rất tiếc bài bút-ký đó không có gì đặc-sắc cả.

Em Minh-Khiết : Rất tiếc bài thơ em, không đăng được. Mong em cho biết địa chỉ để có thể giúp em như ý em muốn.



SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

— « Thơ Tru Vũ », gồm 56 bài thơ của thi-sĩ Tru-Vũ, do tác-giả gửi tặng. Thi tập Tru-Vũ gồm những bài đặc sắc của tác-giả trích từ 6 tập thơ, trình bày trang nhã. Bản gửi tặng, loại Hoa-Hồng, loại bán có 2 giá, bản « blanc écriture » : 40\$ và bản dành riêng Học đường 20\$

— Ông Nguyễn-Hiến-Lê gửi tặng :

— « Muốn giỏi Toán Hình học phẳng (đệ ngũ, đệ tứ, đệ tam) in lần thứ tư giá 50\$.

— « Muốn giỏi toán đại số » (đệ Ngũ, đệ Tứ) gồm 500 bài tập phân loại và có chỉ dẫn, giá 50\$.

— « Tự học để thành công » in lần thứ nhì giá 46\$

— « Kim chủ nam của học-sinh », giúp học-sinh đỡ phí sức tốn thì giờ, mau có kết quả. Sách in lần thứ ba giá 45\$.

— « Bí quyết để thi đậu các bằng cấp Trung-học in lần thứ nhì, giá 20\$

— Thi phẩm « Tặng lễ » thi tập đầu của Nguyễn-Phụng, do tác-giả tự trình bày và xuất bản giá 20\$.

Xin trân trọng cảm tạ nhà xuất bản, các tác giả và ân cần giới-thiệu cùng đọc giả Bách-Khoa.

B. K.

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUỆ-KỶ

**GIÁ
BÌNH DÂN
108**

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tổ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

**SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE
DU VIETNAM**

55 Đường NGUYỄN-HUẾ, SAIGON

Agent Exclusif

POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CONG-TY

95, ĐƯỜNG THỐNG-CHÉ DE LATRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



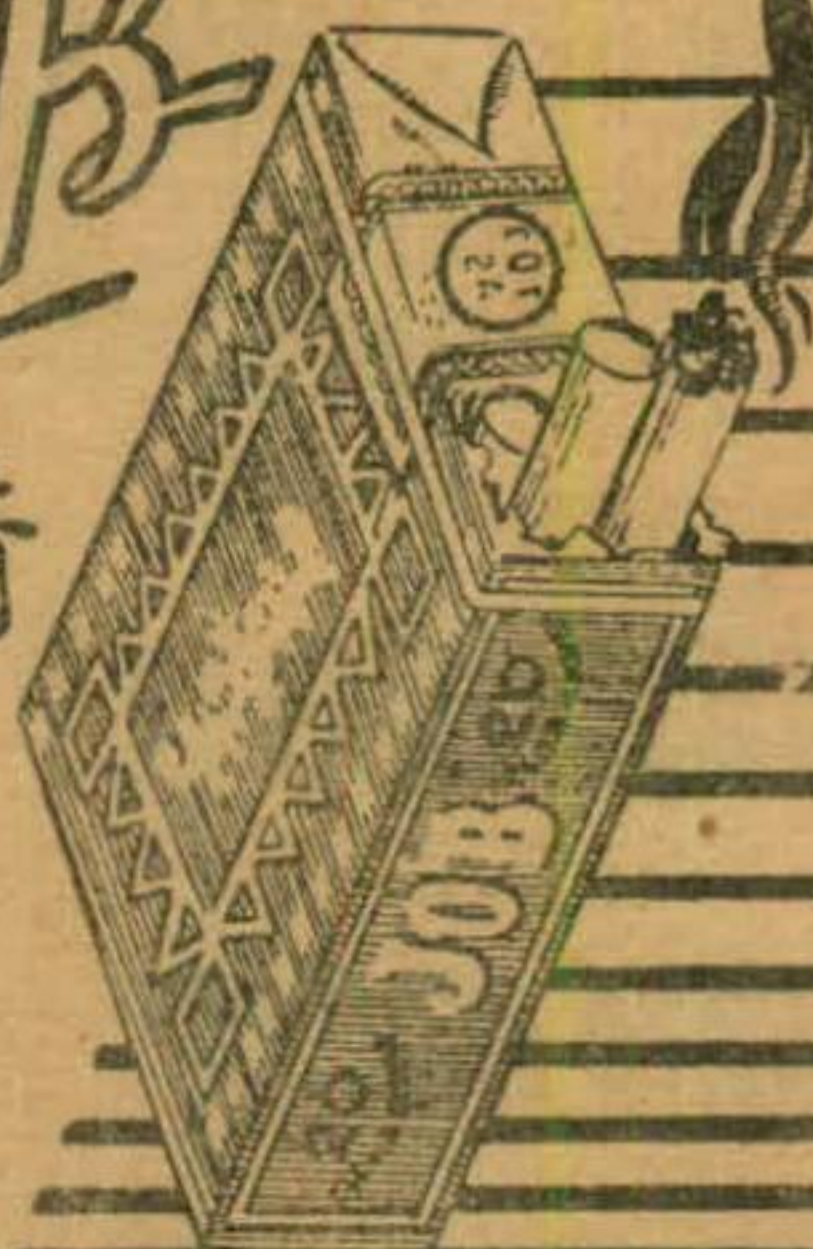
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
Mùi êm dịu
KHÓI THƠM SẠY
HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
KHẮP GẦN XA NƯỚC TIỀNG

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
金字烟





NUỐC-NGỌT
HIỆU
CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TĨNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



Hút Thuốc Thơm

Mã nhất tâm



Sáng Tinh Thần

Văn -

- Nghề -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15 \$



ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА

百
科
雜
誌

Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :

160, Phan-Đình-Phùng — Sài-gòn
Điện-nói : 25.539

Giá Công Sở : 15\$
GIÁ : 10\$

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON